TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Đại học vừa làm vừa học**
**Khóa TS: 2010**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị tài chính**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 082589Q | TRẦN DIỆP THẾ | NGỮ | 10370301 | Nam | 29/05/90 | Thuận Hải | 145 | 6.44 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Đại học vừa làm vừa học**
**Khóa TS: 2010**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nhà hàng khách sạn**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 082765Q | TỐNG THỊ THÚY LIỄU | 10370501 | Nữ | 16/05/90 | Tiền Giang | 145 | 7.31 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật điện tử - viễn thông

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2010**
**Chuyên ngành đào tạo : Điện tử viễn thông**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 41000040 | NGUYỄN THÀNH | HÔN | 10040002 | Nam | 04/07/92 | Bình Thuận | 166 | 6.62 | Trung bình khá |
| 2 | 41000165 | NGUYỄN TRỌNG | HÙNG | 10040002 | Nam | 15/03/92 | Thanh Hóa | 166 | 6.49 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2010**
**Chuyên ngành đào tạo : Tự động điều khiển**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 41000132 | PHẠM HUY | BÍCH | 10040003 | Nam | 02/01/92 | TP. Hồ Chí Minh | 165 | 6.69 | Trung bình khá |
| 2 | 41000135 | VŨ ĐỨC CÔNG | CHÍNH | 10040003 | Nam | 21/01/92 | Kiên Giang | 165 | 6.19 | Trung bình khá |
| 3 | 41000154 | NGUYỄN VĂN | ĐỊNH | 10040003 | Nam | 06/09/92 | Quảng Nam - Đà Nẵng | 165 | 6.63 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật xây dựng

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2010**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 81001043 | NGUYỄN | HUY | 10080101 | Nam | 23/02/92 | Long An | 160 | 6.18 | Trung bình khá |
| 2 | 81001128 | ĐỖ ANH | VŨ | 10080101 | Nam | 27/10/92 | Quảng Ngãi | 160 | 6.61 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Bảo hộ lao động

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2010**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 91003122 | ĐẶNG VĂN THỦY | 10090301 | Nam | 08/06/91 | Nghệ An | 178 | 6.65 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Tài chính - Ngân hàng

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2010**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | B1000231 | HỒ MAI ANH | 100B0101 | Nữ | 13/08/92 | Lâm Đồng | 145 | 6.22 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2011**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01103087 | VÕ NGUYỄN BẢO MY | 11000301 | Nữ | 06/05/93 | TP. Hồ Chí Minh | 182 | 6.29 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Thiết kế công nghiệp

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2011**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11101055 | HOÀNG THỊ PHƯƠNG | LINH | 11010201 | Nữ | 04/12/93 | Đắk Lắk | 153 | 6.61 | Trung bình khá |
| 2 | 11101129 | TRẦN THỊ MỘNG | TIÊN | 11010201 | Nữ | 24/12/92 | Đồng Nai | 153 | 6.89 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kế toán

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2011**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 21102250 | LÊ THỊ KIM TRINH | 11020101 | Nữ | 01/01/93 | Quảng Ngãi | 148 | 6.35 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Toán ứng dụng

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2011**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 51101034 | PHAN THỊ ÁNH | NGUYỆT | 11050101 | Nữ | 17/03/93 | Long An | 146 | 6.48 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Khoa học máy tính

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2011**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 51103209 | TRẦN PHƯƠNG | THẢO | 11050302 | Nữ | 26/05/93 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 6.17 | Trung bình khá |
| 2 | 51103137 | NGUYỄN HUY | THIÊN | 11050302 | Nam | 19/10/93 | Đắk Lắk | 145 | 6.65 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật hóa học

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2011**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 61102152 | ĐẶNG THỊ MỸ | KHUYÊN | 11060201 | Nữ | 26/12/93 | TP. Hồ Chí Minh | 169 | 7.27 | Khá |
| 2 | 61102236 | HUỲNH VĂN | TRỌNG | 11060201 | Nam | 15/01/93 | Kiên Giang | 169 | 6.68 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2011**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị tài chính**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 71100013 | PHẠM THỊ NGỌC | HÀ | 11070301 | Nữ | 09/05/93 | Tiền Giang | 147 | 6.77 | Trung bình khá |
| 2 | 71100152 | TRƯƠNG NGỌC QUỲNH | TIÊN | 11070301 | Nữ | 29/09/93 | TP. Đà Nẵng | 147 | 7.10 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2011**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị kinh doanh quốc tế**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 71106045 | HUỲNH SỞ | NHÃ | 11070601 | Nữ | 08/01/93 | TP. Hồ Chí Minh | 147 | 6.10 | Trung bình khá |
| 2 | 71106083 | NGUYỄN THỊ BẢO | TRÂM | 11070601 | Nữ | 02/12/93 | Đắk Lắk | 147 | 6.24 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Công nghệ kỹ thuật môi trường

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2011**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 91101011 | BÙI QUANG CHÍNH | 11090101 | Nam | 02/10/93 | Đắk Lắk | 173 | 6.37 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Khoa học môi trường

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2011**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 91102009 | LÊ KHẮC | BÌNH | 11090201 | Nam | 03/11/93 | TP. Hồ Chí Minh | 174 | 6.53 | Trung bình khá |
| 2 | 91102087 | NGUYỄN THỊ THANH | NỮ | 11090201 | Nữ | 13/02/93 | Phú Yên | 174 | 6.24 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kế toán

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy - LT từ trung cấp**
**Khóa TS: 2011**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 21122852 | LÂM THỊ THÚY AN | 11220203 | Nữ | 01/08/89 | Long An | 94 | 5.82 | Trung bình |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật điện

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy - LT từ trung cấp**
**Khóa TS: 2011**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 41121128 | TRẦN VĂN BÉ TƯ | 11240101 | Nam | / /82 | Tiền Giang | 111 | 6.50 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Thiết kế nội thất

**Hệ Đào Tạo: Đại học vừa làm vừa học**
**Khóa TS: 2011**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11130001 | NGUYỄN THỤY CÁT ANH | 11310001 | Nữ | 12/09/82 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 6.35 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng

**Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính quy**
**Khóa TS: 2011**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 81180037 | NGUYỄN QUỐC | CƯỜNG | 11880101 | Nam | 01/07/93 | Khánh Hòa | 111 | 5.97 | Trung bình |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01202072 | VÕ THỊ THANH LOAN | 12000202 | Nữ | 05/01/94 | TP. Hồ Chí Minh | 163 | 6.92 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01203104 | ĐÀO MAI HOÀNG | CÚC | 12000302 | Nữ | 05/12/94 | Đồng Nai | 204 | 6.24 | Trung bình khá |
| 2 | 01203147 | PHẠM NGUYỄN THIÊN | LAM | 12000303 | Nữ | 15/01/94 | TP. Hồ Chí Minh | 204 | 6.63 | Trung bình khá |
| 3 | 01203148 | PHẠM THỊ THANH | LAN | 12000303 | Nữ | 10/06/94 | Đồng Nai | 204 | 6.27 | Trung bình khá |
| 4 | 01203041 | NGUYỄN THỊ KIM | NGÀ | 12000301 | Nữ | 30/09/94 | Tiền Giang | 204 | 6.17 | Trung bình khá |
| 5 | 01203230 | MAI HUỲNH | THI | 12000303 | Nữ | 30/08/94 | An Giang | 204 | 6.28 | Trung bình khá |
| 6 | 01203240 | BÙI THỊ HOÀI | THƯƠNG | 12000303 | Nữ | 24/02/94 | Đồng Nai | 204 | 6.18 | Trung bình khá |
| 7 | 01203250 | TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG | TRANG | 12000303 | Nữ | 29/04/93 | Khánh Hòa | 204 | 6.81 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Thiết kế đồ họa

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11201018 | TRẦN THỊ BÍCH NGỌC | 12010101 | Nữ | 21/02/94 | Gia Lai | 153 | 6.89 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Thiết kế công nghiệp

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11202032 | TRƯƠNG THỊ HỒNG HẠNH | 12010201 | Nữ | 19/01/94 | Đồng Nai | 151 | 6.82 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kế toán

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 21200194 | NGUYỄN HOÀNG TIỂU | LINH | 12020102 | Nữ | 30/08/94 | TP. Hồ Chí Minh | 146 | 6.03 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật điện

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 41201145 | LÊ HUỲNH ĐĂNG | KHOA | 12040101 | Nam | 14/04/94 | TP. Hồ Chí Minh | 164 | 7.09 | Khá |
| 2 | 41201025 | NGUYỄN TRỌNG | NGHĨA | 12040101 | Nam | 23/10/94 | Ninh Thuận | 164 | 7.23 | Khá |
| 3 | 41201203 | BÙI QUANG ANH | PHỤNG | 12040102 | Nam | 30/05/94 | Ninh Thuận | 164 | 6.80 | Trung bình khá |
| 4 | 41201034 | ĐỖ HỮU NHẬT | QUANG | 12040101 | Nam | 04/06/94 | TP. Hồ Chí Minh | 164 | 6.43 | Trung bình khá |
| 5 | 41201218 | DƯƠNG TIẾN | SĨ | 12040101 | Nam | 17/05/94 | Phú Yên | 164 | 7.21 | Khá |
| 6 | 41201281 | CHU ĐỨC | TRỌNG | 12040102 | Nam | 04/10/94 | Ninh Thuận | 164 | 6.21 | Trung bình khá |
| 7 | 41201296 | NGUYỄN PHƯỚC | TUYÊN | 12040101 | Nam | 02/01/94 | Bình Thuận | 164 | 6.39 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật điện tử - viễn thông

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 41202074 | TRẦN | DỖNG | 12040201 | Nam | 03/12/94 | Gia Lai | 169 | 6.36 | Trung bình khá |
| 2 | 41202019 | LÊ THÁI | HÀ | 12040201 | Nam | 01/08/94 | Đồng Nai | 169 | 6.46 | Trung bình khá |
| 3 | 41202212 | NGUYỄN MINH | THÁI | 12040201 | Nam | 18/07/94 | Long An | 169 | 6.50 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 41203007 | LÊ ĐÌNH QUỐC | HÙNG | 12040301 | Nam | 10/10/94 | TP. Hồ Chí Minh | 168 | 6.64 | Trung bình khá |
| 2 | 41203137 | NGUYỄN VĂN | NI | 12040301 | Nam | 06/12/94 | Tây Ninh | 168 | 6.55 | Trung bình khá |
| 3 | 41203181 | LÊ BÁ | TRUNG | 12040301 | Nam | 09/04/94 | Kiên Giang | 168 | 6.60 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Khoa học máy tính

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 51203055 | TRẦN ĐÌNH | KHOA | 12050301 | Nam | 17/02/94 | TP. Hồ Chí Minh | 147 | 6.27 | Trung bình khá |
| 2 | 51203124 | NGUYỄN VĂN | THANH | 12050301 | Nam | 01/10/94 | Bình Định | 149 | 7.16 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật hóa học

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 61202163 | TRẦN THỊ BÍCH | DIỄM | 12060201 | Nữ | 05/08/94 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 169 | 6.67 | Trung bình khá |
| 2 | 61202218 | TRẦN THỊ THU | HƯƠNG | 12060202 | Nữ | 14/12/94 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 171 | 7.55 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Công nghệ sinh học

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 61203494 | PHẠM THỊ HUYỀN TRANG | 12060301 | Nữ | 02/11/94 | Đồng Tháp | 169 | 6.49 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật xây dựng

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 81201040 | NGUYỄN DUY TÂN | 12080101 | Nam | 05/08/94 | TP. Hồ Chí Minh | 160 | 7.04 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 81202082 | VĂN CÔNG | DŨNG | 12080201 | Nam | 22/08/94 | TP. Hồ Chí Minh | 162 | 7.00 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Công nghệ kỹ thuật môi trường

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 91201225 | LÊ HOÀNG | LÂN | 12090101 | Nam | 09/01/94 | TP. Hồ Chí Minh | 176 | 7.18 | Khá |
| 2 | 91201233 | NGUYỄN THỊ THÙY | LINH | 12090101 | Nữ | 24/10/94 | Hà Nam | 173 | 6.18 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Khoa học môi trường

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 91202132 | ĐẶNG KHÁNH | LINH | 12090201 | Nữ | 23/06/94 | Hải Hưng | 175 | 6.90 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Bảo hộ lao động

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 91203027 | LÝ CÔNG | HẬU | 12090301 | Nam | 22/05/94 | TP. Hồ Chí Minh | 174 | 6.68 | Trung bình khá |
| 2 | 91203049 | TIÊU HOÀNG | LÂM | 12090301 | Nam | 03/05/94 | Đồng Nai | 174 | 7.09 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quan hệ lao động

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | A1200007 | NGUYỄN MINH CHÂU | 120A0001 | Nữ | 17/08/94 | Bình Định | 153 | 6.25 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Tài chính - Ngân hàng

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | B1200239 | PHẠM HOÀNG HÀ | MY | 120B0102 | Nữ | 23/10/94 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 7.22 | Khá |
| 2 | B1200090 | LÊ THỊ KIỀU | OANH | 120B0101 | Nữ | 22/11/94 | Bạc Liêu | 141 | 7.47 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Tin học ứng dụng

**Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 51280019 | TRẦN TUẤN ANH | 12850301 | Nam | 02/03/94 | Minh Hải | 107 | 6.90 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng

**Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 81280204 | LƯU HOÀI | NAM | 12880102 | Nam | 16/03/94 | Đồng Nai | 113 | 6.27 | Trung bình khá |
| 2 | 81280306 | TRẦN TRUNG | THẮNG | 12880101 | Nam | 20/08/94 | Bình Thuận | 113 | 6.08 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Tài chính - Ngân hàng

**Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | B1280287 | VÕ THỊ HỒNG | NGUYỆT | 128B0103 | Nữ | 25/10/94 | TP. Hồ Chí Minh | 106 | 6.43 | Trung bình khá |
| 2 | B1280585 | NGUYỄN ĐIỀN | SƠN | 128B0101 | Nam | 03/01/94 | TP. Hồ Chí Minh | 106 | 6.44 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Tiếng Anh

**Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính quy**
**Khóa TS: 2012**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01280082 | ĐINH TẤN | ĐẠT | 12800104 | Nam | 02/03/94 | TP. Hồ Chí Minh | 116 | 6.22 | Trung bình khá |
| 2 | 01280006 | NGUYỄN LÊ NGỌC | HUYỀN | 12800101 | Nữ | 05/01/94 | Quảng Ngãi | 116 | 5.86 | Trung bình |
| 3 | 01280176 | NGUYỄN THỊ TUYẾT | MAI | 12800103 | Nữ | 08/07/92 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 116 | 6.10 | Trung bình khá |
| 4 | 01280319 | PHẠM VƯƠNG QUỐC | TÍN | 12800103 | Nam | 16/11/94 | Long An | 119 | 6.26 | Trung bình khá |
| 5 | 01280379 | TRẦN THỊ KIM | VẤN | 12800104 | Nữ | 21/02/94 | Quảng Nam - Đà Nẵng | 116 | 6.05 | Trung bình khá |
| 6 | 01280386 | NGUYỄN LÊ HẢI | VƯƠNG | 12800102 | Nam | 13/11/94 | An Giang | 116 | 6.14 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01302022 | NGUYỄN KHOA HOÀNG | ANH | 13000202 | Nữ | 28/10/95 | TP. Hồ Chí Minh | 163 | 6.63 | Trung bình khá |
| 2 | 01302063 | NGUYỄN THỊ THU | HÀ | 13000201 | Nữ | 26/07/95 | Bình Phước | 163 | 7.01 | Khá |
| 3 | 01302118 | BÙI VĂN | MIÊN | 13000201 | Nam | 10/10/95 | Quảng Nam | 163 | 6.78 | Trung bình khá |
| 4 | 01303054 | VÕ THỊ NGỌC | THANH | 13000201 | Nữ | 31/07/95 | TP. Hồ Chí Minh | 163 | 6.55 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01303001 | VÕ THANH | AN | 13000302 | Nữ | 29/12/95 | TP. Hồ Chí Minh | 204 | 6.94 | Trung bình khá |
| 2 | 01303087 | BÙI THỊ THÙY | ANH | 13000303 | Nữ | 20/08/94 | Nghệ An | 204 | 6.39 | Trung bình khá |
| 3 | 01303110 | NGUYỄN THỊ HOÀNG | DIỄM | 13000304 | Nữ | 22/07/95 | Ninh Thuận | 204 | 6.35 | Trung bình khá |
| 4 | 01303139 | TRẦN TRỊNH HỒNG | ĐÀO | 13000305 | Nữ | 16/01/95 | TP. Hồ Chí Minh | 204 | 6.85 | Trung bình khá |
| 5 | 01303153 | THÁI BÌNH DUYÊN | HẢI | 13000304 | Nữ | 13/05/94 | Bạc Liêu | 204 | 6.34 | Trung bình khá |
| 6 | 01303180 | CAO THỊ NGỌC | HUYỀN | 13000301 | Nữ | 05/02/95 | TP. Hồ Chí Minh | 204 | 6.06 | Trung bình khá |
| 7 | 01303189 | NGUYỄN THỊ THANH | HƯƠNG | 13000303 | Nữ | 10/01/94 | Ninh Thuận | 204 | 6.91 | Trung bình khá |
| 8 | 01303211 | NGUYỄN THỊ HỒNG | LIÊN | 13000301 | Nữ | 11/09/95 | TP. Hồ Chí Minh | 204 | 6.43 | Trung bình khá |
| 9 | 01303219 | NGUYỄN THỊ THANH | LINH | 13000305 | Nữ | 02/09/94 | Bình Thuận | 204 | 6.37 | Trung bình khá |
| 10 | 01303225 | NGUYỄN THỊ HỒNG | LOAN | 13000304 | Nữ | 24/09/95 | Bình Định | 204 | 6.54 | Trung bình khá |
| 11 | 01303034 | NGUYỄN LÊ KIM | NGÂN | 13000304 | Nữ | 27/01/95 | TP. Hồ Chí Minh | 204 | 7.43 | Khá |
| 12 | 01303256 | CHÂU HẢI | NGỌC | 13000303 | Nữ | 21/06/95 | An Giang | 204 | 6.23 | Trung bình khá |
| 13 | 01303308 | LÊ THỊ KIM | QUYÊN | 13000304 | Nữ | 16/02/95 | Bình Thuận | 204 | 7.10 | Khá |
| 14 | 01303311 | PHẠM HOÀNG | QUYÊN | 13000302 | Nữ | 16/06/94 | Tây Ninh | 204 | 6.14 | Trung bình khá |
| 15 | 01303316 | PHAN NHƯ | QUỲNH | 13000303 | Nữ | 25/11/94 | Phú Yên | 204 | 6.66 | Trung bình khá |
| 16 | 01303332 | LÊ THỊ THANH | THẢO | 13000303 | Nữ | 02/06/95 | Bình Định | 204 | 6.48 | Trung bình khá |
| 17 | 01303334 | MAI KIM NGÂN | THẢO | 13000302 | Nữ | 15/03/95 | Bình Định | 204 | 6.64 | Trung bình khá |
| 18 | 01303338 | PHẠM THANH | THẢO | 13000301 | Nữ | 18/11/95 | Đồng Nai | 204 | 6.29 | Trung bình khá |
| 19 | 01303346 | NGUYỄN ĐÌNH | THIỆN | 13000302 | Nam | 02/06/95 | TP. Hồ Chí Minh | 204 | 6.19 | Trung bình khá |
| 20 | 01303349 | LỤC THỊ KIM | THOA | 13000303 | Nữ | 12/01/95 | Bình Thuận | 204 | 6.46 | Trung bình khá |
| 21 | 01303369 | TRẦN ANH | THƯ | 13000303 | Nữ | 30/06/95 | TP. Hồ Chí Minh | 204 | 6.73 | Trung bình khá |
| 22 | 01303375 | TÔ LÊ PHƯƠNG | THY | 13000301 | Nữ | 22/04/95 | Kiên Giang | 204 | 6.69 | Trung bình khá |
| 23 | 01303376 | CHANG THỊ THỦY | TIÊN | 13000301 | Nữ | 16/12/95 | Trà Vinh | 204 | 6.61 | Trung bình khá |
| 24 | 01303379 | ĐỖ DƯƠNG CẨM | TIÊN | 13000303 | Nữ | 28/01/95 | Bến Tre | 204 | 6.56 | Trung bình khá |
| 25 | 01303380 | LÊ TRẦN THỦY | TIÊN | 13000302 | Nữ | 15/06/95 | Đồng Tháp | 204 | 6.76 | Trung bình khá |
| 26 | 01303063 | HUỲNH VIỆT | TOÀN | 13000302 | Nam | 04/10/95 | TP. Hồ Chí Minh | 204 | 6.79 | Trung bình khá |
| 27 | 01303386 | NGUYỄN QUỲNH | TRANG | 13000305 | Nữ | 16/03/95 | Kiên Giang | 204 | 6.50 | Trung bình khá |
| 28 | 01303455 | PHẠM THỊ THÙY | TRANG | 13000302 | Nữ | 12/02/95 | Bình Thuận | 204 | 6.54 | Trung bình khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 29 | 01303396 | NGUYỄN THỊ BÍCH | TRÂM | 13000301 | Nữ | 18/08/95 | Phú Yên | 204 | 6.30 | Trung bình khá |
| 30 | 01303398 | PHẠM THỊ QUỲNH | TRÂM | 13000302 | Nữ | 22/02/95 | TP. Hồ Chí Minh | 204 | 6.74 | Trung bình khá |
| 31 | 01303438 | BÙI NGUYỄN PHƯƠNG | VY | 13000302 | Nữ | 21/06/95 | TP. Hồ Chí Minh | 204 | 6.43 | Trung bình khá |
| 32 | 01303442 | NGUYỄN THỊ NGỌC | VY | 13000304 | Nữ | 20/02/94 | Đắk Lắk | 204 | 6.42 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Thiết kế công nghiệp

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11302133 | TRẦN NGỌC MY | THI | 13010202 | Nữ | 07/06/95 | TP. Hồ Chí Minh | 151 | 6.66 | Trung bình khá |
| 2 | 11302017 | BÙI DIỄM | TRINH | 13010201 | Nữ | 04/03/94 | TP. Hồ Chí Minh | 151 | 6.83 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Thiết kế nội thất

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 11303053 | NGUYỄN NGỌC UYỂN NHI | 13010301 | Nữ | 22/04/95 | Khánh Hòa | 154 | 7.46 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kế toán

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 21300325 | NGUYỄN THỊ | AN | 13020103 | Nữ | 10/03/95 | Gia Lai | 143 | 7.27 | Khá |
| 2 | 21300333 | NGUYỄN HẢI | ANH | 13020101 | Nữ | 02/08/95 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 6.99 | Trung bình khá |
| 3 | 21300016 | TRƯƠNG THỊ TÚ | ANH | 13020103 | Nữ | 28/12/95 | Long An | 143 | 6.14 | Trung bình khá |
| 4 | 21300395 | NGUYỄN THỊ NGỌC | HÀ | 13020103 | Nữ | 21/03/95 | Quảng Nam | 143 | 7.08 | Khá |
| 5 | 21300099 | VÕ THỊ THU | HỒNG | 13020101 | Nữ | 21/11/95 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.84 | Khá |
| 6 | 21300129 | CAO THỊ BÍCH | LINH | 13020103 | Nữ | 28/08/95 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 6.19 | Trung bình khá |
| 7 | 21300511 | TRẦN NHẬT | NAM | 13020101 | Nam | 08/06/95 | Bình Định | 144 | 6.25 | Trung bình khá |
| 8 | 21300565 | HỒ THỊ HUỲNH | NHƯ | 13020101 | Nữ | 06/01/95 | Long An | 143 | 6.94 | Trung bình khá |
| 9 | 21300600 | TÔ VĂN | QUYẾT | 13020103 | Nam | 21/09/93 | Quảng Ninh | 143 | 6.56 | Trung bình khá |
| 10 | 21300214 | NGUYỄN THANH | TÂN | 13020103 | Nam | 10/03/95 | Cà Mau | 143 | 6.41 | Trung bình khá |
| 11 | 21300783 | NGUYỄN THỊ | THẢO | 13020102 | Nữ | 05/09/94 | Bến Tre | 143 | 7.32 | Khá |
| 12 | 21300235 | NGUYỄN XUÂN | THỜI | 13020103 | Nam | 14/09/95 | Đồng Nai | 143 | 6.38 | Trung bình khá |
| 13 | 21300258 | LÊ ĐÌNH BẢO | THY | 13020103 | Nữ | 13/06/95 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 6.89 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Xã hội học

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 31302299 | NGUYỄN HẢI | DƯƠNG | 13030201 | Nam | 12/08/95 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 6.70 | Trung bình khá |
| 2 | 31302026 | BÙI THỤY PHƯƠNG | KHANH | 13030202 | Nữ | 21/08/95 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.72 | Trung bình khá |
| 3 | 31302197 | TRẦN THỊ NHƯ | NGỌC | 13030201 | Nữ | 27/06/95 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.28 | Khá |
| 4 | 31302058 | PHAN THỊ THẠCH | THẢO | 13030202 | Nữ | 07/10/95 | Quảng Nam | 140 | 6.93 | Trung bình khá |
| 5 | 31302252 | NGUYỄN THỊ DIỆU | THÚY | 13030202 | Nữ | 21/10/95 | Hà Tĩnh | 142 | 7.97 | Khá |
| 6 | 31302071 | NGUYỄN THỊ THÙY | TRANG | 13030202 | Nữ | 20/09/95 | Đồng Nai | 143 | 6.92 | Trung bình khá |
| 7 | 31302076 | NGUYỄN THỊ ĐOAN | TRINH | 13030201 | Nữ | 20/04/95 | Long An | 141 | 6.80 | Trung bình khá |
| 8 | 31302089 | PHẠM HOÀNG | VŨ | 13030201 | Nam | 13/01/94 | Khánh Hòa | 141 | 6.48 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Việt Nam học

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 31303436 | LƯU TẤN | ĐẠT | 13030301 | Nam | 09/03/95 | Tiền Giang | 150 | 6.69 | Trung bình khá |
| 2 | 31303063 | NGUYỄN THỊ NGỌC | HẠNH | 13030303 | Nữ | 08/10/95 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 6.96 | Trung bình khá |
| 3 | 31303083 | NGUYỄN THỊ | HOA | 13030303 | Nữ | 13/08/95 | TP. Hải Phòng | 150 | 7.11 | Khá |
| 4 | 31303084 | VÕ THỊ KIM | HOA | 13030302 | Nữ | 12/07/94 | TP. Hồ Chí Minh | 152 | 7.75 | Khá |
| 5 | 31303505 | NGUYỄN TRẦN ANH | MINH | 13030302 | Nam | 18/10/95 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 6.64 | Trung bình khá |
| 6 | 31303203 | PHẠM MINH | NHẬT | 13030303 | Nam | 04/01/95 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 6.86 | Trung bình khá |
| 7 | 31303244 | HOÀNG HỒNG MINH | PHƯƠNG | 13030302 | Nữ | 06/03/95 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 7.71 | Khá |
| 8 | 31303347 | TỪ NGỌC | TRÂN | 13030302 | Nữ | 15/09/94 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 6.78 | Trung bình khá |
| 9 | 31303386 | HỒ ĐOÀN THÚY | VY | 13030302 | Nữ | 01/03/95 | Tây Ninh | 150 | 7.20 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật điện

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 41301158 | TRẦN QUỐC | AN | 13040103 | Nam | 15/02/95 | TP. Hồ Chí Minh | 164 | 7.19 | Khá |
| 2 | 41301183 | NGÔ QUỐC | BẢO | 13040102 | Nam | 09/11/95 | Khánh Hòa | 164 | 6.53 | Trung bình khá |
| 3 | 41301191 | TRẦN TIỂU | BẢO | 13040102 | Nam | 01/01/95 | Ninh Thuận | 164 | 6.65 | Trung bình khá |
| 4 | 41301200 | LÊ DUY | BÌNH | 13040101 | Nam | 19/06/95 | TP. Hồ Chí Minh | 164 | 7.47 | Khá |
| 5 | 41301217 | THIỀU VĂN | CHUNG | 13040101 | Nam | 06/09/94 | Thanh Hóa | 164 | 6.65 | Trung bình khá |
| 6 | 41301225 | NGUYỄN NGỌC | CƯỜNG | 13040101 | Nam | 14/09/94 | TP. Hồ Chí Minh | 164 | 6.46 | Trung bình khá |
| 7 | 41301231 | DƯƠNG TẤN | DIỆN | 13040103 | Nam | 25/07/95 | Tây Ninh | 164 | 6.80 | Trung bình khá |
| 8 | 41301240 | PHAN TRẦN | DỤNG | 13040102 | Nam | 15/08/95 | Quảng Ngãi | 164 | 6.93 | Trung bình khá |
| 9 | 41301019 | TRƯƠNG THÁI | DƯƠNG | 13040102 | Nam | 28/12/95 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 165 | 6.40 | Trung bình khá |
| 10 | 41301261 | HUỲNH QUANG | ĐẠI | 13040101 | Nam | 12/08/95 | TP. Hồ Chí Minh | 164 | 6.80 | Trung bình khá |
| 11 | 41301021 | NGUYỄN TIẾN | ĐẠT | 13040102 | Nam | 24/10/95 | TP. Hồ Chí Minh | 164 | 7.23 | Khá |
| 12 | 41301024 | NGHÊ KHẢI | ĐẰNG | 13040102 | Nam | 02/06/95 | TP. Hồ Chí Minh | 164 | 6.21 | Trung bình khá |
| 13 | 41301027 | HUỲNH THẾ | ĐÔNG | 13040101 | Nam | 02/11/95 | Đồng Nai | 164 | 6.72 | Trung bình khá |
| 14 | 41301355 | THIỀU NGỌC | HOÀNG | 13040103 | Nam | 23/01/95 | Phú Yên | 164 | 6.49 | Trung bình khá |
| 15 | 41301359 | TRỊNH NGỌC | HỎI | 13040103 | Nam | 07/02/95 | Kiên Giang | 164 | 6.47 | Trung bình khá |
| 16 | 41301047 | HỒ VĂN | HUẤN | 13040102 | Nam | 29/08/95 | TP. Hồ Chí Minh | 164 | 6.24 | Trung bình khá |
| 17 | 41301363 | LẠI TIẾN | HÙNG | 13040103 | Nam | 09/09/94 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 164 | 6.07 | Trung bình khá |
| 18 | 41301383 | NGUYỄN VĂN | HUY | 13040103 | Nam | 27/11/95 | Quảng Nam | 164 | 6.97 | Trung bình khá |
| 19 | 41301403 | TRẦN CÔNG | KHANH | 13040103 | Nam | 19/05/95 | Kiên Giang | 164 | 7.03 | Khá |
| 20 | 41301059 | ĐẶNG XUÂN | LAM | 13040102 | Nam | 04/10/95 | Quảng Ngãi | 164 | 6.40 | Trung bình khá |
| 21 | 41301446 | NGUYỄN HỮU | LONG | 13040101 | Nam | 12/08/95 | Hưng Yên | 164 | 6.68 | Trung bình khá |
| 22 | 41301447 | NGUYỄN MINH | LONG | 13040102 | Nam | 05/12/95 | Đắk Lắk | 164 | 6.63 | Trung bình khá |
| 23 | 41301071 | VÕ THÀNH | LONG | 13040102 | Nam | 24/06/95 | Bình Định | 164 | 6.81 | Trung bình khá |
| 24 | 41301494 | HUỲNH TRỌNG | NGHĨA | 13040101 | Nam | 10/01/95 | Khánh Hòa | 164 | 7.69 | Khá |
| 25 | 41301510 | NGUYỄN THANH | NHÂN | 13040103 | Nam | 10/10/95 | Bình Định | 164 | 6.91 | Trung bình khá |
| 26 | 41301514 | BÙI UY LÂM THANH | NHẬT | 13040103 | Nam | 03/11/95 | Tiền Giang | 164 | 6.52 | Trung bình khá |
| 27 | 41301560 | NGUYỄN ĐÌNH | QUANG | 13040101 | Nam | 11/11/95 | TP. Hồ Chí Minh | 164 | 6.76 | Trung bình khá |
| 28 | 41301593 | NGUYỄN QUANG | SƠN | 13040103 | Nam | 04/03/95 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 165 | 6.57 | Trung bình khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật điện

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 29 | 41301623 | ĐẶNG HOÀNG | THÁI | 13040101 | Nam | 12/01/92 | Bến Tre | 164 | 6.80 | Trung bình khá |
| 30 | 41301640 | NGUYỄN VĂN | THAO | 13040103 | Nam | 12/07/95 | Lâm Đồng | 164 | 7.27 | Khá |
| 31 | 41301676 | TRƯƠNG HOÀI | THOẠI | 13040101 | Nam | 04/12/95 | Bến Tre | 164 | 6.61 | Trung bình khá |
| 32 | 41301685 | TRẦN VĂN | THUẾ | 13040102 | Nam | 20/02/95 | Đắk Lắk | 164 | 6.64 | Trung bình khá |
| 33 | 41301699 | NGÔ KHẮC | TIẾN | 13040102 | Nam | 14/06/94 | Quảng Nam | 164 | 6.68 | Trung bình khá |
| 34 | 41301742 | TRẦN NGỌC | TRUNG | 13040102 | Nam | 05/11/95 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 164 | 6.67 | Trung bình khá |
| 35 | 41301145 | NGUYỄN TRỌNG | TUẤN | 13040102 | Nam | 27/02/95 | TP. Hồ Chí Minh | 164 | 6.50 | Trung bình khá |
| 36 | 41301781 | TRẦN ANH | TUẤN | 13040101 | Nam | 12/02/95 | TP. Hồ Chí Minh | 164 | 6.66 | Trung bình khá |
| 37 | 41301790 | NGUYỄN MẠNH | TÙNG | 13040103 | Nam | 05/04/94 | Bình Định | 164 | 7.22 | Khá |
| 38 | 41301792 | NGUYỄN THANH | TÙNG | 13040102 | Nam | 20/02/95 | Bình Định | 164 | 6.68 | Trung bình khá |
| 39 | 41301154 | TRẦN HUY | VŨ | 13040102 | Nam | 30/07/95 | Bến Tre | 164 | 7.01 | Khá |
| 40 | 41301831 | TRẦN NGỌC MINH | VŨ | 13040103 | Nam | 20/04/94 | Gia Lai | 164 | 7.10 | Khá |
| 41 | 41301837 | HUỲNH NGỌC | VỸ | 13040103 | Nam | 16/02/95 | Quảng Ngãi | 164 | 7.21 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật điện tử - viễn thông

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 41302126 | VÕ CHÍ | CƯỜNG | 13040203 | Nam | 11/11/95 | Quảng Ngãi | 169 | 6.48 | Trung bình khá |
| 2 | 41302133 | TRẦN VÕ KHẮC | DUY | 13040203 | Nam | 30/12/95 | Đồng Nai | 169 | 6.73 | Trung bình khá |
| 3 | 41302203 | MAI QUỲNH | HƯƠNG | 13040203 | Nữ | 02/10/95 | Đắk Lắk | 169 | 6.67 | Trung bình khá |
| 4 | 41302266 | NGUYỄN HOÀNG | NAM | 13040203 | Nam | 16/03/95 | Bạc Liêu | 169 | 6.90 | Trung bình khá |
| 5 | 41302275 | NGÔ THANH | NHÀN | 13040203 | Nam | 22/04/95 | Tiền Giang | 169 | 6.59 | Trung bình khá |
| 6 | 41302285 | LƯU TẤN | PHÁT | 13040203 | Nam | 20/11/95 | TP. Hồ Chí Minh | 169 | 7.10 | Khá |
| 7 | 41302293 | PHAN HOÀNG | PHONG | 13040203 | Nam | 22/03/95 | Phú Yên | 169 | 6.76 | Trung bình khá |
| 8 | 41302306 | TRƯƠNG THIÊN | PHÚC | 13040201 | Nam | 19/12/95 | TP. Hồ Chí Minh | 169 | 6.65 | Trung bình khá |
| 9 | 41302056 | VÕ VINH | QUANG | 13040201 | Nam | 01/10/95 | Đắk Lắk | 169 | 6.95 | Trung bình khá |
| 10 | 41302373 | HUỲNH HOÀNG | THẮNG | 13040203 | Nam | 24/07/95 | Tiền Giang | 169 | 7.00 | Khá |
| 11 | 41302417 | TRẦN VĂN VĨNH | TOÀN | 13040203 | Nam | 27/09/95 | Quảng Nam | 169 | 7.00 | Khá |
| 12 | 41302450 | TRẦN ANH | TUẤN | 13040201 | Nam | 02/04/95 | Gia Lai | 169 | 7.67 | Khá |
| 13 | 41302457 | TRẦN MINH | TÙNG | 13040201 | Nam | 28/04/95 | TP. Hồ Chí Minh | 169 | 6.56 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 41303112 | LƯƠNG TRỌNG | CÓ | 13040303 | Nam | 03/12/95 | Tiền Giang | 168 | 7.45 | Khá |
| 2 | 41303120 | LÂM QUAN | DANH | 13040301 | Nam | 29/09/95 | TP. Hồ Chí Minh | 168 | 6.95 | Trung bình khá |
| 3 | 41303187 | ĐOÀN CÔNG | HIẾU | 13040303 | Nam | 26/03/94 | Tiền Giang | 168 | 7.00 | Khá |
| 4 | 41303253 | LÊ THÀNH | LONG | 13040303 | Nam | 14/02/95 | Tiền Giang | 168 | 7.05 | Khá |
| 5 | 41303525 | HUỲNH PHÚC | NGUYÊN | 13040302 | Nam | 08/11/95 | Bình Định | 168 | 7.08 | Khá |
| 6 | 41303431 | NGUYỄN NGỌC THANH | THỦY | 13040303 | Nữ | 01/02/95 | Bình Định | 168 | 7.35 | Khá |
| 7 | 41303448 | PHẠM GIA | TIẾN | 13040303 | Nam | 21/11/95 | TP. Hồ Chí Minh | 168 | 6.88 | Trung bình khá |
| 8 | 41303484 | CHÁU CÁ | TSÌN | 13040303 | Nam | 19/07/95 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 168 | 7.28 | Khá |
| 9 | 41303511 | LÊ ĐỨC | VINH | 13040301 | Nam | 19/05/95 | TP. Hồ Chí Minh | 168 | 7.27 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Khoa học máy tính

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 51303054 | BÙI QUANG | GIANG | 13050302 | Nam | 22/08/95 | Đồng Nai | 146 | 7.08 | Khá |
| 2 | 51303061 | PHẠM MINH | HIẾU | 13050302 | Nam | 15/02/95 | TP. Hồ Chí Minh | 147 | 6.77 | Trung bình khá |
| 3 | 51303072 | PHẠM QUANG | HUY | 13050303 | Nam | 01/06/95 | Tiền Giang | 149 | 6.61 | Trung bình khá |
| 4 | 51303308 | TRẦN TRỌNG | HUY | 13050301 | Nam | 20/02/95 | An Giang | 146 | 7.40 | Khá |
| 5 | 51303425 | LÊ ĐỨC | TRÍ | 13050303 | Nam | 26/08/95 | Đắk Lắk | 146 | 7.04 | Khá |
| 6 | 51303190 | NGUYỄN MINH | TRÍ | 13050303 | Nam | 28/08/95 | TP. Hồ Chí Minh | 148 | 6.79 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật hóa học

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 61302253 | TRỊNH THÚY | AN | 13060202 | Nữ | 31/01/95 | Bến Tre | 169 | 7.21 | Khá |
| 2 | 61302308 | ĐÀO QUỐC | DUY | 13060201 | Nam | 01/01/95 | Bình Phước | 169 | 6.88 | Trung bình khá |
| 3 | 61302044 | NGÔ TRẦN DIÊN | HẢI | 13060202 | Nam | 17/09/95 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 169 | 6.84 | Trung bình khá |
| 4 | 61302070 | NGUYỄN THỊ CẨM | HƯƠNG | 13060201 | Nữ | 24/05/95 | Đồng Nai | 169 | 7.40 | Khá |
| 5 | 61302524 | NGUYỄN YẾN | NHI | 13060202 | Nữ | 29/07/95 | Đồng Nai | 169 | 6.53 | Trung bình khá |
| 6 | 61302547 | CAO THANH | PHƯƠNG | 13060201 | Nam | 01/08/95 | Quảng Ngãi | 169 | 6.68 | Trung bình khá |
| 7 | 61302566 | NGUYỄN HOÀNG | QUYÊN | 13060201 | Nữ | 24/11/95 | Long An | 169 | 6.97 | Trung bình khá |
| 8 | 61302181 | PHAN THỊ KIM | THI | 13060202 | Nữ | 24/07/95 | Bến Tre | 169 | 7.63 | Khá |
| 9 | 61302649 | TRẦN THỊ ANH | THƯ | 13060201 | Nữ | 31/12/95 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 169 | 6.92 | Trung bình khá |
| 10 | 61302240 | TRẦN THẢO HẢI | VÂN | 13060201 | Nữ | 31/08/95 | TP. Hồ Chí Minh | 169 | 6.97 | Trung bình khá |
| 11 | 61302763 | NGUYỄN THỊ | XUÂN | 13060202 | Nữ | 04/01/95 | Quảng Ngãi | 169 | 7.51 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Công nghệ sinh học

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 61303036 | NGUYỄN THỊ KIM | CÚC | 13060303 | Nữ | 11/03/95 | Long An | 169 | 7.31 | Khá |
| 2 | 61303465 | NGUYỄN PHƯƠNG | DIỆU | 13060303 | Nữ | 03/08/95 | Tây Ninh | 169 | 6.78 | Trung bình khá |
| 3 | 61303492 | NGUYỄN THỊ HÀ | GIANG | 13060302 | Nữ | 20/02/95 | Bình Thuận | 169 | 6.31 | Trung bình khá |
| 4 | 61303493 | NGUYỄN THỊ TRÀ | GIANG | 13060301 | Nữ | 02/01/95 | Bắc Ninh | 169 | 7.41 | Khá |
| 5 | 61303079 | NGUYỄN THỊ NGỌC | HIỀN | 13060303 | Nữ | 20/08/95 | Gia Lai | 169 | 7.05 | Khá |
| 6 | 61303529 | ĐINH ANH | HÒA | 13060301 | Nam | 26/10/95 | TP. Hồ Chí Minh | 169 | 7.01 | Khá |
| 7 | 61303557 | CAO NGỌC | HUYỀN | 13060301 | Nữ | 26/08/95 | TP. Hồ Chí Minh | 169 | 6.38 | Trung bình khá |
| 8 | 61303568 | NGUYỄN TUYẾT | HƯƠNG | 13060301 | Nữ | 10/05/95 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 169 | 7.20 | Khá |
| 9 | 61303580 | NGUYỄN HOÀNG KIM | KHÁNH | 13060301 | Nam | 12/08/95 | TP. Hồ Chí Minh | 169 | 7.15 | Khá |
| 10 | 61303597 | LÊ THỊ THOẠI | KIỀU | 13060303 | Nữ | 21/07/95 | Tiền Giang | 169 | 6.70 | Trung bình khá |
| 11 | 61303176 | TĂNG NGUYỄN KIỀU | MI | 13060302 | Nữ | 02/09/95 | TP. Hồ Chí Minh | 169 | 6.91 | Trung bình khá |
| 12 | 61303745 | ĐỖ TẤN | SANG | 13060301 | Nam | 12/05/95 | Đồng Nai | 169 | 7.03 | Khá |
| 13 | 61303272 | BÙI THỊ TUYẾT | SƯƠNG | 13060303 | Nữ | 09/06/95 | Long An | 169 | 7.14 | Khá |
| 14 | 61303299 | PHẠM THỊ THU | THẢO | 13060301 | Nữ | 01/03/95 | Đồng Nai | 169 | 6.90 | Trung bình khá |
| 15 | 61303799 | VĂNG THỊ KIM | THOA | 13060302 | Nữ | 19/03/95 | Bến Tre | 169 | 6.45 | Trung bình khá |
| 16 | 61303318 | BÙI THỊ THU | THÚY | 13060303 | Nữ | 29/03/95 | Quảng Ngãi | 169 | 6.73 | Trung bình khá |
| 17 | 61303356 | THÁI MINH | TRỊ | 13060302 | Nam | 09/01/95 | Đồng Tháp | 169 | 6.86 | Trung bình khá |
| 18 | 61303856 | CAO HUỆ | TRINH | 13060302 | Nữ | 27/02/95 | Bến Tre | 169 | 6.85 | Trung bình khá |
| 19 | 61303878 | TRẦN VĂN | TRƯỜNG | 13060302 | Nam | 25/04/94 | Bạc Liêu | 169 | 7.36 | Khá |
| 20 | 61303407 | CHÂU THÁI NGUYỆT | VY | 13060302 | Nữ | 06/12/95 | Tiền Giang | 169 | 6.68 | Trung bình khá |
| 21 | 61303926 | PHẠM NGUYỄN DIỄM | XUÂN | 13060301 | Nữ | 01/03/94 | Tiền Giang | 169 | 6.65 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị tài chính**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 71300126 | LÊ NHƯ THANH | NHÂN | 13070001 | Nam | 11/09/95 | Phú Yên | 140 | 7.33 | Khá |
| 2 | 71300179 | ĐOÀN ANH | TÀI | 13070001 | Nam | 20/12/95 | Quảng Bình | 140 | 7.47 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Marketing**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 71300011 | VƯƠNG ĐÌNH THANH | ÂN | 13070002 | Nam | 03/05/95 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 142 | 6.36 | Trung bình khá |
| 2 | 71300070 | VÕ NGỌC BÍCH | HUYỀN | 13070002 | Nữ | 03/08/95 | Tiền Giang | 142 | 6.67 | Trung bình khá |
| 3 | 71300172 | TÔ THANH | QUỲNH | 13070002 | Nữ | 12/03/95 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.02 | Khá |
| 4 | 71300183 | ĐÀM LÊ MINH | TÂM | 13070002 | Nữ | 15/07/95 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.09 | Khá |
| 5 | 71300208 | VŨ NGỌC | THỊNH | 13070002 | Nam | 30/10/95 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.81 | Trung bình khá |
| 6 | 71300247 | TRÌNH XUÂN | TRINH | 13070002 | Nữ | 21/11/95 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.97 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nhà hàng khách sạn**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 71205026 | ĐẶNG NGUYỄN THANH | HÀ | 13070501 | Nữ | 08/08/94 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.03 | Khá |
| 2 | 71305420 | ĐỖ THỊ THU | HƯƠNG | 13070503 | Nữ | 12/02/95 | Lâm Đồng | 142 | 6.93 | Trung bình khá |
| 3 | 71305134 | LÂM HỒNG | LOAN | 13070502 | Nữ | 03/01/95 | TP. Hồ Chí Minh | 144 | 6.88 | Trung bình khá |
| 4 | 71305458 | CHUNG PHAN QUỲNH | NHƯ | 13070503 | Nữ | 12/06/95 | Long An | 142 | 6.53 | Trung bình khá |
| 5 | 71305465 | LÊ THỊ BÍCH | PHƯỢNG | 13070503 | Nữ | 29/05/95 | TP. Hồ Chí Minh | 144 | 6.49 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị kinh doanh quốc tế**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 71306492 | THÁI THỊ BÌNH | AN | 13070602 | Nữ | 08/06/95 | Long An | 139 | 7.05 | Khá |
| 2 | 71306017 | TRẦN NGỌC | ÁNH | 13070602 | Nữ | 29/10/95 | TP. Hồ Chí Minh | 139 | 6.50 | Trung bình khá |
| 3 | 71306518 | HUỲNH KHÁNH | DUY | 13070602 | Nam | 18/11/95 | Long An | 140 | 6.39 | Trung bình khá |
| 4 | 71306084 | TRẦN THỊ MỸ | HẠNH | 13070602 | Nữ | 05/11/95 | Khánh Hòa | 139 | 6.55 | Trung bình khá |
| 5 | 71306167 | CHU THỊ | LINH | 13070603 | Nữ | 22/12/95 | Bình Phước | 140 | 6.42 | Trung bình khá |
| 6 | 71306631 | NGÔ NHẬT | NGUYÊN | 13070602 | Nam | 10/02/95 | Khánh Hòa | 139 | 6.44 | Trung bình khá |
| 7 | 71306254 | NGUYỄN QUỲNH | NHI | 13070603 | Nữ | 25/11/95 | TP. Hồ Chí Minh | 139 | 6.66 | Trung bình khá |
| 8 | 71306278 | ĐOÀN THỊ | OANH | 13070601 | Nữ | 20/02/95 | Kon Tum | 139 | 7.60 | Khá |
| 9 | 71306690 | NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG | THÀNH | 13070602 | Nam | 05/02/95 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.64 | Trung bình khá |
| 10 | 71306340 | ĐINH THU | THẢO | 13070601 | Nữ | 06/10/95 | Lâm Đồng | 139 | 6.65 | Trung bình khá |
| 11 | 71306345 | NGUYỄN PHƯƠNG | THẢO | 13070603 | Nữ | 12/04/95 | TP. Hải Phòng | 139 | 6.79 | Trung bình khá |
| 12 | 71306703 | HUỲNH BÍCH HẰNG | THIÊN | 13070603 | Nữ | 28/11/95 | TP. Hồ Chí Minh | 139 | 7.46 | Khá |
| 13 | 71306726 | PHAN THỦY | TIÊN | 13070602 | Nữ | 28/10/95 | Đắk Lắk | 139 | 6.46 | Trung bình khá |
| 14 | 71306384 | NGUYỄN NGỌC | TIẾN | 13070601 | Nam | 19/12/95 | TP. Hồ Chí Minh | 139 | 6.94 | Trung bình khá |
| 15 | 71306743 | DƯƠNG KIỀU | TRÂM | 13070602 | Nữ | 04/11/93 | TP. Hồ Chí Minh | 139 | 6.59 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật xây dựng

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 81301007 | PHẠM ĐỨC | CƯỜNG | 13080102 | Nam | 07/03/95 | Kiên Giang | 160 | 6.76 | Trung bình khá |
| 2 | 81301178 | LÊ VĂN | HÒA | 13080101 | Nam | 10/08/94 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 160 | 7.03 | Khá |
| 3 | 81301034 | PHAN DUY | HƯNG | 13080102 | Nam | 22/10/95 | Bến Tre | 159 | 7.17 | Khá |
| 4 | 81301204 | ĐỖ QUỐC | KHÁNH | 13080101 | Nam | 24/05/95 | Khánh Hòa | 160 | 6.56 | Trung bình khá |
| 5 | 81301212 | ĐINH NGUYÊN | KHÔI | 13080102 | Nam | 16/08/95 | Gia Lai | 160 | 6.81 | Trung bình khá |
| 6 | 81301044 | NGÔ CÔNG | LAM | 13080101 | Nam | 10/04/95 | Bình Thuận | 160 | 6.66 | Trung bình khá |
| 7 | 81301270 | DIỆP TRUNG | PHONG | 13080101 | Nam | 01/01/94 | Bình Thuận | 160 | 7.05 | Khá |
| 8 | 81301358 | HỒ VIẾT | TOÀN | 13080101 | Nam | 21/06/95 | Nghệ An | 160 | 6.51 | Trung bình khá |
| 9 | 81301398 | NGUYỄN TẤN | VIỆN | 13080101 | Nam | 20/06/95 | Quảng Ngãi | 160 | 7.23 | Khá |
| 10 | 81301407 | NGUYỄN HOÀNG | VŨ | 13080102 | Nam | 06/10/94 | Quảng Ngãi | 159 | 6.95 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 81302011 | ĐẶNG HỮU | ĐỨC | 13080202 | Nam | 24/07/95 | TP. Hồ Chí Minh | 162 | 6.84 | Trung bình khá |
| 2 | 81302200 | TRẦN NGỌC | LÊN | 13080201 | Nam | 17/09/95 | Long An | 162 | 7.04 | Khá |
| 3 | 81302204 | NGUYỄN VŨ | LUÂN | 13080201 | Nam | 25/08/95 | Bình Thuận | 162 | 7.00 | Khá |
| 4 | 81302039 | PHẠM XUÂN | NAM | 13080201 | Nam | 28/08/95 | Quảng Bình | 162 | 6.74 | Trung bình khá |
| 5 | 81302297 | NGUYỄN HOÀNG | THÔNG | 13080201 | Nam | 29/04/95 | TP. Hồ Chí Minh | 162 | 6.48 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quy hoạch vùng và Đô thị

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 81303226 | NGUYỄN THỊ TRÚC | HUỲNH | 13080303 | Nữ | 12/03/95 | Đồng Tháp | 164 | 6.95 | Trung bình khá |
| 2 | 81303468 | LÊ HOÀNG | THIÊN | 13080302 | Nam | 25/09/95 | TP. Hồ Chí Minh | 169 | 6.53 | Trung bình khá |
| 3 | 81303480 | LÊ THỊ THU | THỦY | 13080303 | Nữ | 19/03/94 | Đắk Lắk | 164 | 7.17 | Khá |
| 4 | 81303502 | BÙI THỊ THÙY | TRANG | 13080302 | Nữ | 22/09/95 | Lâm Đồng | 164 | 7.02 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Công nghệ kỹ thuật môi trường

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 91301382 | ĐINH CÔNG | LÝ | 13090102 | Nam | 08/01/95 | TP. Hồ Chí Minh | 173 | 6.72 | Trung bình khá |
| 2 | 91301543 | CAO HỮU MINH | THẮNG | 13090102 | Nam | 20/01/95 | Tiền Giang | 173 | 6.67 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Khoa học môi trường

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 91302107 | PHẠM THỊ MỸ | AN | 13090202 | Nữ | 14/02/95 | Đắk Lắk | 175 | 7.28 | Khá |
| 2 | 91302158 | LÊ THỊ HỒNG | HẬU | 13090202 | Nữ | 07/04/95 | Bình Thuận | 175 | 6.97 | Trung bình khá |
| 3 | 91302023 | TRẦN THANH | HIỆP | 13090201 | Nam | 25/08/95 | Bình Thuận | 174 | 6.79 | Trung bình khá |
| 4 | 91302187 | TRẦN TRUNG | KIÊN | 13090202 | Nam | 29/08/94 | TP. Hồ Chí Minh | 174 | 7.03 | Khá |
| 5 | 91302261 | NGUYỄN THỊ TUYẾT | SƯƠNG | 13090201 | Nữ | 02/09/95 | Lâm Đồng | 175 | 6.74 | Trung bình khá |
| 6 | 91302293 | TẠ PHẠM ANH | THƯ | 13090201 | Nữ | 20/05/95 | Tiền Giang | 175 | 6.77 | Trung bình khá |
| 7 | 91302318 | VÕ THỊ BÍCH | TRÂM | 13090202 | Nữ | 21/07/95 | Đồng Nai | 174 | 6.79 | Trung bình khá |
| 8 | 91302094 | VÕ MẠNH | TUẤN | 13090202 | Nam | 27/12/95 | Quảng Ngãi | 175 | 6.56 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Bảo hộ lao động

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 91303011 | VÕ MINH | CÔNG | 13090302 | Nam | 09/09/94 | Khánh Hòa | 174 | 6.78 | Trung bình khá |
| 2 | 91303013 | NGUYỄN VĂN | DIỄN | 13090302 | Nam | 12/12/95 | Tây Ninh | 174 | 7.26 | Khá |
| 3 | 91303019 | LÊ THỊ HỒNG | ĐÀO | 13090301 | Nữ | 26/12/95 | Đồng Nai | 174 | 7.14 | Khá |
| 4 | 91303029 | NGUYỄN VĂN | HÀO | 13090302 | Nam | 19/09/95 | TP. Hồ Chí Minh | 176 | 6.64 | Trung bình khá |
| 5 | 91303176 | LƯƠNG XUÂN | HÒA | 13090302 | Nam | 27/06/95 | TP. Hồ Chí Minh | 176 | 6.84 | Trung bình khá |
| 6 | 91303057 | ĐẶNG ANH | KHOA | 13090301 | Nam | 01/01/95 | Đắk Lắk | 177 | 7.74 | Khá |
| 7 | 91303208 | ĐẶNG THỊ HUỲNH | NGA | 13090302 | Nữ | 07/12/95 | Vĩnh Long | 174 | 7.22 | Khá |
| 8 | 91303078 | TRƯƠNG TRỌNG | NHÂN | 13090302 | Nam | 21/10/95 | TP. Hồ Chí Minh | 174 | 6.84 | Trung bình khá |
| 9 | 91303095 | PHAN VĂN | SANG | 13090301 | Nam | 10/06/95 | Đắk Lắk | 174 | 6.94 | Trung bình khá |
| 10 | 91303119 | NGUYỄN THỊ THANH | THỦY | 13090301 | Nữ | 06/06/95 | TP. Hồ Chí Minh | 174 | 6.75 | Trung bình khá |
| 11 | 91303261 | TRƯƠNG THANH | TRÚC | 13090302 | Nữ | 22/12/95 | Long An | 174 | 6.93 | Trung bình khá |
| 12 | 91303144 | PHAN HUY | VIỆT | 13090302 | Nam | 07/04/95 | Bình Thuận | 174 | 6.87 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quan hệ lao động

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | A1300037 | NGUYỄN THỊ THANH | HƯƠNG | 130A0002 | Nữ | 17/11/95 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 6.43 | Trung bình khá |
| 2 | A1300048 | ĐOÀN THỊ QUỲNH | MAI | 130A0002 | Nữ | 28/11/95 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 6.38 | Trung bình khá |
| 3 | A1300090 | ĐỖ THÁI THANH | THẢO | 130A0002 | Nữ | 31/10/95 | Bình Dương | 153 | 6.50 | Trung bình khá |
| 4 | A1300122 | NGUYỄN MINH | TUẤN | 130A0001 | Nam | 05/07/95 | Đắk Lắk | 153 | 6.90 | Trung bình khá |
| 5 | A1300132 | NGUYỄN THỊ DÃ | VỸ | 130A0002 | Nữ | 01/01/95 | Gia Lai | 153 | 6.65 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Tài chính - Ngân hàng

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | B1300001 | ĐOÀN DUY | AN | 130B0101 | Nam | 15/11/95 | Long An | 141 | 7.01 | Khá |
| 2 | B1300209 | NGÔ QUỐC | BẢO | 130B0103 | Nam | 16/07/95 | Khánh Hòa | 140 | 7.22 | Khá |
| 3 | B1300214 | NGUYỄN THỊ BĂNG | CHÂU | 130B0102 | Nữ | 21/02/95 | Đồng Tháp | 141 | 6.71 | Trung bình khá |
| 4 | B1300230 | LÊ THỊ XUÂN | DUNG | 130B0103 | Nữ | 20/03/95 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 6.83 | Trung bình khá |
| 5 | B1300426 | PHẠM LÝ KIỀU | OANH | 130B0101 | Nữ | 09/10/95 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 6.30 | Trung bình khá |
| 6 | B1300147 | ĐẶNG THỊ NGỌC | TRÂM | 130B0102 | Nữ | 18/08/95 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 6.98 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Toán ứng dụng

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | C1301097 | BÙI THỊ THANH | HƯƠNG | 130C0101 | Nữ | 24/11/95 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 142 | 6.58 | Trung bình khá |
| 2 | C1301174 | CHU QUANG | TẠ | 130C0101 | Nam | 23/11/95 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 6.31 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Thống kê

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | C1303051 | HUỲNH THỊ BẢO TÍN | 130C0301 | Nữ | 04/09/95 | Long An | 129 | 7.37 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

**Ngành: Kế toán**

**Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 21380024 | HÀ HUẾ | ANH | 13820101 | Nữ | 07/06/94 | Tây Ninh | 106 | 6.24 | Trung bình khá |
| 2 | 21380104 | CAI THANH | LƯU | 13820102 | Nam | 14/10/95 | Bình Định | 108 | 6.07 | Trung bình khá |
| 3 | 21380107 | HÀ THỊ PHƯƠNG | MAI | 13820102 | Nữ | 27/08/95 | Đắk Lắk | 105 | 6.55 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 71380265 | LÊ YẾN | NHI | 13870002 | Nữ | 15/11/95 | Ninh Thuận | 102 | 6.63 | Trung bình khá |
| 2 | 71380375 | NGUYỄN THỊ CẨM | TIÊN | 13870001 | Nữ | 06/08/95 | Đồng Tháp | 102 | 6.39 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Tiếng Anh

**Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01380338 | VÕ THỊ NGỌC | THÚY | 13800101 | Nữ | 16/04/95 | TP. Hồ Chí Minh | 119 | 6.19 | Trung bình khá |
| 2 | 01203265 | NGUYỄN LÊ MINH | TÚ | 13800102 | Nam | 03/05/94 | TP. Hồ Chí Minh | 116 | 6.91 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Ngôn ngữ Anh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01301068 | VŨ HƯƠNG | GIANG | 13000106 | Nữ | 22/07/95 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.61 | Khá |
| 2 | 21300450 | NGUYỄN THỊ THU | HƯƠNG | 13000101 | Nữ | 03/10/95 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.23 | Khá |
| 3 | 01301188 | PHẠM THỊ DIỄM | NGỌC | 13000103 | Nữ | 03/10/95 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 153 | 6.46 | Trung bình khá |
| 4 | 01301309 | LÊ THỊ ANH | THƯ | 13000105 | Nữ | 05/05/95 | Long An | 153 | 6.48 | Trung bình khá |
| 5 | 01301424 | NGUYỄN PHẠM THIÊN | TRANG | 13000104 | Nữ | 29/08/95 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 6.15 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Tiếng Anh

**Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01380127 | NGUYỄN THỊ THU | HIỀN | 13800101 | Nữ | 19/04/95 | Long An | 116 | 5.98 | Trung bình |
| 2 | 01380263 | PHẠM LÊ QUỲNH | NHƯ | 13800103 | Nữ | 18/08/95 | TP. Hồ Chí Minh | 116 | 6.08 | Trung bình khá |
| 3 | 01303409 | NGUYỄN HOÀNG MỸ | TRÚC | 13800102 | Nữ | 20/01/95 | Long An | 116 | 6.28 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Ngôn ngữ Anh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01301099 | HOÀNG NGỌC MỸ | HIẾU | 13000103 | Nữ | 09/12/95 | Đồng Tháp | 153 | 6.80 | Trung bình khá |
| 2 | 01301163 | HÀNG PHƯƠNG | MỸ | 13000101 | Nữ | 22/03/95 | Kiên Giang | 153 | 6.56 | Trung bình khá |
| 3 | 01301225 | DOÃN LÂM THIÊN | PHÚ | 13000102 | Nam | 20/11/95 | TP. Hồ Chí Minh | 159 | 7.24 | Khá |
| 4 | 01301292 | NGUYỄN ĐỨC | THỊNH | 13000102 | Nam | 29/04/95 | Đồng Nai | 153 | 7.07 | Khá |
| 5 | 01301378 | NGUYỄN TRẦN ANH | TÚ | 13000102 | Nữ | 25/06/95 | Đắk Lắk | 153 | 6.22 | Trung bình khá |
| 6 | 01301389 | NGUYỄN ĐẶNG BỬU | UYÊN | 13000105 | Nữ | 24/09/95 | Quảng Ngãi | 153 | 6.57 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kế toán

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy - Chất lượng cao**
**Khóa TS: 2013**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 21300503 | CHU NGUYÊN | MINH | 13020110 | Nam | 28/10/95 | TP. Hồ Chí Minh | 167 | 7.54 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy - Chất lượng cao**
**Khóa TS: 2013**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị kinh doanh quốc tế**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | B1300369 | TRẦN LÊ MINH | 13070610 | Nam | 30/04/95 | TP. Hồ Chí Minh | 159 | 7.11 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01402063 | PHÙNG ĐẶNG PHƯƠNG | ANH | 14000202 | Nữ | 18/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 163 | 7.54 | Khá |
| 2 | 01402042 | GIANG SÁNG | CƠ | 14000202 | Nam | 26/04/96 | TP. Hồ Chí Minh | 163 | 8.33 | Giỏi |
| 3 | 01402058 | NGUYỄN NGUYỄN KHẢ | DI | 14000202 | Nữ | 29/08/96 | Tiền Giang | 166 | 6.75 | Trung bình khá |
| 4 | 01402099 | TRẦN THỊ THÚY | DIỄM | 14000201 | Nữ | 18/10/95 | Quảng Ngãi | 163 | 6.60 | Trung bình khá |
| 5 | 01402031 | TRẦN TRỊNH KIM | DUNG | 14000202 | Nữ | 10/02/95 | Đồng Nai | 163 | 7.64 | Khá |
| 6 | 01403003 | ĐỖ THỊ MỸ | DUYÊN | 14000201 | Nữ | 12/02/96 | Khánh Hòa | 163 | 7.19 | Khá |
| 7 | 01403011 | NGUYỄN LINH | DUYÊN | 14000201 | Nữ | 05/06/96 | Đồng Nai | 163 | 6.54 | Trung bình khá |
| 8 | 01403067 | NGUYỄN HỒ ĐÔNG | HẢI | 14000201 | Nữ | 03/10/96 | Tây Ninh | 163 | 7.54 | Khá |
| 9 | 01402105 | LA THANH | HIỀN | 14000201 | Nam | 27/01/96 | Tây Ninh | 163 | 6.50 | Trung bình khá |
| 10 | 01402026 | TRẦN TRUNG | HIẾU | 14000201 | Nam | 19/01/96 | Khánh Hòa | 163 | 6.85 | Trung bình khá |
| 11 | 01402037 | THÀM MỸ | HOA | 14000201 | Nữ | 03/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 163 | 7.99 | Khá |
| 12 | 01402008 | NGUYỄN THỊ LAN | HƯƠNG | 14000202 | Nữ | 02/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 163 | 6.73 | Trung bình khá |
| 13 | 01402001 | LÊ THỊ THU | HƯỜNG | 14000202 | Nữ | 25/03/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 163 | 7.11 | Khá |
| 14 | 01402081 | HUỲNH THANH | LIÊM | 14000201 | Nam | 28/06/96 | TP. Hồ Chí Minh | 163 | 6.76 | Trung bình khá |
| 15 | 01402009 | ĐỖ THỊ NGỌC | LINH | 14000201 | Nữ | 01/03/95 | Đắk Lắk | 163 | 6.53 | Trung bình khá |
| 16 | 01402029 | LƯU THỊ NGỌC | LINH | 14000201 | Nữ | 03/05/96 | An Giang | 163 | 7.68 | Khá |
| 17 | 01402044 | LƯU TỐ | LINH | 14000202 | Nữ | 08/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 163 | 7.93 | Khá |
| 18 | 01402051 | TRẦN CHỈ | MẪN | 14000202 | Nữ | 16/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 163 | 8.21 | Giỏi |
| 19 | 01402003 | TRẦN THỊ KIM | NGÂN | 14000201 | Nữ | 19/11/96 | Tây Ninh | 163 | 8.16 | Giỏi |
| 20 | 01402046 | HUỲNH HUỆ | NHI | 14000202 | Nữ | 12/04/96 | TP. Hồ Chí Minh | 163 | 8.25 | Giỏi |
| 21 | 01402146 | NGUYỄN HOÀNG YẾN | NHI | 14000201 | Nữ | 12/12/96 | Đồng Nai | 163 | 7.30 | Khá |
| 22 | 01402094 | TRẦN THỊ CẨM | NHUNG | 14000201 | Nữ | 12/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 163 | 7.28 | Khá |
| 23 | 01402059 | PHAN NGUYỄN QUỲNH | NHƯ | 14000201 | Nữ | 22/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 163 | 8.70 | Giỏi |
| 24 | 01403033 | TRẦN THỊ QUỲNH | NHƯ | 14000201 | Nữ | 23/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 164 | 6.95 | Trung bình khá |
| 25 | 01402085 | TĂNG THÚY | QUYÊN | 14000202 | Nữ | 13/07/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 163 | 7.45 | Khá |
| 26 | 01402090 | VÂN ÁI | QUYÊN | 14000202 | Nữ | 08/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 163 | 7.78 | Khá |
| 27 | 01403096 | ĐINH LÊ HOÀNG | THIÊN | 14000201 | Nam | 16/03/96 | Lâm Đồng | 163 | 6.61 | Trung bình khá |
| 28 | 01402004 | TRẦN THỊ LỆ | THU | 14000201 | Nữ | 25/06/96 | Bình Thuận | 163 | 8.05 | Giỏi |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 29 | 01402089 | PHẠM THỊ QUỲNH | TIÊN | 14000202 | Nữ | 27/12/96 | Bình Thuận | 163 | 7.16 | Khá |
| 30 | 01402018 | NGUYỄN THÁI PHƯỢNG | TRANG | 14000202 | Nữ | 14/06/96 | Bình Phước | 163 | 7.25 | Khá |
| 31 | 01402119 | NGUYỄN MINH | TRẦM | 14000201 | Nữ | 01/12/96 | Gia Lai | 163 | 7.81 | Khá |
| 32 | 01403044 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | TRINH | 14000201 | Nữ | 06/01/96 | Tây Ninh | 163 | 7.26 | Khá |
| 33 | 01403138 | DƯƠNG THỊ THÚY | VI | 14000201 | Nữ | 23/09/96 | Sóc Trăng | 163 | 7.44 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01403075 | PHAN THỊ LOAN | ANH | 14000303 | Nữ | 29/10/96 | Đồng Nai | 204 | 6.91 | Trung bình khá |
| 2 | 01403117 | NGÔ THỊ NGỌC | ÁNH | 14000303 | Nữ | 02/12/96 | Quảng Nam | 204 | 7.39 | Khá |
| 3 | 01403064 | LÊ VĂN | DUY | 14000303 | Nam | 23/04/96 | Tiền Giang | 204 | 7.14 | Khá |
| 4 | 01403004 | NGUYỄN THỊ MỸ | DUYÊN | 14000301 | Nữ | 20/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 204 | 6.71 | Trung bình khá |
| 5 | 01403146 | PHAN THỊ NHƯ | ĐÀI | 14000301 | Nữ | 28/10/96 | Bình Định | 204 | 6.69 | Trung bình khá |
| 6 | 01403152 | TRẦN THỊ THU | HÀ | 14000303 | Nữ | 02/09/96 | Thanh Hóa | 204 | 7.09 | Khá |
| 7 | 01403090 | DƯƠNG THÚY | HẰNG | 14000303 | Nữ | 21/04/95 | TP. Hồ Chí Minh | 207 | 7.44 | Khá |
| 8 | 01403182 | VŨ THỊ HIỀN | HẬU | 14000302 | Nữ | 01/03/96 | Bình Phước | 204 | 7.07 | Khá |
| 9 | 01403038 | TRẦN THỊ NGỌC | HIẾU | 14000301 | Nữ | 27/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 204 | 6.85 | Trung bình khá |
| 10 | 01403102 | HỒ KIM | HỒNG | 14000303 | Nữ | 04/12/96 | Đồng Tháp | 204 | 6.80 | Trung bình khá |
| 11 | 01403059 | MOỌC TÙNG | HUY | 14000302 | Nam | 14/06/96 | Hồng Kông | 204 | 7.73 | Khá |
| 12 | 01403172 | TRẦN THU | HƯỜNG | 14000303 | Nữ | 27/05/96 | Bình Phước | 204 | 6.82 | Trung bình khá |
| 13 | 01403015 | NGÔ DỊCH | KHANG | 14000301 | Nam | 28/05/95 | TP. Hồ Chí Minh | 204 | 8.19 | Giỏi |
| 14 | 01403063 | HỒ NGUYỄN QUỲNH | LIÊN | 14000303 | Nữ | 07/11/96 | Hà Tĩnh | 204 | 6.76 | Trung bình khá |
| 15 | 01403076 | TRẦN THỊ | LIÊN | 14000301 | Nữ | 04/03/95 | Nam Định | 204 | 6.73 | Trung bình khá |
| 16 | 01403178 | NGUYỄN THỊ KHÁNH | MAI | 14000302 | Nữ | 01/01/96 | Đồng Tháp | 204 | 6.83 | Trung bình khá |
| 17 | 01403079 | NGUYỄN THỊ BẢO | NGỌC | 14000303 | Nữ | 28/11/96 | Phú Yên | 204 | 7.14 | Khá |
| 18 | 01403168 | ĐOÀN HẠNH TUYẾT | NHUNG | 14000303 | Nữ | 12/01/96 | Đồng Nai | 204 | 6.83 | Trung bình khá |
| 19 | 01403137 | NGUYỄN HÌNH MỸ | THANH | 14000302 | Nữ | 04/03/96 | Kiên Giang | 204 | 6.60 | Trung bình khá |
| 20 | 01403123 | HUỲNH LÊ THANH | THẢO | 14000301 | Nữ | 23/04/96 | Đồng Nai | 204 | 7.99 | Khá |
| 21 | 01403035 | NGÔ THỊ MINH | THÙY | 14000302 | Nữ | 02/12/96 | Đồng Tháp | 207 | 6.88 | Trung bình khá |
| 22 | 01403007 | LƯƠNG NGỌC UYÊN | THY | 14000302 | Nữ | 26/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 204 | 7.36 | Khá |
| 23 | 01403181 | VI TRÚC | THY | 14000302 | Nữ | 28/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 204 | 6.73 | Trung bình khá |
| 24 | 01403125 | TRẦN THỊ NGỌC | TRANG | 14000301 | Nữ | 30/01/95 | Quảng Bình | 204 | 6.58 | Trung bình khá |
| 25 | 01403175 | ĐOÀN KIM CẨM | TÚ | 14000303 | Nữ | 06/12/95 | Đồng Nai | 204 | 7.39 | Khá |
| 26 | 01403013 | LÊ HƯƠNG | XUÂN | 14000301 | Nữ | 23/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 204 | 8.28 | Giỏi |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kế toán

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 21400109 | ĐOÀN VIỆT THÙY | ANH | 14020102 | Nữ | 22/12/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 143 | 7.10 | Khá |
| 2 | 21400057 | NGUYỄN THỊ VÂN | ANH | 14020102 | Nữ | 09/09/96 | Hải Dương | 143 | 6.87 | Trung bình khá |
| 3 | 21400153 | NGUYỄN THỊ | ÁNH | 14020102 | Nữ | 16/04/96 | An Giang | 143 | 7.17 | Khá |
| 4 | 21400043 | NGUYỄN NGỌC | DÂN | 14020102 | Nam | 17/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.23 | Khá |
| 5 | 21400198 | NGUYỄN ÁI | DINH | 14020102 | Nữ | 01/01/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 6.81 | Trung bình khá |
| 6 | 21400190 | TRẦN THỊ MỸ | DUNG | 14020101 | Nữ | 09/04/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 6.95 | Trung bình khá |
| 7 | 21400162 | TRẦN LÊ HOÀNG | DŨNG | 14020101 | Nam | 12/04/96 | Tiền Giang | 143 | 7.31 | Khá |
| 8 | 21400018 | HUỲNH THỊ MỸ | DUYÊN | 14020101 | Nữ | 07/04/96 | Vĩnh Long | 143 | 7.56 | Khá |
| 9 | 21400201 | NGÔ THỊ THẢO | DUYÊN | 14020101 | Nữ | 16/05/96 | Tiền Giang | 143 | 7.13 | Khá |
| 10 | 21400064 | LÊ LÂM THÙY | DƯƠNG | 14020102 | Nữ | 08/11/96 | Long An | 143 | 8.16 | Giỏi |
| 11 | 21400065 | NGUYỄN THÙY | DƯƠNG | 14020102 | Nữ | 06/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.43 | Khá |
| 12 | 21400066 | LÊ DIỆP BÍCH | ĐÀO | 14020101 | Nữ | 02/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.74 | Khá |
| 13 | 21400282 | LÂM XUÂN THÀNH | ĐẠT | 14020102 | Nam | 04/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 6.81 | Trung bình khá |
| 14 | 21400283 | NGUYỄN THỊ THANH | HẠ | 14020101 | Nữ | 07/07/96 | Kon Tum | 143 | 7.25 | Khá |
| 15 | 21400148 | NGUYỄN THỊ NHƯ | HẢO | 14020101 | Nữ | 17/10/96 | Bến Tre | 143 | 7.77 | Khá |
| 16 | 21400076 | BÙI THỊ MỘNG | HÂN | 14020102 | Nữ | 17/11/96 | Bến Tre | 146 | 7.17 | Khá |
| 17 | 21400255 | NGUYỄN NGỌC | HÂN | 14020101 | Nữ | 13/09/96 | Quảng Nam | 143 | 7.65 | Khá |
| 18 | 21400137 | PHẠM MINH | HIỀN | 14020101 | Nữ | 12/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.10 | Khá |
| 19 | 21400071 | HUỲNH THỊ | HIẾU | 14020101 | Nữ | 11/01/96 | Quảng Ngãi | 143 | 6.93 | Trung bình khá |
| 20 | 21400099 | NGUYỄN LÊ MẠNH | HÙNG | 14020101 | Nam | 13/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 8.48 | Giỏi |
| 21 | 21400192 | HOÀNG THỊ THANH | HUYỀN | 14020102 | Nữ | 01/05/96 | Đắk Lắk | 144 | 6.11 | Trung bình khá |
| 22 | 21400033 | NGUYỄN THỊ THANH | HUYỀN | 14020101 | Nữ | 05/09/96 | Gia Lai | 143 | 6.52 | Trung bình khá |
| 23 | 21400051 | WÒNG TRUNG | HƯNG | 14020102 | Nữ | 20/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.56 | Khá |
| 24 | 21400035 | NGUYỄN NGỌC | HƯƠNG | 14020101 | Nữ | 04/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 8.06 | Giỏi |
| 25 | 21400142 | NGUYỄN THANH THÙY | HƯƠNG | 14020101 | Nữ | 05/06/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.61 | Khá |
| 26 | 21400193 | NGUYỄN THỊ NGỌC | LAN | 14020102 | Nữ | 15/03/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 143 | 6.77 | Trung bình khá |
| 27 | 21400225 | NGUYỄN THỊ THÙY | LINH | 14020101 | Nữ | 11/01/96 | Lâm Đồng | 143 | 8.20 | Giỏi |
| 28 | 21400047 | NGUYỄN THÙY | LINH | 14020101 | Nữ | 26/04/96 | Tây Ninh | 143 | 7.02 | Khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

**Ngành: Kế toán**

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 29 | 21400291 | VÕ NGỌC | LINH | 14020102 | Nữ | 22/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.19 | Khá |
| 30 | 21400269 | NGUYỄN PHƯỚC XUÂN | LONG | 14020102 | Nam | 22/10/96 | Đồng Nai | 143 | 7.69 | Khá |
| 31 | 21400150 | ĐINH THỊ HỒNG | LỤA | 14020102 | Nữ | 22/01/96 | Đồng Tháp | 143 | 7.99 | Khá |
| 32 | 21400145 | HUỲNH PHẠM NHƯ | MAI | 14020102 | Nữ | 11/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.08 | Khá |
| 33 | 21400146 | TRƯƠNG NGUYỄN PHƯƠNG | MAI | 14020101 | Nữ | 08/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 6.91 | Trung bình khá |
| 34 | 21400002 | TRƯƠNG HUỆ | MẪN | 14020101 | Nữ | 23/09/96 | An Giang | 143 | 7.84 | Khá |
| 35 | 21400286 | HUỲNH THỊ DIỄM | MY | 14020101 | Nữ | 15/11/96 | Gia Lai | 143 | 7.20 | Khá |
| 36 | 21400260 | LÊ KIỀU | MY | 14020102 | Nữ | 27/01/96 | Bạc Liêu | 146 | 8.18 | Giỏi |
| 37 | 21400104 | HOÀNG THỊ KIM | NGA | 14020101 | Nữ | 11/03/96 | Kon Tum | 143 | 7.04 | Khá |
| 38 | 21400179 | HỒ THỊ HỒNG | NGỌC | 14020102 | Nữ | 21/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 8.34 | Giỏi |
| 39 | 21400227 | LÊ THỊ HỒNG | NGỌC | 14020101 | Nữ | 11/10/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 143 | 6.59 | Trung bình khá |
| 40 | 21400005 | LÊ THÚY | NGỌC | 14020102 | Nữ | 12/10/96 | Long An | 146 | 7.95 | Khá |
| 41 | 21400181 | TRẦN THỊ BÍCH | NGỌC | 14020102 | Nữ | 17/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.60 | Khá |
| 42 | 21400019 | NGUYỄN THỊ KIM | NGUYÊN | 14020102 | Nữ | 09/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.00 | Khá |
| 43 | 21400091 | ĐẠM PHƯƠNG | NHI | 14020102 | Nữ | 26/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.19 | Khá |
| 44 | 21400088 | HÀ KIM | NHI | 14020102 | Nữ | 16/12/95 | Đồng Tháp | 143 | 7.86 | Khá |
| 45 | 21400085 | HỒ MỸ | NHI | 14020101 | Nữ | 16/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 144 | 6.77 | Trung bình khá |
| 46 | 21400087 | NGUYỄN NGỌC YẾN | NHI | 14020102 | Nữ | 16/03/96 | Tiền Giang | 143 | 7.23 | Khá |
| 47 | 21400024 | NGUYỄN Ý | NHI | 14020101 | Nữ | 24/10/96 | An Giang | 143 | 7.75 | Khá |
| 48 | 21400025 | NGUYỄN THỊ HỒNG | NHIÊN | 14020102 | Nữ | 07/01/96 | Vĩnh Long | 146 | 8.53 | Giỏi |
| 49 | 21400049 | NGUYỄN QUỲNH | NHƯ | 14020101 | Nữ | 06/04/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.89 | Khá |
| 50 | 21400270 | TRẦN NGỌC ÁNH | NHƯ | 14020102 | Nữ | 10/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 6.88 | Trung bình khá |
| 51 | 21400125 | TRẦN XUÂN | OANH | 14020101 | Nữ | 21/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.12 | Khá |
| 52 | 21400039 | LÊ THỊ THÚY | PHƯƠNG | 14020101 | Nữ | 08/01/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.82 | Khá |
| 53 | 21400250 | NGUYỄN THỊ | PHƯƠNG | 14020102 | Nữ | 28/02/96 | Hải Dương | 146 | 7.81 | Khá |
| 54 | 21400102 | VÕ THỊ KIM | PHƯỢNG | 14020101 | Nữ | 01/02/96 | Bình Thuận | 143 | 7.42 | Khá |
| 55 | 21400130 | LÊ THỊ THANH | THANH | 14020102 | Nữ | 14/07/96 | Đắk Lắk | 143 | 6.92 | Trung bình khá |
| 56 | 21400170 | LƯƠNG THỊ THU | THẢO | 14020102 | Nữ | 08/03/95 | Đồng Nai | 143 | 7.40 | Khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kế toán

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 57 | 21400037 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | THẢO | 14020102 | Nữ | 05/01/96 | Bình Phước | 143 | 6.89 | Trung bình khá |
| 58 | 21400240 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | THẢO | 14020101 | Nữ | 19/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.49 | Khá |
| 59 | 21400171 | PHẠM THỊ NGỌC | THẢO | 14020102 | Nữ | 16/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.49 | Khá |
| 60 | 21400122 | TRẦN THANH | THẢO | 14020101 | Nữ | 06/06/96 | Sóc Trăng | 143 | 6.96 | Trung bình khá |
| 61 | 21400290 | LÊ THỊ THANH | THI | 14020101 | Nữ | 21/06/96 | Long An | 143 | 7.23 | Khá |
| 62 | 21400172 | DƯƠNG THỊ KIM | THƠ | 14020102 | Nữ | 18/02/96 | Bình Thuận | 143 | 7.41 | Khá |
| 63 | 21400195 | LA THỊ KIM | THƠ | 14020101 | Nữ | 09/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.88 | Khá |
| 64 | 21400272 | ĐẶNG KIM | THÙY | 14020102 | Nữ | 27/09/96 | Kiên Giang | 143 | 6.87 | Trung bình khá |
| 65 | 21400154 | LÃ HOÀNG | THƯ | 14020102 | Nam | 09/02/96 | Đồng Nai | 143 | 7.73 | Khá |
| 66 | 21400115 | ĐỖ THỊ THỦY | TIÊN | 14020101 | Nữ | 04/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.82 | Khá |
| 67 | 21400264 | MAI ĐÀO HÀ | TIÊN | 14020101 | Nữ | 01/08/96 | Kiên Giang | 143 | 7.76 | Khá |
| 68 | 21400273 | HUỲNH QUÝ | TÍN | 14020102 | Nam | 30/12/96 | An Giang | 143 | 7.83 | Khá |
| 69 | 21400082 | NGÔ VIẾT | TRÍ | 14020102 | Nam | 14/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 6.65 | Trung bình khá |
| 70 | 21400278 | LÊ NGỌC ÁI | TRINH | 14020102 | Nữ | 04/07/95 | Quảng Ngãi | 143 | 8.46 | Giỏi |
| 71 | 21400077 | NGUYỄN THỊ MAI | TRINH | 14020102 | Nữ | 09/04/96 | Lâm Đồng | 146 | 6.90 | Trung bình khá |
| 72 | 21400016 | PHAN HOÀNG TỐ | TRINH | 14020102 | Nữ | 24/06/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 6.96 | Trung bình khá |
| 73 | 21400078 | VÕ ĐẶNG NGỌC | TRINH | 14020102 | Nữ | 04/10/96 | Long An | 143 | 6.58 | Trung bình khá |
| 74 | 21400031 | ĐỖ TRẦN THANH | TRÚC | 14020102 | Nữ | 20/08/96 | Tiền Giang | 143 | 7.62 | Khá |
| 75 | 21400275 | BẠCH CHẤN | VINH | 14020102 | Nam | 12/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 6.70 | Trung bình khá |
| 76 | 21400210 | NGUYỄN HOÀNG | VŨ | 14020102 | Nam | 03/10/96 | Tiền Giang | 143 | 7.57 | Khá |
| 77 | 21400072 | LÊ | VY | 14020101 | Nữ | 12/12/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 143 | 6.84 | Trung bình khá |
| 78 | 21400045 | LÊ THÚY | VY | 14020101 | Nữ | 12/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 146 | 7.84 | Khá |
| 79 | 21400073 | TRỊNH BẢO TƯỜNG | VY | 14020101 | Nữ | 11/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.08 | Khá |
| 80 | 21400098 | NGUYỄN THỊ ÁI | XUÂN | 14020102 | Nữ | 07/02/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 143 | 7.84 | Khá |
| 81 | 21400100 | ĐÀO KIM | YẾN | 14020102 | Nữ | 12/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.86 | Khá |
| 82 | 21400013 | PHẠM CHI HOÀNG | YẾN | 14020102 | Nữ | 30/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 8.20 | Giỏi |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Xã hội học

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 31402049 | TRẦN THỊ MAI | ANH | 14030202 | Nữ | 02/01/96 | Bình Định | 140 | 6.94 | Trung bình khá |
| 2 | 31402095 | NGUYỄN THÙY | DUNG | 14030201 | Nữ | 07/06/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 6.62 | Trung bình khá |
| 3 | 31402088 | TRẦN THỊ MỸ | HIỀN | 14030202 | Nữ | 25/01/95 | Bến Tre | 140 | 7.90 | Khá |
| 4 | 31402087 | LÊ NGUYỄN BẢO | KHÁNH | 14030201 | Nam | 27/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 7.01 | Khá |
| 5 | 31402130 | LÊ THỊ NGỌC | LAN | 14030202 | Nữ | 24/06/96 | Bình Định | 140 | 7.49 | Khá |
| 6 | 31402030 | ĐỖ HIẾU | MINH | 14030202 | Nam | 25/07/96 | Phú Yên | 140 | 7.59 | Khá |
| 7 | 31402098 | VĂN KIM | NGÂN | 14030202 | Nữ | 30/10/96 | Bạc Liêu | 140 | 7.06 | Khá |
| 8 | 31402050 | TRẦN LÊ DIỄM | NGỌC | 14030202 | Nữ | 02/02/96 | Đồng Nai | 140 | 7.59 | Khá |
| 9 | 31402045 | TRẦN PHƯƠNG | NHUNG | 14030202 | Nữ | 16/05/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 143 | 6.99 | Trung bình khá |
| 10 | 31402073 | TRƯƠNG TRÍ | TOÀN | 14030202 | Nam | 06/08/96 | Vĩnh Long | 140 | 7.31 | Khá |
| 11 | 31402074 | VÕ NGỌC | TOÀN | 14030201 | Nam | 16/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 6.87 | Trung bình khá |
| 12 | 31402077 | NGUYỄN THỊ QUỲNH | VÂN | 14030202 | Nữ | 14/03/96 | Quảng Trị | 140 | 7.48 | Khá |
| 13 | 31402026 | ĐỖ THỊ XUÂN | VY | 14030202 | Nữ | 31/10/95 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 7.15 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Việt Nam học

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 31403318 | NGUYỄN TRẦN THIỆU | AN | 14030303 | Nữ | 07/04/95 | Tiền Giang | 150 | 7.38 | Khá |
| 2 | 31403319 | TRƯƠNG THỊ THÚY | AN | 14030303 | Nữ | 19/08/93 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 7.81 | Khá |
| 3 | 31403111 | LƯƠNG NHẬT | ANH | 14030303 | Nam | 16/07/96 | Đồng Tháp | 150 | 7.02 | Khá |
| 4 | 31403091 | VÕ NGUYỄN BÍCH | CHÂU | 14030302 | Nữ | 30/08/96 | Ninh Thuận | 150 | 6.83 | Trung bình khá |
| 5 | 31403392 | PHẠM LINH | ĐAN | 14030301 | Nữ | 26/01/96 | Lâm Đồng | 150 | 7.15 | Khá |
| 6 | 31403177 | MAI LÊ HUỲNH | ĐỨC | 14030303 | Nam | 17/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 7.33 | Khá |
| 7 | 31403368 | NGUYỄN HOÀNG TRÚC | GIANG | 14030303 | Nữ | 10/10/95 | Bến Tre | 150 | 7.91 | Khá |
| 8 | 31403022 | NGUYỄN THỊ MINH | HÒA | 14030302 | Nữ | 01/06/96 | Bình Định | 150 | 7.56 | Khá |
| 9 | 31403218 | NGUYỄN TRẦN | HOÀNG | 14030303 | Nam | 05/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 6.99 | Trung bình khá |
| 10 | 31403290 | HUỲNH THỊ ÁNH | HỒNG | 14030301 | Nữ | 01/01/96 | Bến Tre | 152 | 7.67 | Khá |
| 11 | 31403306 | NGUYỄN PHƯƠNG | HUỲNH | 14030301 | Nữ | 04/03/96 | An Giang | 150 | 7.10 | Khá |
| 12 | 31403326 | VÕ DIỆU | KHANH | 14030302 | Nữ | 21/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 7.12 | Khá |
| 13 | 31403251 | NGUYỄN TUẤN | KIỆT | 14030303 | Nam | 26/11/95 | Long An | 150 | 7.16 | Khá |
| 14 | 51403244 | HUỲNH KHÁNH | LINH | 14030301 | Nữ | 29/04/96 | Bạc Liêu | 150 | 7.55 | Khá |
| 15 | 31403270 | NGUYỄN TỐ | LINH | 14030302 | Nữ | 21/11/96 | Tiền Giang | 150 | 6.61 | Trung bình khá |
| 16 | 31403307 | TRẦN THỊ TUYẾT | LINH | 14030303 | Nữ | 01/05/96 | Vĩnh Long | 150 | 7.44 | Khá |
| 17 | 31403085 | NGUYỄN ĐỨC | LONG | 14030302 | Nam | 12/05/96 | Lâm Đồng | 150 | 8.51 | Giỏi |
| 18 | 31403312 | LÂM NGỌC | MY | 14030303 | Nữ | 04/10/96 | Bạc Liêu | 150 | 7.27 | Khá |
| 19 | 31403142 | NGUYỄN THỊ NGỌC | MỸ | 14030303 | Nữ | 19/06/96 | Tiền Giang | 150 | 6.81 | Trung bình khá |
| 20 | 31403141 | TRƯƠNG HOÀNG | MỸ | 14030301 | Nữ | 07/11/96 | Trà Vinh | 150 | 7.42 | Khá |
| 21 | 31403121 | THẠCH NGUYỄN NHỰT | NAM | 14030303 | Nam | 01/01/96 | Trà Vinh | 150 | 7.56 | Khá |
| 22 | 31403404 | PHAN THỊ TRÚC | NGÂN | 14030303 | Nữ | 16/02/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 150 | 7.37 | Khá |
| 23 | 31403362 | TRỊNH THÁI | NGÂN | 14030303 | Nữ | 20/01/96 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 6.97 | Trung bình khá |
| 24 | 31403355 | ĐẶNG THANH | NHÀN | 14030303 | Nữ | 07/04/96 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 6.80 | Trung bình khá |
| 25 | 31403352 | LÊ HỒNG | NHI | 14030301 | Nữ | 09/03/96 | Bạc Liêu | 150 | 7.46 | Khá |
| 26 | 31403301 | LÝ BỬU | NHI | 14030303 | Nữ | 12/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 6.89 | Trung bình khá |
| 27 | 31403409 | PHAN THỊ YẾN | NHI | 14030303 | Nữ | 24/10/96 | TP. Cần Thơ | 150 | 7.14 | Khá |
| 28 | 31403041 | NGUYỄN PHẠM HUỲNH | NHƯ | 14030303 | Nữ | 19/06/96 | Đồng Tháp | 150 | 7.73 | Khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Việt Nam học

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 29 | 31403140 | NGUYỄN THỊ MỸ | PHỤNG | 14030302 | Nữ | 13/06/96 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 7.04 | Khá |
| 30 | 31403201 | MAI LÊ PHÚ | QUÝ | 14030303 | Nam | 17/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 7.66 | Khá |
| 31 | 31403049 | TRẦN TẤN | THÀNH | 14030303 | Nam | 28/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 6.77 | Trung bình khá |
| 32 | 31403186 | ĐẶNG THANH | THẢO | 14030303 | Nữ | 08/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 6.71 | Trung bình khá |
| 33 | 31403183 | LÊ THỊ XUÂN | THẢO | 14030302 | Nữ | 15/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 152 | 6.65 | Trung bình khá |
| 34 | 31403146 | PHẠM PHÚ MINH | THUẬN | 14030302 | Nam | 03/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 7.28 | Khá |
| 35 | 31403401 | TRẦN THỊ THANH | THÚY | 14030303 | Nữ | 26/12/96 | Quảng Ngãi | 150 | 7.21 | Khá |
| 36 | 31403247 | LƯU HOÀNG NHẬT | THY | 14030302 | Nữ | 05/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 6.82 | Trung bình khá |
| 37 | 31403333 | TRẦN PHƯỚC CẨM | TIÊN | 14030301 | Nữ | 10/06/96 | Kiên Giang | 150 | 7.63 | Khá |
| 38 | 31403034 | PHẠM THỊ HƯƠNG | TRÀ | 14030303 | Nữ | 10/10/96 | Bình Định | 150 | 7.61 | Khá |
| 39 | 31403334 | NGUYỄN LÂM | TRANG | 14030303 | Nữ | 01/04/94 | An Giang | 150 | 7.16 | Khá |
| 40 | 31403012 | NGUYỄN THỊ HỒNG | TRANG | 14030301 | Nữ | 23/08/96 | Hà Tây | 150 | 7.43 | Khá |
| 41 | 31403107 | HỒ HUYỀN | TRÂN | 14030303 | Nữ | 13/09/96 | Tiền Giang | 150 | 7.42 | Khá |
| 42 | 31403234 | TRẦN NGỌC BẢO | TRÂN | 14030303 | Nữ | 05/06/96 | An Giang | 150 | 7.52 | Khá |
| 43 | 31403132 | TRẦN THỊ BẢO | TRÂN | 14030302 | Nữ | 10/09/96 | Bạc Liêu | 152 | 7.00 | Khá |
| 44 | 31403316 | TRẦN MINH | TRIẾT | 14030302 | Nam | 13/01/96 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 6.75 | Trung bình khá |
| 45 | 31403075 | TRẦN NGUYỄN | TRỌNG | 14030301 | Nam | 01/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 7.18 | Khá |
| 46 | 31403076 | NGUYỄN ĐỨC | TRUNG | 14030303 | Nam | 16/05/96 | Đắk Lắk | 150 | 6.62 | Trung bình khá |
| 47 | 31403055 | LÊ MINH | TRỰC | 14030302 | Nam | 09/02/94 | Bến Tre | 150 | 7.06 | Khá |
| 48 | 31403039 | NGUYỄN THỊ CẨM | TÚ | 14030302 | Nữ | 15/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 6.96 | Trung bình khá |
| 49 | 31403275 | ĐỖ NGỌC | TUYỀN | 14030303 | Nữ | 30/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 6.82 | Trung bình khá |
| 50 | 31403095 | NGUYỄN HỮU MINH | VÂN | 14030302 | Nữ | 22/11/96 | Tiền Giang | 150 | 7.28 | Khá |
| 51 | 31403104 | PHAN HOÀNG | VŨ | 14030302 | Nam | 05/07/96 | Tiền Giang | 150 | 7.00 | Khá |
| 52 | 31403200 | NGUYỄN THÚY | VY | 14030303 | Nữ | 01/09/96 | Cà Mau | 150 | 7.74 | Khá |
| 53 | 31403099 | HỒ THỊ NGỌC | YẾN | 14030301 | Nữ | 09/09/96 | Lâm Đồng | 150 | 7.07 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Công tác xã hội

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 31404162 | ĐẶNG PHẠM QUỲNH | ANH | 14030401 | Nữ | 16/12/96 | Bình Định | 140 | 6.95 | Trung bình khá |
| 2 | 31404020 | THÔI THỊ THU | ANH | 14030401 | Nữ | 24/10/96 | Long An | 140 | 7.46 | Khá |
| 3 | 31404123 | NGUYỄN THỊ THU | DIỄM | 14030401 | Nữ | 10/03/96 | Gia Lai | 140 | 7.67 | Khá |
| 4 | 31404100 | NĂNG THỊ MỸ | DUYÊN | 14030401 | Nữ | 21/12/96 | Ninh Thuận | 140 | 8.09 | Giỏi |
| 5 | 31404116 | NGUYỄN THỊ ĐẠM | GIANG | 14030401 | Nữ | 01/01/96 | Quảng Ngãi | 140 | 7.77 | Khá |
| 6 | 31404130 | HÀ NGỌC | HIẾU | 14030401 | Nữ | 01/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 8.03 | Giỏi |
| 7 | 31404035 | NGUYỄN THỊ MINH | HUYỀN | 14030401 | Nữ | 28/12/96 | Khánh Hòa | 140 | 7.08 | Khá |
| 8 | 31404006 | PHAN THỊ THOẠI | KHANH | 14030401 | Nữ | 09/11/96 | Lâm Đồng | 140 | 7.33 | Khá |
| 9 | 31404095 | TRẦN KHÁNH | LY | 14030401 | Nữ | 03/12/96 | Kon Tum | 140 | 7.25 | Khá |
| 10 | 31404158 | THÁI BẢO | NGUYÊN | 14030401 | Nam | 27/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 8.09 | Giỏi |
| 11 | 31404017 | NGUYỄN LÊ BẢO | THANH | 14030401 | Nam | 18/11/96 | Bình Dương | 140 | 7.69 | Khá |
| 12 | 31404072 | HÀ THANH | THẢO | 14030401 | Nữ | 15/10/96 | Kiên Giang | 140 | 7.39 | Khá |
| 13 | 31404029 | LÊ THỊ | THỦY | 14030401 | Nữ | 02/11/96 | Hà Tĩnh | 140 | 7.29 | Khá |
| 14 | 31404169 | NGUYỄN THÙY | TRANG | 14030401 | Nữ | 30/04/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 7.35 | Khá |
| 15 | 31404079 | PHẠM THÙY | TRINH | 14030401 | Nữ | 01/12/96 | Gia Lai | 140 | 7.43 | Khá |
| 16 | 31404071 | TĂNG LÊ TUYẾT | TRINH | 14030401 | Nữ | 27/08/95 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 140 | 7.07 | Khá |
| 17 | 31404106 | TRẦN NGUYỄN KIM | TRINH | 14030401 | Nữ | 16/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 7.62 | Khá |
| 18 | 31404164 | TRẦN THỤY THÙY | UYÊN | 14030401 | Nữ | 01/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 7.19 | Khá |
| 19 | 31404024 | TRẦN THANH ĐOÀN HẢI | YẾN | 14030401 | Nữ | 19/10/96 | Tiền Giang | 140 | 7.69 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 41403165 | VÕ THÀNH LUẬT | 14040302 | Nam | 18/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 168 | 7.37 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Khoa học máy tính

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 51403002 | NGUYỄN QUANG | DUY | 14050303 | Nam | 28/09/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 148 | 7.30 | Khá |
| 2 | 51403184 | TRẦN KHÁNH | DUY | 14050301 | Nam | 17/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 146 | 7.55 | Khá |
| 3 | 51403171 | NGUYỄN PHÚC | HIỀN | 14050301 | Nam | 13/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 146 | 6.45 | Trung bình khá |
| 4 | 51403113 | NGUYỄN TRUNG | HIẾU | 14050303 | Nam | 18/06/96 | TP. Hồ Chí Minh | 151 | 6.84 | Trung bình khá |
| 5 | 51403264 | HUỲNH TẤN | HƯNG | 14050301 | Nam | 07/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 146 | 6.68 | Trung bình khá |
| 6 | 51403269 | ĐINH THỊ KIM | LOAN | 14050303 | Nữ | 20/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 149 | 7.16 | Khá |
| 7 | 51403143 | NGUYỄN HOÀNG | MINH | 14050302 | Nam | 13/06/96 | TP. Hồ Chí Minh | 146 | 8.20 | Giỏi |
| 8 | 51403231 | NGUYỄN THỊ KIM | NGUYÊN | 14050303 | Nữ | 07/03/96 | TP. Đà Nẵng | 148 | 7.62 | Khá |
| 9 | 51403205 | LÊ NGỌC MINH | NHÂN | 14050303 | Nữ | 01/01/96 | Bến Tre | 149 | 6.54 | Trung bình khá |
| 10 | 51403028 | TRẦN ĐẠI | NHÂN | 14050302 | Nam | 15/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 7.39 | Khá |
| 11 | 51403005 | NGUYỄN XUÂN | PHÚC | 14050303 | Nam | 29/06/95 | TP. Hồ Chí Minh | 147 | 6.94 | Trung bình khá |
| 12 | 51403128 | NGUYỄN THANH | QUÂN | 14050303 | Nam | 01/06/96 | Quảng Ninh | 147 | 6.60 | Trung bình khá |
| 13 | 51403342 | PHẠM TRẦN THỦY | TIÊN | 14050301 | Nữ | 04/05/96 | Tiền Giang | 149 | 7.65 | Khá |
| 14 | 51403054 | HỒ ĐẮC | TRƯỜNG | 14050303 | Nam | 10/06/95 | Thanh Hóa | 148 | 6.32 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Marketing**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 71400151 | HUỲNH LOAN | ANH | 14070002 | Nữ | 16/01/96 | Cà Mau | 142 | 7.04 | Khá |
| 2 | 71400068 | HUỲNH DIỆU | BÌNH | 14070002 | Nữ | 13/11/96 | Bến Tre | 142 | 8.08 | Giỏi |
| 3 | 71400055 | TRẦN DŨNG | DANH | 14070002 | Nam | 18/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.83 | Khá |
| 4 | 71400176 | NGUYỄN THỊ NGỌC | DIỄM | 14070001 | Nữ | 17/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.11 | Khá |
| 5 | 71400050 | TRẦN NGỌC | DIỆU | 14070002 | Nữ | 04/11/96 | Sóc Trăng | 142 | 7.65 | Khá |
| 6 | 71400285 | ĐINH HUỲNH TRÍ | DŨNG | 14070001 | Nam | 20/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.99 | Trung bình khá |
| 7 | 71400089 | NGUYỄN THANH | ĐA | 14070001 | Nữ | 11/09/96 | Đắk Lắk | 142 | 6.96 | Trung bình khá |
| 8 | 71400005 | NGÔ ĐOÀN MỸ | HẠNH | 14070002 | Nữ | 10/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.82 | Khá |
| 9 | 71400036 | TRẦN THỊ | HẠNH | 14070002 | Nữ | 04/12/96 | Đắk Lắk | 142 | 7.40 | Khá |
| 10 | 71400004 | VÕ THỊ MỸ | HẠNH | 14070001 | Nữ | 22/05/96 | Đồng Nai | 142 | 7.24 | Khá |
| 11 | 71400215 | CHÍ TÚ | HẢO | 14070002 | Nữ | 20/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.16 | Khá |
| 12 | 71400059 | PHAN THỊ THU | HẰNG | 14070002 | Nữ | 29/05/96 | Bến Tre | 142 | 7.56 | Khá |
| 13 | 71400263 | LÊ NGỌC BÍCH | HIỀN | 14070001 | Nữ | 21/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.22 | Khá |
| 14 | 71400091 | NGUYỄN GIA BẢO | HIẾU | 14070001 | Nữ | 22/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 8.21 | Giỏi |
| 15 | 71400315 | NGUYỄN THỊ THU | HOÀI | 14070002 | Nữ | 01/07/96 | Nghệ An | 142 | 7.05 | Khá |
| 16 | 71400137 | NGUYỄN THANH | HOÀNG | 14070002 | Nam | 25/01/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.07 | Khá |
| 17 | 71400038 | TỐNG THỊ KIỀU | HOANH | 14070001 | Nữ | 12/10/94 | Tiền Giang | 142 | 7.60 | Khá |
| 18 | 71400149 | BÙI TRỌNG LINH | HƯƠNG | 14070001 | Nữ | 03/09/96 | Quảng Ngãi | 142 | 7.93 | Khá |
| 19 | 71400265 | ĐOÀN THỊ CẨM | HƯỜNG | 14070001 | Nữ | 07/08/96 | An Giang | 142 | 7.23 | Khá |
| 20 | 71400240 | NGÔ ĐỖ BẢO | KHÁNH | 14070001 | Nữ | 07/06/96 | An Giang | 142 | 7.46 | Khá |
| 21 | 71400010 | ĐỖ THỊ KIM | LỆ | 14070001 | Nữ | 02/09/96 | Phú Yên | 142 | 7.51 | Khá |
| 22 | 71400120 | TRẦN THỊ HỒNG | LIÊN | 14070001 | Nữ | 15/07/96 | Đồng Nai | 142 | 7.99 | Khá |
| 23 | 71400288 | NGUYỄN THỊ KHÁNH | LINH | 14070002 | Nữ | 03/09/96 | Tiền Giang | 142 | 6.99 | Trung bình khá |
| 24 | 71400022 | NGUYỄN VĂN | LINH | 14070001 | Nam | 21/04/95 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.89 | Trung bình khá |
| 25 | 71400310 | TRẦN THỊ THÙY | LINH | 14070002 | Nữ | 14/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.14 | Khá |
| 26 | 71400226 | TRƯƠNG THỊ KIỀU | LINH | 14070001 | Nữ | 24/04/96 | Bến Tre | 143 | 6.74 | Trung bình khá |
| 27 | 71400150 | LÊ THỊ NGỌC | MAI | 14070002 | Nữ | 24/05/96 | Bình Dương | 142 | 7.20 | Khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Marketing**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 28 | 71400196 | NGUYỄN HUỲNH THỦY | MAI | 14070002 | Nữ | 28/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.19 | Khá |
| 29 | 71400123 | LÊ CAO HOÀNG | MINH | 14070002 | Nam | 30/05/96 | Đồng Nai | 142 | 6.72 | Trung bình khá |
| 30 | 71400177 | NGUYỄN THỊ HOÀI | MỸ | 14070002 | Nữ | 08/01/96 | Bình Định | 142 | 6.96 | Trung bình khá |
| 31 | 71400144 | NGUYỄN THỊ | NGA | 14070001 | Nữ | 21/08/96 | Bình Phước | 142 | 7.58 | Khá |
| 32 | 71400065 | MAI THỊ THÙY | NGÂN | 14070002 | Nữ | 17/01/96 | Bình Thuận | 142 | 7.27 | Khá |
| 33 | 71400064 | TRƯƠNG THỊ THU | NGÂN | 14070001 | Nữ | 21/03/96 | Tiền Giang | 142 | 7.81 | Khá |
| 34 | 71400140 | ĐỖ NGỌC | NGHIÊM | 14070001 | Nam | 19/06/96 | Đắk Lắk | 142 | 6.87 | Trung bình khá |
| 35 | 71400159 | CHÌA ÁNH | NGỌC | 14070002 | Nữ | 08/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.47 | Khá |
| 36 | 71400081 | NGUYỄN THANH | NGỌC | 14070001 | Nữ | 26/08/96 | Đồng Nai | 142 | 6.94 | Trung bình khá |
| 37 | 71400097 | NGUYỄN NGỌC TÚ | NHI | 14070002 | Nữ | 29/12/96 | Bến Tre | 142 | 8.11 | Giỏi |
| 38 | 71400208 | TỪ YẾN | NHI | 14070002 | Nữ | 12/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.20 | Khá |
| 39 | 71400099 | HẦU THỊ MỸ | NHIÊN | 14070001 | Nữ | 09/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.27 | Khá |
| 40 | 71400100 | TỪ THỊ TUYẾT | NHUNG | 14070002 | Nữ | 26/05/96 | Đồng Nai | 142 | 7.65 | Khá |
| 41 | 71400075 | ĐẶNG QUỲNH | NHƯ | 14070001 | Nữ | 19/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.68 | Khá |
| 42 | 71400201 | TÔ VĂN | PHÚ | 14070002 | Nam | 28/10/95 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.34 | Khá |
| 43 | 71400141 | CHÂU LỆ | PHỤNG | 14070002 | Nữ | 13/04/96 | Sóc Trăng | 142 | 7.71 | Khá |
| 44 | 71400110 | PHAN THỊ KIM | PHỤNG | 14070001 | Nữ | 10/02/96 | Tây Ninh | 142 | 7.90 | Khá |
| 45 | 71400128 | TRẦN THỊ THU | PHƯƠNG | 14070002 | Nữ | 10/04/96 | Thanh Hóa | 142 | 7.09 | Khá |
| 46 | 71400235 | VÕ MỸ | QUY | 14070002 | Nữ | 10/10/96 | Đồng Nai | 142 | 7.21 | Khá |
| 47 | 71400198 | NGUYỄN THANH | THANH | 14070001 | Nữ | 14/11/95 | TP. Cần Thơ | 142 | 7.20 | Khá |
| 48 | 71400125 | DƯ PHƯỚC | THÀNH | 14070001 | Nam | 18/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 7.16 | Khá |
| 49 | 71400156 | HỒ THỊ CẨM | THOẠI | 14070001 | Nữ | 09/10/96 | Long An | 142 | 7.32 | Khá |
| 50 | 71400245 | TRẦN ĐANG | THOẠI | 14070001 | Nữ | 13/09/96 | Tây Ninh | 142 | 7.62 | Khá |
| 51 | 71400267 | THÁI THỊ NGỌC | THU | 14070002 | Nữ | 05/06/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 8.01 | Giỏi |
| 52 | 71400118 | ĐỖ NGỌC THỦY | TIÊN | 14070002 | Nữ | 20/01/96 | Đồng Tháp | 142 | 7.22 | Khá |
| 53 | 71400302 | NGUYỄN THỊ KIM | TIÊN | 14070002 | Nữ | 02/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.47 | Khá |
| 54 | 71400283 | NGUYỄN THỊ KIM | TIỀN | 14070002 | Nữ | 06/12/96 | Bình Định | 142 | 7.22 | Khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Marketing**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 55 | 71400254 | BÙI NGUYỄN QUỐC | TIẾN | 14070002 | Nam | 28/02/96 | Đồng Nai | 142 | 7.38 | Khá |
| 56 | 71400206 | BÙI LÊ MINH | TRANG | 14070001 | Nữ | 22/01/96 | Long An | 142 | 6.85 | Trung bình khá |
| 57 | 71400042 | TRẦN THÙY | TRANG | 14070002 | Nữ | 10/02/96 | Tây Ninh | 142 | 7.25 | Khá |
| 58 | 71400165 | TRẦN THỊ MỘNG | TRINH | 14070002 | Nữ | 02/09/96 | TP. Đà Nẵng | 142 | 8.03 | Giỏi |
| 59 | 71400074 | NGUYỄN THỊ CẨM | TÚ | 14070001 | Nữ | 08/01/96 | Bình Dương | 142 | 7.90 | Khá |
| 60 | 71400015 | NGUYỄN THỊ THU | VÂN | 14070002 | Nữ | 10/02/96 | Tiền Giang | 142 | 7.20 | Khá |
| 61 | 71400024 | NGUYỄN HOÀNG | YẾN | 14070002 | Nữ | 14/05/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 142 | 6.55 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nhà hàng khách sạn**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 71405195 | NGUYỄN THỊ THÙY | AN | 14070502 | Nữ | 27/08/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 145 | 7.13 | Khá |
| 2 | 71405348 | NGUYỄN HỒNG | ANH | 14070502 | Nữ | 30/04/96 | Quảng Ngãi | 146 | 6.76 | Trung bình khá |
| 3 | 71405240 | NGUYỄN THỊ LAN | ANH | 14070502 | Nữ | 13/10/96 | Bình Dương | 145 | 6.77 | Trung bình khá |
| 4 | 71405182 | TRẦN THỊ NGỌC | CHÂU | 14070502 | Nữ | 09/04/95 | Long An | 147 | 6.96 | Trung bình khá |
| 5 | 71405025 | NGUYỄN THỊ MỸ | DUYÊN | 14070502 | Nữ | 23/08/96 | Long An | 147 | 7.21 | Khá |
| 6 | 71405417 | NGUYỄN THỊ THÙY | DƯƠNG | 14070501 | Nữ | 04/12/96 | Tây Ninh | 145 | 7.30 | Khá |
| 7 | 71405383 | LA THÙY MỸ | ĐẠT | 14070502 | Nữ | 28/09/96 | Lâm Đồng | 145 | 8.13 | Giỏi |
| 8 | 71405324 | PHAN CHÂU | GIANG | 14070502 | Nữ | 02/08/96 | Đồng Nai | 145 | 6.98 | Trung bình khá |
| 9 | 71405420 | HỒ THỊ MINH | HÀ | 14070502 | Nữ | 07/08/96 | Nghệ An | 145 | 6.87 | Trung bình khá |
| 10 | 71405387 | HUỲNH BÍCH | HÀ | 14070501 | Nữ | 27/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 6.69 | Trung bình khá |
| 11 | 71405342 | NGUYỄN THỊ KIM | HÀ | 14070501 | Nữ | 20/06/96 | Đắk Lắk | 145 | 6.91 | Trung bình khá |
| 12 | 71405344 | TRƯƠNG THỊ THU | HÀ | 14070502 | Nữ | 22/07/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 145 | 7.34 | Khá |
| 13 | 71405086 | NGUYỄN THỊ MỸ | HẠNH | 14070502 | Nữ | 09/08/96 | Kiên Giang | 145 | 7.23 | Khá |
| 14 | 71405253 | ĐỖ THỊ KIM | HẰNG | 14070501 | Nữ | 28/12/96 | | 149 | 6.62 | Trung bình khá |
| 15 | 71405140 | PHẠM NGUYỆT | HẰNG | 14070501 | Nữ | 01/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 7.13 | Khá |
| 16 | 71405128 | NGUYỄN THỊ | HIẾU | 14070501 | Nữ | 01/08/96 | Bến Tre | 145 | 6.89 | Trung bình khá |
| 17 | 71405226 | NGÔ MINH | HOÀNG | 14070501 | Nam | 06/09/96 | Lâm Đồng | 145 | 6.80 | Trung bình khá |
| 18 | 71405035 | LÊ THỊ NGỌC | HƯƠNG | 14070501 | Nữ | 24/02/96 | Đồng Tháp | 146 | 7.17 | Khá |
| 19 | 71405034 | NGÔ QUỲNH | HƯƠNG | 14070502 | Nữ | 27/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 7.72 | Khá |
| 20 | 71405129 | HOÀNG VÂN | KHANH | 14070501 | Nữ | 24/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 6.56 | Trung bình khá |
| 21 | 71405287 | DƯƠNG THỊ THÚY | KIỀU | 14070501 | Nữ | 08/11/96 | Gia Lai | 145 | 6.74 | Trung bình khá |
| 22 | 71405283 | LẦU ĐỨC | KIM | 14070501 | Nam | 01/01/96 | Đồng Nai | 145 | 6.97 | Trung bình khá |
| 23 | 71405288 | ĐẶNG MỘC | LAN | 14070502 | Nữ | 23/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 6.92 | Trung bình khá |
| 24 | 71405297 | ĐỖ HOÀNG KHÁNH | LINH | 14070501 | Nữ | 18/04/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 7.19 | Khá |
| 25 | 71405055 | NGUYỄN THỊ MỸ | LINH | 14070502 | Nữ | 22/03/96 | TP. Hải Phòng | 149 | 7.40 | Khá |
| 26 | 71405406 | NGUYỄN TRÚC | LINH | 14070502 | Nữ | 09/02/96 | Tiền Giang | 145 | 6.93 | Trung bình khá |
| 27 | 71405423 | NGUYỄN THỊ THANH | LOAN | 14070502 | Nữ | 20/10/96 | Bình Thuận | 145 | 7.57 | Khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

**Ngành: Quản trị kinh doanh**

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nhà hàng khách sạn**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 28 | 71405356 | NGUYỄN THỊ | LỢI | 14070502 | Nữ | 12/08/96 | Quảng Ngãi | 145 | 7.27 | Khá |
| 29 | 71405225 | ĐÀO XUÂN | MAI | 14070502 | Nữ | 12/11/96 | Bến Tre | 145 | 7.15 | Khá |
| 30 | 71405291 | GIANG HUỲNH MINH | MẪN | 14070501 | Nam | 04/11/96 | Tiền Giang | 145 | 6.60 | Trung bình khá |
| 31 | 71405439 | NGUYỄN THỊ | MINH | 14070502 | Nữ | 05/10/96 | Nghệ An | 145 | 7.49 | Khá |
| 32 | 71405429 | UNG CHẤN | MINH | 14070502 | Nam | 20/01/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 7.28 | Khá |
| 33 | 71405354 | HÀ | MY | 14070502 | Nữ | 14/08/96 | Bình Phước | 145 | 7.31 | Khá |
| 34 | 71405175 | HOÀNG TRÀ | MY | 14070502 | Nữ | 12/05/96 | Bình Định | 145 | 6.85 | Trung bình khá |
| 35 | 71405442 | NGUYỄN THỊ BÍCH | MỸ | 14070502 | Nữ | 23/12/96 | Quảng Ngãi | 145 | 7.23 | Khá |
| 36 | 71405277 | ĐÀO THỊ KIM | NGÂN | 14070502 | Nữ | 17/05/96 | Bến Tre | 145 | 6.84 | Trung bình khá |
| 37 | 71405235 | HOÀNG THỊ | NGÂN | 14070502 | Nữ | 12/08/96 | Kiên Giang | 145 | 6.99 | Trung bình khá |
| 38 | 71405278 | NGUYỄN THỊ TUYẾT | NGÂN | 14070502 | Nữ | 31/03/96 | Tiền Giang | 145 | 7.24 | Khá |
| 39 | 71405395 | PHẠM NGUYỄN KIM | NGÂN | 14070502 | Nữ | 13/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 7.99 | Khá |
| 40 | 71405037 | VÕ TRIỀU | NGHI | 14070502 | Nữ | 09/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 6.67 | Trung bình khá |
| 41 | 71405352 | NGUYỄN THỊ MỸ | NGỌC | 14070502 | Nữ | 06/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 7.22 | Khá |
| 42 | 71405139 | HUỲNH QUỐC | NGUYÊN | 14070502 | Nam | 06/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 7.90 | Khá |
| 43 | 71405135 | LÊ THẢO | NGUYÊN | 14070502 | Nữ | 28/02/96 | Long An | 145 | 7.14 | Khá |
| 44 | 71405030 | ĐOÀN LÊ THANH | NHÀN | 14070502 | Nữ | 24/11/96 | Đồng Nai | 145 | 6.72 | Trung bình khá |
| 45 | 71405337 | HUỲNH THỊ THANH | NHÀN | 14070501 | Nữ | 16/10/96 | Ninh Thuận | 145 | 7.33 | Khá |
| 46 | 71405364 | LÊ VŨ HOÀNG | NHI | 14070502 | Nữ | 12/02/96 | Đắk Lắk | 145 | 7.11 | Khá |
| 47 | 71405366 | NGUYỄN HOÀNG THẢO | NHI | 14070502 | Nữ | 02/09/96 | Đắk Lắk | 145 | 7.11 | Khá |
| 48 | 71405401 | NGUYỄN THỊ NGỌC | NHỜ | 14070501 | Nữ | 11/05/96 | Tiền Giang | 145 | 7.23 | Khá |
| 49 | 71405438 | LƯƠNG NGỌC | NHUNG | 14070502 | Nữ | 27/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 7.42 | Khá |
| 50 | 71405437 | LƯU HỒNG | NHUNG | 14070502 | Nữ | 10/04/96 | Bắc Ninh | 145 | 7.34 | Khá |
| 51 | 71405313 | NGUYỄN SONG QUỲNH | NHƯ | 14070501 | Nữ | 01/11/96 | Đồng Tháp | 145 | 6.99 | Trung bình khá |
| 52 | 71405260 | LÊ NGUYỄN DIỄM | PHÚC | 14070501 | Nữ | 23/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 7.39 | Khá |
| 53 | 71405413 | BÙI MINH | QUANG | 14070502 | Nam | 03/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 7.72 | Khá |
| 54 | 71405119 | CAO SƠN | QUỐC | 14070501 | Nam | 27/05/96 | Kiên Giang | 145 | 7.14 | Khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

**Ngành: Quản trị kinh doanh**

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị nhà hàng khách sạn**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 55 | 71405047 | NGUYỄN THỊ THU | QUYÊN | 14070501 | Nữ | 18/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 7.07 | Khá |
| 56 | 71405062 | NGUYỄN THỊ THANH | TÂM | 14070502 | Nữ | 06/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 7.42 | Khá |
| 57 | 71405229 | LÊ PHÁT | THÀNH | 14070501 | Nam | 30/10/96 | Cà Mau | 145 | 7.17 | Khá |
| 58 | 71405044 | VÕ THỊ THẠCH | THẢO | 14070502 | Nữ | 03/07/95 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 145 | 7.40 | Khá |
| 59 | 71405028 | NGUYỄN TRẦN THANH | THIỆN | 14070502 | Nam | 28/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 146 | 7.28 | Khá |
| 60 | 71405331 | NGUYỄN ĐỨC | THỊNH | 14070502 | Nam | 23/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 148 | 6.60 | Trung bình khá |
| 61 | 71405441 | PHAN MINH | THÔNG | 14070502 | Nữ | 22/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 7.06 | Khá |
| 62 | 71405409 | TẠ HOÀI | THÔNG | 14070502 | Nam | 13/05/96 | Sóc Trăng | 145 | 6.59 | Trung bình khá |
| 63 | 71405272 | HUỲNH HỶ | THUẬN | 14070501 | Nam | 10/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 6.66 | Trung bình khá |
| 64 | 71405125 | MAI THỊ THANH | THỦY | 14070501 | Nữ | 27/10/96 | Bình Định | 145 | 7.18 | Khá |
| 65 | 71405273 | TRẦN THỊ THU | THỦY | 14070502 | Nữ | 05/09/96 | Thanh Hóa | 145 | 6.73 | Trung bình khá |
| 66 | 71405303 | ĐẶNG THỊ MINH | THƯ | 14070501 | Nữ | 12/06/96 | Lâm Đồng | 145 | 7.15 | Khá |
| 67 | 71405215 | CAO THỊ MỸ | TIÊN | 14070502 | Nữ | 23/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 6.93 | Trung bình khá |
| 68 | 71405222 | NGUYỄN THỊ HÀ | TIÊN | 14070502 | Nữ | 19/05/96 | Ninh Thuận | 146 | 6.71 | Trung bình khá |
| 69 | 71405221 | LÊ HỮU HOÀNG | TÍN | 14070502 | Nam | 04/06/96 | TP. Hồ Chí Minh | 146 | 6.49 | Trung bình khá |
| 70 | 71405357 | TĂNG NGỌC | TOÀN | 14070501 | Nam | 27/09/96 | Phú Yên | 145 | 7.26 | Khá |
| 71 | 71405268 | TRẦN THỊ HUYỀN | TRANG | 14070502 | Nữ | 11/11/96 | Đồng Nai | 145 | 7.33 | Khá |
| 72 | 71405113 | DƯƠNG NGỌC | TRÂM | 14070502 | Nữ | 02/12/96 | Bình Thuận | 145 | 6.90 | Trung bình khá |
| 73 | 71405112 | PHẠM THỤY THU | TRÂM | 14070502 | Nữ | 02/01/96 | Đồng Nai | 145 | 7.33 | Khá |
| 74 | 71405414 | CHÂU HUYỀN | TRÂN | 14070502 | Nữ | 13/03/95 | An Giang | 145 | 7.19 | Khá |
| 75 | 71405165 | NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG | TUYỀN | 14070501 | Nữ | 25/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 6.28 | Trung bình khá |
| 76 | 71405163 | TRẦN MINH | TUYỀN | 14070502 | Nữ | 08/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 6.72 | Trung bình khá |
| 77 | 71405102 | LÊ THỊ TÚ | VY | 14070502 | Nữ | 06/06/96 | Quảng Trị | 145 | 7.38 | Khá |
| 78 | 71405012 | NGUYỄN KHÁNH | VY | 14070502 | Nữ | 21/09/95 | Kiên Giang | 145 | 7.82 | Khá |
| 79 | 71405419 | VƯƠNG NGUYỄN UYÊN | VY | 14070502 | Nữ | 17/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 7.64 | Khá |
| 80 | 71405013 | ĐẶNG THỊ KIM | YẾN | 14070501 | Nữ | 03/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 145 | 6.98 | Trung bình khá |
| 81 | 71405334 | PHÙ KIM | YẾN | 14070502 | Nữ | 09/07/96 | Kiên Giang | 148 | 6.99 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị kinh doanh quốc tế**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 71406020 | LÊ QUỐC | AN | 14070602 | Nam | 11/06/96 | Bến Tre | 142 | 7.18 | Khá |
| 2 | 71406026 | LÊ NGUYỄN THỊ KIM | ÁNH | 14070601 | Nữ | 19/04/96 | Khánh Hòa | 142 | 7.20 | Khá |
| 3 | 71406198 | PHẠM QUỲNH | CHI | 14070602 | Nữ | 25/02/96 | Lâm Đồng | 142 | 7.37 | Khá |
| 4 | 71406098 | NGUYỄN THỊ KIM | CƯƠNG | 14070601 | Nữ | 08/12/96 | Đồng Nai | 142 | 7.76 | Khá |
| 5 | 71406077 | NGUYỄN THÀNH | DANH | 14070602 | Nam | 06/01/96 | An Giang | 142 | 6.42 | Trung bình khá |
| 6 | 71406247 | CHU THỊ HỒNG | DUYÊN | 14070601 | Nữ | 24/08/96 | TP. Hà Nội | 142 | 8.27 | Giỏi |
| 7 | 71406244 | VŨ THỊ MỸ | DUYÊN | 14070602 | Nữ | 24/05/96 | Đồng Nai | 142 | 7.05 | Khá |
| 8 | 71406346 | NGUYỄN BẢO | GIANG | 14070602 | Nam | 06/09/96 | TP. Cần Thơ | 142 | 7.03 | Khá |
| 9 | 71406226 | NGÔ QUANG | HẢI | 14070602 | Nam | 02/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.64 | Trung bình khá |
| 10 | 71406268 | PHẠM LÝ GIA | HÂN | 14070602 | Nữ | 06/12/96 | Tiền Giang | 142 | 6.94 | Trung bình khá |
| 11 | 71406356 | NGUYỄN ĐỨC | HUY | 14070602 | Nam | 22/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.67 | Trung bình khá |
| 12 | 71406367 | NGUYỄN THANH | HUY | 14070601 | Nam | 03/05/96 | Bình Phước | 142 | 7.02 | Khá |
| 13 | 71406057 | NGUYỄN ĐỨC AN | KHANG | 14070601 | Nam | 28/04/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.11 | Khá |
| 14 | 71406235 | VÕ TRẦN THÚY | KHANG | 14070601 | Nữ | 19/11/96 | Vĩnh Long | 142 | 7.19 | Khá |
| 15 | 71406297 | TRẦN THỊ NGỌC | LÀI | 14070602 | Nữ | 09/09/96 | Long An | 142 | 7.29 | Khá |
| 16 | 71406179 | LIÊN THỊ TUYẾT | LAN | 14070602 | Nữ | 11/09/96 | Sóc Trăng | 142 | 7.05 | Khá |
| 17 | 71406044 | TRẦN TRƯƠNG NHẬT | LỆ | 14070601 | Nữ | 23/10/96 | Khánh Hòa | 142 | 7.59 | Khá |
| 18 | 71406064 | HUỲNH THÙY | LINH | 14070602 | Nữ | 03/11/95 | Đồng Nai | 142 | 7.80 | Khá |
| 19 | 71406141 | NGUYỄN LÊ TUẤN | LINH | 14070602 | Nam | 24/06/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.88 | Trung bình khá |
| 20 | 71406006 | NGUYỄN THẢO | LINH | 14070602 | Nữ | 19/07/96 | Bình Định | 142 | 7.22 | Khá |
| 21 | 71406053 | PHAN ÁI | LINH | 14070601 | Nữ | 04/12/96 | Bến Tre | 142 | 7.04 | Khá |
| 22 | 71406052 | PHAN MỸ | LINH | 14070601 | Nữ | 04/12/96 | Bến Tre | 142 | 7.32 | Khá |
| 23 | 71406233 | PHÙNG PHƯƠNG | LINH | 14070601 | Nữ | 05/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.59 | Khá |
| 24 | 71406325 | TỐNG NGỌC KHÁNH | LINH | 14070602 | Nữ | 03/01/96 | Đồng Tháp | 142 | 7.74 | Khá |
| 25 | 71406306 | NGUYỄN TẤN | LỘC | 14070602 | Nam | 14/06/96 | Vĩnh Long | 142 | 7.57 | Khá |
| 26 | 71406224 | TRƯƠNG CHI | MAI | 14070602 | Nữ | 04/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.66 | Trung bình khá |
| 27 | 71406281 | CAO TIỂU | MY | 14070601 | Nữ | 10/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.11 | Khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị kinh doanh quốc tế**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 28 | 71406279 | LÂM HUỲNH | MY | 14070602 | Nữ | 23/03/96 | Quảng Nam | 142 | 7.04 | Khá |
| 29 | 71406312 | VÕ THỊ KIM | NGÂN | 14070602 | Nữ | 14/03/96 | Sông Bé | 142 | 7.62 | Khá |
| 30 | 71406017 | LỢI ĐÌNH | NGHI | 14070602 | Nữ | 12/09/95 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.21 | Khá |
| 31 | 71406207 | LÝ VĨNH | NGHI | 14070601 | Nữ | 15/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.16 | Khá |
| 32 | 71406132 | PHẠM THÁI TRUNG | NGHĨA | 14070602 | Nam | 08/07/94 | Bình Dương | 142 | 6.86 | Trung bình khá |
| 33 | 71406083 | VĂN QUAN BẢO | NGỌC | 14070601 | Nữ | 23/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.21 | Khá |
| 34 | 71406265 | VÕ THỊ NHƯ | NGUYỆT | 14070602 | Nữ | 02/08/96 | Tiền Giang | 142 | 7.44 | Khá |
| 35 | 71406015 | NGUYỄN THANH | NHÂN | 14070601 | Nam | 15/02/96 | Tiền Giang | 142 | 7.86 | Khá |
| 36 | 71406129 | DƯƠNG TÚ | NHI | 14070602 | Nữ | 20/01/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.04 | Khá |
| 37 | 71406259 | TRƯƠNG TUYẾT | NHI | 14070602 | Nữ | 24/07/96 | Đồng Nai | 142 | 6.73 | Trung bình khá |
| 38 | 71406250 | NGUYỄN THỊ CẨM | NHUNG | 14070601 | Nữ | 20/02/96 | Bến Tre | 142 | 7.58 | Khá |
| 39 | 71406249 | TẠ THỊ HỒNG | NHUNG | 14070602 | Nữ | 14/05/96 | Lâm Đồng | 142 | 6.92 | Trung bình khá |
| 40 | 71406322 | PHẠM HOÀNG QUỲNH | NHƯ | 14070602 | Nữ | 26/12/96 | Phú Yên | 142 | 7.45 | Khá |
| 41 | 71406193 | LÊ NGUYỄN NGỌC | OANH | 14070601 | Nữ | 21/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.20 | Khá |
| 42 | 71406192 | LƯU TRẦN THỤC | OANH | 14070602 | Nữ | 31/05/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 143 | 7.36 | Khá |
| 43 | 71406219 | ĐƯỜNG VĨ | PHONG | 14070602 | Nam | 23/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.70 | Trung bình khá |
| 44 | 71406093 | MÃ CẨM | PHÚC | 14070602 | Nam | 09/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.13 | Khá |
| 45 | 71406138 | PHẠM THANH | PHƯƠNG | 14070601 | Nữ | 17/09/96 | Lâm Đồng | 142 | 7.60 | Khá |
| 46 | 71406334 | TRẦN LAI | PHƯƠNG | 14070602 | Nữ | 28/12/96 | An Giang | 142 | 7.77 | Khá |
| 47 | 71406348 | TRƯƠNG NGỌC THẢO | QUỲNH | 14070602 | Nữ | 19/04/96 | Ninh Thuận | 142 | 7.58 | Khá |
| 48 | 71406167 | LÊ THANH | SANG | 14070602 | Nam | 19/06/96 | Bến Tre | 142 | 7.17 | Khá |
| 49 | 71406116 | PHẠM THÁI | SANG | 14070602 | Nam | 13/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.07 | Khá |
| 50 | 71406328 | VÒNG ĐẠT | SINH | 14070602 | Nam | 07/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 143 | 7.01 | Khá |
| 51 | 71406060 | HUỲNH CHÍ | TÂM | 14070602 | Nam | 10/03/96 | Tiền Giang | 142 | 7.48 | Khá |
| 52 | 71406062 | VŨ THỊ THANH | TÂM | 14070601 | Nữ | 03/02/96 | Đồng Nai | 142 | 7.10 | Khá |
| 53 | 71406199 | TRẦN MINH | TÂN | 14070602 | Nam | 24/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.24 | Khá |
| 54 | 71406201 | HOÀNG VY HÀ | THANH | 14070602 | Nữ | 23/03/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 142 | 6.30 | Trung bình khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị kinh doanh quốc tế**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 55 | 71406184 | NGUYỄN THỊ HÀ | THANH | 14070602 | Nữ | 29/12/96 | Kiên Giang | 142 | 7.30 | Khá |
| 56 | 71406354 | NGUYỄN PHƯƠNG NGUYÊN | THẢO | 14070602 | Nữ | 22/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.20 | Khá |
| 57 | 71406370 | NGUYỄN THỊ | THẢO | 14070602 | Nữ | 22/12/96 | Hà Tây | 142 | 6.99 | Trung bình khá |
| 58 | 71406047 | BÙI VIỆT | THƯ | 14070602 | Nữ | 19/05/96 | Phú Yên | 142 | 6.84 | Trung bình khá |
| 59 | 71406214 | NGUYỄN NGỌC THU | TRANG | 14070602 | Nữ | 15/08/96 | Tiền Giang | 142 | 7.32 | Khá |
| 60 | 71406102 | THẠCH THÚY KIỀU | TRANG | 14070601 | Nữ | 02/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.42 | Khá |
| 61 | 71406009 | HUỲNH BÍCH | TRÂM | 14070601 | Nữ | 01/01/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.12 | Khá |
| 62 | 71406158 | NGUYỄN NGỌC BẢO | TRÂM | 14070601 | Nữ | 07/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.65 | Trung bình khá |
| 63 | 71406364 | NGUYỄN THỊ QUỲNH | TRÂM | 14070601 | Nữ | 26/06/96 | Kon Tum | 142 | 6.75 | Trung bình khá |
| 64 | 71406018 | TRẦN BÍCH | TRÂM | 14070601 | Nữ | 12/04/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.40 | Trung bình khá |
| 65 | 71406120 | ĐỖ TUYẾT | TRINH | 14070601 | Nữ | 19/07/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 142 | 6.96 | Trung bình khá |
| 66 | 71406252 | NGUYỄN TRƯƠNG | TRUNG | 14070601 | Nam | 29/01/96 | Bến Tre | 142 | 7.53 | Khá |
| 67 | 71406027 | DƯƠNG HUỲNH | TUYỀN | 14070602 | Nữ | 20/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.47 | Khá |
| 68 | 71406183 | DOÃN THỊ TỐ | UYÊN | 14070602 | Nữ | 01/12/96 | Đắk Lắk | 142 | 7.68 | Khá |
| 69 | 71406145 | TRẦN THỊ THU | UYÊN | 14070602 | Nữ | 22/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.59 | Trung bình khá |
| 70 | 71406162 | LA KIẾN | VĂN | 14070602 | Nam | 06/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.05 | Khá |
| 71 | 71406324 | LÊ THỊ YẾN | VI | 14070601 | Nữ | 13/04/96 | Đồng Tháp | 142 | 8.00 | Giỏi |
| 72 | 71406063 | NGUYỄN HÀ | VY | 14070602 | Nữ | 01/01/96 | Nghệ An | 142 | 7.37 | Khá |
| 73 | 71406112 | NGUYỄN HOÀNG KHÁNH | VY | 14070602 | Nữ | 14/01/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.54 | Khá |
| 74 | 71406110 | TRƯƠNG NGỌC KHÁNH | VY | 14070601 | Nữ | 03/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.95 | Trung bình khá |
| 75 | 71406149 | NGUYỄN THỊ KIM | YẾN | 14070601 | Nữ | 21/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.57 | Trung bình khá |
| 76 | 71406148 | PHAN THỊ CHÂU HẢI | YẾN | 14070602 | Nữ | 23/11/96 | Bình Thuận | 142 | 7.50 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quan hệ lao động

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | A1400001 | ĐẶNG THỊ HOÀNG | ANH | 140A0001 | Nữ | 19/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 6.76 | Trung bình khá |
| 2 | A1400021 | NGUYỄN LÊ PHƯƠNG | ANH | 140A0002 | Nữ | 10/10/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 153 | 6.71 | Trung bình khá |
| 3 | A1400131 | NGUYỄN THỊ VÂN | ANH | 140A0002 | Nữ | 06/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 6.49 | Trung bình khá |
| 4 | A1400189 | DƯƠNG CHÍ | CƯỜNG | 140A0002 | Nam | 14/02/96 | Sóc Trăng | 153 | 6.78 | Trung bình khá |
| 5 | A1400191 | NGUYỄN BÙI THỤC | HÀ | 140A0001 | Nữ | 12/09/95 | Quảng Ngãi | 153 | 6.67 | Trung bình khá |
| 6 | A1400091 | LÊ MINH | HIẾU | 140A0001 | Nữ | 01/10/96 | Quảng Ngãi | 153 | 7.42 | Khá |
| 7 | A1400100 | NGUYỄN ĐẶNG MINH | KHOA | 140A0001 | Nam | 30/05/94 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.22 | Khá |
| 8 | A1400070 | NGUYỄN HOÀNG THIÊN | KIM | 140A0001 | Nữ | 03/12/96 | Đồng Nai | 153 | 6.88 | Trung bình khá |
| 9 | A1400066 | TRƯƠNG KHÁNH | LÂM | 140A0002 | Nam | 26/06/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.55 | Khá |
| 10 | A1400053 | NGUYỄN THỊ UYÊN | LINH | 140A0002 | Nữ | 13/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.30 | Khá |
| 11 | A1400205 | LÝ THỊ KIM | NGÂN | 140A0002 | Nữ | 25/08/96 | Quảng Ngãi | 152 | 6.72 | Trung bình khá |
| 12 | A1400017 | TRẦN THỊ HOÀI | NHƯ | 140A0001 | Nữ | 18/02/96 | Quảng Ngãi | 153 | 6.72 | Trung bình khá |
| 13 | A1400048 | NGUYỄN NGỌC TIỂU | PHỤNG | 140A0002 | Nữ | 15/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 154 | 7.03 | Khá |
| 14 | A1400124 | HUỲNH NGỌC BẢO | QUYÊN | 140A0002 | Nữ | 30/05/96 | Đồng Nai | 153 | 7.25 | Khá |
| 15 | A1400028 | NGUYỄN THỊ TRÚC | QUYÊN | 140A0002 | Nữ | 02/12/96 | Vĩnh Long | 153 | 7.98 | Khá |
| 16 | A1400152 | QUÁCH LÊ TUYẾT | THANH | 140A0001 | Nữ | 25/01/96 | TP. Hồ Chí Minh | 152 | 7.30 | Khá |
| 17 | A1400162 | NGUYỄN THỊ DẠ | THẢO | 140A0002 | Nữ | 18/05/96 | An Giang | 153 | 6.88 | Trung bình khá |
| 18 | A1400043 | TRẦN THỊ PHƯƠNG | THẢO | 140A0001 | Nữ | 26/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 6.74 | Trung bình khá |
| 19 | A1400058 | NGUYỄN THỊ KIM | THOA | 140A0002 | Nữ | 07/11/95 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.02 | Khá |
| 20 | A1400208 | NGUYỄN THỊ NGỌC | THỦY | 140A0002 | Nữ | 31/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 152 | 7.12 | Khá |
| 21 | A1400062 | NGUYỄN NGỌC | THY | 140A0001 | Nữ | 20/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 152 | 6.81 | Trung bình khá |
| 22 | A1400184 | TRẦN NỮ HOÀI | THY | 140A0001 | Nữ | 02/04/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 154 | 6.82 | Trung bình khá |
| 23 | A1400101 | ĐẶNG THỊ KIỀU | TRANG | 140A0001 | Nữ | 05/12/96 | Long An | 153 | 6.85 | Trung bình khá |
| 24 | A1400049 | TRƯƠNG THỊ THÙY | TRANG | 140A0001 | Nữ | 21/01/96 | Long An | 152 | 7.14 | Khá |
| 25 | A1400080 | TRẦN THỊ KIM | TUYỀN | 140A0001 | Nữ | 15/10/96 | Bình Phước | 153 | 6.76 | Trung bình khá |
| 26 | A1400202 | PHẠM NGỌC | TUYẾT | 140A0002 | Nữ | 29/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 6.41 | Trung bình khá |
| 27 | A1400103 | LÊ THỊ TÚ | UYÊN | 140A0002 | Nữ | 20/03/96 | Đồng Tháp | 153 | 7.49 | Khá |
| 28 | A1400075 | NGUYỄN LÊ THANH | VY | 140A0002 | Nữ | 15/01/96 | TP. Hồ Chí Minh | 152 | 7.19 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Tài chính - Ngân hàng

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | B1400132 | GIANG HỨA VIỆT | AN | 140B0103 | Nữ | 16/03/96 | Kiên Giang | 142 | 7.04 | Khá |
| 2 | B1400450 | BÙI CAO QUỐC | ANH | 140B0103 | Nam | 15/05/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 141 | 7.63 | Khá |
| 3 | B1400133 | LÊ THỊ THÙY | ANH | 140B0101 | Nữ | 12/06/96 | Kiên Giang | 141 | 7.42 | Khá |
| 4 | B1400473 | NGUYỄN VÂN | ANH | 140B0101 | Nữ | 30/11/96 | Kiên Giang | 141 | 6.92 | Trung bình khá |
| 5 | B1400627 | NGUYỄN VI QUỲNH | ANH | 140B0101 | Nữ | 04/05/96 | Quảng Ngãi | 141 | 7.03 | Khá |
| 6 | B1400442 | PHẠM NGUYỄN TRÂM | ANH | 140B0101 | Nữ | 30/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.17 | Khá |
| 7 | B1400492 | PHẠM THỊ LAN | ANH | 140B0101 | Nữ | 03/10/96 | NAM Hà | 141 | 6.87 | Trung bình khá |
| 8 | B1400595 | TRẦN THỊ QUỲNH | ANH | 140B0102 | Nữ | 07/02/96 | Nghệ An | 141 | 6.65 | Trung bình khá |
| 9 | B1400321 | NGUYỄN THỊ NGỌC | ÁNH | 140B0102 | Nữ | 20/06/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 141 | 6.93 | Trung bình khá |
| 10 | B1400679 | NGUYỄN KHOA | BẢO | 140B0101 | Nam | 28/01/96 | Quảng Ngãi | 141 | 7.07 | Khá |
| 11 | B1400151 | LÊ PHẠM LINH | CHI | 140B0102 | Nữ | 03/10/96 | Bình Định | 141 | 6.96 | Trung bình khá |
| 12 | B1400254 | LƯƠNG THẠCH | CHIÊU | 140B0101 | Nam | 13/09/96 | Trà Vinh | 141 | 7.59 | Khá |
| 13 | B1400388 | HOÀNG PHƯƠNG | DUNG | 140B0103 | Nữ | 22/07/96 | Ninh Thuận | 141 | 7.43 | Khá |
| 14 | B1400117 | LƯU THANH | DUY | 140B0102 | Nam | 22/02/95 | Bình Phước | 141 | 6.48 | Trung bình khá |
| 15 | B1400570 | CAO MỸ | DUYÊN | 140B0103 | Nữ | 12/01/96 | Phú Yên | 141 | 6.75 | Trung bình khá |
| 16 | B1400268 | NGUYỄN TIẾN | ĐẠT | 140B0102 | Nam | 14/04/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 7.08 | Khá |
| 17 | B1400671 | PHẠM THÀNH | ĐẠT | 140B0102 | Nam | 20/02/95 | TP. Hà Nội | 140 | 6.92 | Trung bình khá |
| 18 | B1400198 | BÙI MINH | ĐỨC | 140B0101 | Nam | 26/08/96 | Nghệ An | 141 | 6.95 | Trung bình khá |
| 19 | B1400319 | VÒNG MỸ | HÀ | 140B0102 | Nữ | 02/07/96 | Đồng Nai | 141 | 7.29 | Khá |
| 20 | B1400197 | LẠI TRƯỜNG | HẢI | 140B0101 | Nam | 18/07/95 | Lâm Đồng | 141 | 7.03 | Khá |
| 21 | B1400065 | BÙI QUANG | HIẾU | 140B0101 | Nam | 03/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 6.85 | Trung bình khá |
| 22 | B1400357 | NGUYỄN HUY | HOÀNG | 140B0103 | Nam | 15/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.55 | Trung bình khá |
| 23 | B1400341 | NGUYỄN VŨ | HOÀNG | 140B0103 | Nam | 19/10/95 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 6.76 | Trung bình khá |
| 24 | B1400402 | ĐẶNG HỒNG | HUỆ | 140B0103 | Nữ | 21/09/96 | Long An | 141 | 6.84 | Trung bình khá |
| 25 | B1400175 | NGUYỄN HOÀNG | HUY | 140B0101 | Nam | 28/03/96 | Vĩnh Long | 142 | 6.19 | Trung bình khá |
| 26 | B1400635 | NGUYỄN THỊ THÚY | HUỲNH | 140B0103 | Nữ | 14/02/96 | Đồng Tháp | 141 | 7.25 | Khá |
| 27 | B1400061 | NGUYỄN HOÀNG MAI | KHANH | 140B0101 | Nữ | 20/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 6.52 | Trung bình khá |
| 28 | B1400062 | NGUYỄN HOÀNG PHI | KHANH | 140B0101 | Nữ | 05/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 7.19 | Khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Tài chính - Ngân hàng

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 29 | B1400015 | ĐỖ MINH | KHÔI | 140B0103 | Nam | 26/12/96 | Long An | 141 | 6.62 | Trung bình khá |
| 30 | B1400164 | HÀ THỊ NGỌC | LAN | 140B0103 | Nữ | 02/07/96 | Lâm Đồng | 141 | 7.41 | Khá |
| 31 | B1400340 | NGUYỄN LÊ ÁNH | LINH | 140B0103 | Nữ | 29/06/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 7.65 | Khá |
| 32 | B1400196 | TỪ THÚY | LINH | 140B0102 | Nữ | 21/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 7.23 | Khá |
| 33 | B1400123 | HỒNG XUÂN | MAI | 140B0103 | Nữ | 09/04/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 7.54 | Khá |
| 34 | B1400124 | LÂM ĐỨC | MẠNH | 140B0103 | Nam | 14/04/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 7.36 | Khá |
| 35 | B1400099 | TRẦN THỊ NGỌC | MINH | 140B0102 | Nữ | 15/06/96 | An Giang | 141 | 6.64 | Trung bình khá |
| 36 | B1400347 | ĐÀO THANH | MY | 140B0102 | Nữ | 08/12/96 | Kiên Giang | 142 | 7.14 | Khá |
| 37 | B1400379 | PHẠM THÁI | MỸ | 140B0102 | Nữ | 23/11/96 | Tiền Giang | 141 | 7.06 | Khá |
| 38 | B1400017 | HUỲNH NGỌC BẢO | NGÂN | 140B0102 | Nữ | 21/03/96 | Tiền Giang | 141 | 6.83 | Trung bình khá |
| 39 | B1400022 | PHẠM MINH | NGHĨA | 140B0102 | Nam | 20/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 7.34 | Khá |
| 40 | B1400618 | TRẦN KHÁNH | NGỌC | 140B0101 | Nữ | 22/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 6.85 | Trung bình khá |
| 41 | B1400469 | LƯU HẢI | NGUYÊN | 140B0102 | Nữ | 17/10/96 | Gia Lai | 141 | 6.55 | Trung bình khá |
| 42 | B1400490 | ĐẶNG THỊ THẢO | NHI | 140B0103 | Nữ | 14/01/96 | Gia Lai | 141 | 6.52 | Trung bình khá |
| 43 | B1400414 | LÊ HOÀNG THẢO | NHI | 140B0101 | Nữ | 08/02/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 141 | 7.11 | Khá |
| 44 | B1400330 | PHẠM NGUYỄN QUỲNH | NHI | 140B0103 | Nữ | 11/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 7.25 | Khá |
| 45 | B1400544 | NGUYỄN NGỌC QUỲNH | NHƯ | 140B0102 | Nữ | 13/10/96 | Quảng Ngãi | 141 | 6.17 | Trung bình khá |
| 46 | B1400026 | LÊ HUỲNH | PHÁT | 140B0101 | Nam | 04/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 7.51 | Khá |
| 47 | B1400165 | LÊ MINH | PHÚC | 140B0102 | Nam | 15/01/96 | Bình Thuận | 141 | 6.81 | Trung bình khá |
| 48 | B1400284 | TRẦN GIANG | PHỤNG | 140B0103 | Nữ | 20/07/96 | Bạc Liêu | 141 | 7.64 | Khá |
| 49 | B1400665 | ĐẬU HOÀI LAM | PHƯƠNG | 140B0101 | Nữ | 24/10/96 | Đắk Lắk | 141 | 7.49 | Khá |
| 50 | B1400693 | NGUYỄN PHAN THẢO | PHƯƠNG | 140B0103 | Nữ | 19/10/96 | Trà Vinh | 141 | 7.19 | Khá |
| 51 | B1400075 | VÕ THỊ QUỲNH | PHƯƠNG | 140B0103 | Nữ | 12/04/96 | Long An | 141 | 7.39 | Khá |
| 52 | B1400415 | PHẠM THỊ NHƯ | PHƯỢNG | 140B0103 | Nữ | 01/08/96 | Đắk Lắk | 141 | 7.49 | Khá |
| 53 | B1400536 | NGUYỄN NGỌC BẢO | QUYÊN | 140B0103 | Nữ | 24/07/96 | An Giang | 141 | 7.39 | Khá |
| 54 | B1400286 | BÙI LÊ THANH | QUỲNH | 140B0103 | Nữ | 26/09/96 | Quảng Ngãi | 141 | 7.04 | Khá |
| 55 | B1400348 | NGUYỄN NGỌC DIỄM | QUỲNH | 140B0102 | Nữ | 26/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 6.97 | Trung bình khá |
| 56 | 71400228 | PHẠM THỊ PHƯƠNG | QUỲNH | 140B0101 | Nữ | 13/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 6.77 | Trung bình khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Tài chính - Ngân hàng

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 57 | B1400264 | NGUYỄN THỊ THU | THẢO | 140B0102 | Nữ | 19/07/96 | Bình Định | 141 | 6.62 | Trung bình khá |
| 58 | B1400283 | TRƯƠNG QUỐC | THẮNG | 140B0102 | Nam | 29/11/96 | Bến Tre | 141 | 7.11 | Khá |
| 59 | B1400280 | NGUYỄN THỊ THANH | THI | 140B0103 | Nữ | 24/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 7.43 | Khá |
| 60 | B1400587 | NGUYỄN THỊ | THỦY | 140B0103 | Nữ | 01/01/96 | Gia Lai | 141 | 8.22 | Giỏi |
| 61 | B1400058 | NGUYỄN THỊ THANH | THÚY | 140B0101 | Nữ | 19/01/95 | Tiền Giang | 141 | 7.81 | Khá |
| 62 | B1400508 | LÊ THỊ ANH | THƯ | 140B0102 | Nữ | 27/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 6.66 | Trung bình khá |
| 63 | B1400207 | NGUYỄN HOÀNG CHIÊU | THƯ | 140B0102 | Nữ | 10/11/96 | An Giang | 141 | 7.21 | Khá |
| 64 | B1400271 | LÂM THỊ MINH | TRANG | 140B0103 | Nữ | 10/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 6.57 | Trung bình khá |
| 65 | B1400112 | LÊ KIỀU | TRANG | 140B0103 | Nữ | 21/07/96 | An Giang | 142 | 6.64 | Trung bình khá |
| 66 | B1400114 | NGUYỄN THỊ THANH | TRANG | 140B0101 | Nữ | 19/01/95 | Tiền Giang | 141 | 7.57 | Khá |
| 67 | B1400261 | NGUYỄN THỊ THÙY | TRANG | 140B0101 | Nữ | 28/09/96 | Tiền Giang | 141 | 7.40 | Khá |
| 68 | B1400100 | CAO TRẦN MINH | UYÊN | 140B0103 | Nữ | 04/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 6.89 | Trung bình khá |
| 69 | B1400517 | NGUYỄN THỊ MAI | UYÊN | 140B0101 | Nữ | 02/02/96 | Đắk Lắk | 141 | 7.54 | Khá |
| 70 | B1400513 | PHAN THỊ TỐ | UYÊN | 140B0102 | Nữ | 08/03/96 | Quảng Nam | 141 | 6.94 | Trung bình khá |
| 71 | B1400009 | LÊ THỊ THÙY | VÂN | 140B0102 | Nữ | 04/10/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 141 | 6.85 | Trung bình khá |
| 72 | B1400385 | ĐẶNG TRẦN THẢO | VY | 140B0103 | Nữ | 05/04/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 7.28 | Khá |
| 73 | B1400310 | ĐỖ HUỲNH THANH | VY | 140B0103 | Nữ | 14/06/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 6.94 | Trung bình khá |
| 74 | B1400545 | NGUYỄN NHẬT | VY | 140B0101 | Nữ | 11/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 141 | 7.13 | Khá |
| 75 | B1400561 | ĐOÀN THỊ KIM | YẾN | 140B0101 | Nữ | 16/11/96 | Tiền Giang | 141 | 8.38 | Giỏi |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Thống kê

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | C1403020 | NGÔ THỊ HỒNG | GẤM | 140C0301 | Nữ | 23/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 129 | 7.61 | Khá |
| 2 | C1403051 | PHẠM HỒNG | NHÂN | 140C0301 | Nam | 07/10/96 | Long An | 129 | 7.82 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Luật

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 71400876 | DƯƠNG QUẾ | ANH | 140E0101 | Nữ | 18/03/96 | Bến Tre | 140 | 7.09 | Khá |
| 2 | 71400987 | NGUYỄN VÂN | ANH | 140E0103 | Nữ | 26/09/96 | Hậu Giang | 142 | 7.22 | Khá |
| 3 | 71401014 | PHẠM THỊ DIỆU | ANH | 140E0101 | Nữ | 08/07/95 | Khánh Hòa | 140 | 7.27 | Khá |
| 4 | 71400799 | PHAN ĐOÀN KIM | ANH | 140E0103 | Nữ | 22/03/96 | Tiền Giang | 140 | 7.30 | Khá |
| 5 | 71400474 | CHÂU QUỐC | BẢO | 140E0102 | Nam | 24/01/96 | Bến Tre | 142 | 7.15 | Khá |
| 6 | 71400652 | NGUYỄN PHẠM HUỲNH | DAO | 140E0103 | Nữ | 12/10/96 | Đồng Tháp | 146 | 7.69 | Khá |
| 7 | 71401048 | NGUYỄN THỊ THÙY | DUNG | 140E0103 | Nữ | 10/10/95 | Đắk Lắk | 140 | 7.27 | Khá |
| 8 | 71400424 | BÙI THỊ MỸ | DUYÊN | 140E0102 | Nữ | 16/10/96 | Tây Ninh | 142 | 6.92 | Trung bình khá |
| 9 | 71400545 | ĐẶNG DƯƠNG HẠ | DUYÊN | 140E0101 | Nữ | 14/08/95 | Phú Yên | 142 | 7.12 | Khá |
| 10 | 71400860 | NGUYỄN HOÀNG MỸ | DUYÊN | 140E0104 | Nữ | 26/11/96 | Đắk Lắk | 140 | 7.24 | Khá |
| 11 | 71400851 | LỮ CHÂU | ĐOAN | 140E0101 | Nữ | 10/10/96 | Bạc Liêu | 140 | 7.61 | Khá |
| 12 | 71400878 | ĐOÀN THỊ DIỄM | HẰNG | 140E0103 | Nữ | 21/08/95 | Bến Tre | 142 | 7.60 | Khá |
| 13 | 71401110 | NGUYỄN THỊ DIỄM | HẰNG | 140E0102 | Nữ | 17/07/96 | Đắk Lắk | 140 | 6.63 | Trung bình khá |
| 14 | 71400641 | HUỲNH TẤN CÔNG | HẬU | 140E0103 | Nam | 30/09/96 | Bình Định | 142 | 7.09 | Khá |
| 15 | 71400379 | HUỲNH MINH | HƯƠNG | 140E0103 | Nam | 27/04/96 | Tiền Giang | 142 | 6.56 | Trung bình khá |
| 16 | 71400634 | HOÀNG MỸ | LINH | 140E0101 | Nữ | 06/11/95 | Đắk Lắk | 144 | 6.70 | Trung bình khá |
| 17 | 71401074 | VÕ THỊ DIỆU | LINH | 140E0101 | Nữ | 10/08/95 | Gia Lai | 140 | 7.26 | Khá |
| 18 | 71400529 | TRẦN CẨM | LOAN | 140E0101 | Nữ | 10/09/95 | Tiền Giang | 140 | 7.27 | Khá |
| 19 | 71400728 | VÕ THỊ TRÚC | LY | 140E0103 | Nữ | 20/07/96 | Đồng Tháp | 142 | 7.60 | Khá |
| 20 | 71401078 | LÊ THỊ THANH | NGA | 140E0102 | Nữ | 04/10/95 | Đồng Nai | 140 | 7.48 | Khá |
| 21 | 71400405 | PHẠM THỊ HỒNG | NGỌC | 140E0102 | Nữ | 22/01/96 | Đồng Tháp | 144 | 7.95 | Khá |
| 22 | 71401044 | ĐỖ PHƯƠNG | NGUYÊN | 140E0104 | Nữ | 16/09/96 | Gia Lai | 142 | 7.22 | Khá |
| 23 | 71400718 | NGUYỄN THỊ | NHUNG | 140E0102 | Nữ | 05/05/96 | Bình Định | 144 | 7.08 | Khá |
| 24 | 71401126 | DƯƠNG THỊ | NHƯ | 140E0101 | Nữ | 03/02/94 | Hưng Yên | 142 | 7.52 | Khá |
| 25 | 71400633 | PHẠM VÕ ÁI | NHƯ | 140E0104 | Nữ | 25/11/96 | Kiên Giang | 142 | 7.19 | Khá |
| 26 | 71400945 | NGUYỄN THỊ | QUỲNH | 140E0104 | Nữ | 10/08/94 | Kon Tum | 140 | 6.93 | Trung bình khá |
| 27 | 71400246 | NGUYỄN THỊ THANH | TÂM | 140E0104 | Nữ | 13/08/96 | Tây Ninh | 142 | 7.04 | Khá |
| 28 | 71400628 | NGUYỄN THỊ HỒNG | THƠ | 140E0104 | Nữ | 17/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 7.25 | Khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

**Ngành: Luật**

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 29 | 71401052 | NGUYỄN THỊ THU | THỦY | 140E0102 | Nữ | 12/05/96 | Gia Lai | 140 | 6.54 | Trung bình khá |
| 30 | 71400650 | DƯƠNG THỊ ANH | THƯ | 140E0101 | Nữ | 05/04/96 | Bình Thuận | 140 | 6.99 | Trung bình khá |
| 31 | 71400736 | LÊ TRƯƠNG ANH | THƯ | 140E0104 | Nữ | 01/03/96 | Quảng Ngãi | 140 | 7.11 | Khá |
| 32 | 71400575 | CAO THỊ | THƯƠNG | 140E0101 | Nữ | 15/07/96 | Bắc Giang | 144 | 7.82 | Khá |
| 33 | 71400704 | TRẦN THỊ THỦY | TIÊN | 140E0104 | Nữ | 15/04/95 | Đồng Tháp | 141 | 7.17 | Khá |
| 34 | 71400913 | NGUYỄN THỊ | TRANG | 140E0104 | Nữ | 20/02/96 | Đắk Lắk | 140 | 7.18 | Khá |
| 35 | 71400893 | NGUYỄN THỊ HUYỀN | TRANG | 140E0104 | Nữ | 10/05/96 | Đắk Lắk | 140 | 7.06 | Khá |
| 36 | 71400696 | CAO THỊ THÙY | TRÂM | 140E0101 | Nữ | 12/07/96 | Gia Lai | 144 | 7.31 | Khá |
| 37 | 71400345 | LÊ THỊ MAI | TRÂM | 140E0102 | Nữ | 27/07/96 | Đồng Nai | 142 | 6.78 | Trung bình khá |
| 38 | 71400873 | NGUYỄN HUỲNH NGỌC | TRÂM | 140E0101 | Nữ | 12/09/95 | Bến Tre | 142 | 7.63 | Khá |
| 39 | 71401008 | NGUYỄN NGỌC | TRÂM | 140E0103 | Nữ | 25/09/96 | Tiền Giang | 140 | 7.27 | Khá |
| 40 | 71400921 | DIỆP THỊ BÉ | TRIÊN | 140E0104 | Nữ | 04/01/96 | Bến Tre | 140 | 7.54 | Khá |
| 41 | 71400581 | NGÔ THỊ NGỌC | TRINH | 140E0102 | Nữ | 19/02/96 | Long An | 140 | 7.20 | Khá |
| 42 | 71400875 | NGUYỄN THU | UYÊN | 140E0101 | Nữ | 02/09/95 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 7.24 | Khá |
| 43 | 71400437 | NGUYỄN THỊ | VÂN | 140E0101 | Nữ | 05/09/95 | Đắk Lắk | 140 | 7.14 | Khá |
| 44 | 71400804 | PHẠM THỊ CẨM | VÂN | 140E0101 | Nữ | 07/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 144 | 7.48 | Khá |
| 45 | 71400824 | TRẦN ÁI | VÂN | 140E0102 | Nữ | 29/07/95 | Quảng Ngãi | 140 | 7.49 | Khá |
| 46 | 71400490 | PHẠM THỊ THÚY | VI | 140E0103 | Nữ | 06/09/96 | Tây Ninh | 142 | 7.78 | Khá |
| 47 | 71400710 | ĐẶNG TRƯƠNG HOÀI | VŨ | 140E0102 | Nam | 04/10/96 | Bình Thuận | 144 | 6.83 | Trung bình khá |
| 48 | 71400325 | LÊ KIM THANH | VY | 140E0104 | Nữ | 27/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 6.91 | Trung bình khá |
| 49 | 71400549 | NGUYỄN NGỌC KIỀU | VY | 140E0103 | Nữ | 29/02/96 | Bình Thuận | 140 | 7.30 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Luật

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 71400725 | CHU THÙY | DUNG | 140E0103 | Nữ | 29/10/95 | Đắk Lắk | 142 | 7.13 | Khá |
| 2 | 71401061 | TRƯƠNG MINH | ĐĂNG | 140E0101 | Nam | 03/07/96 | Đồng Tháp | 143 | 6.94 | Trung bình khá |
| 3 | 71400357 | PHẠM THỊ NGỌC | HIẾU | 140E0104 | Nữ | 30/07/96 | Đồng Tháp | 142 | 7.35 | Khá |
| 4 | 71400399 | HUỲNH THỊ NGỌC | HUYỀN | 140E0101 | Nữ | 10/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 144 | 7.48 | Khá |
| 5 | 71400418 | TRẦN NGỌC | PHƯƠNG | 140E0104 | Nữ | 11/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 6.54 | Trung bình khá |
| 6 | 71400631 | TRƯƠNG TRỌNG TRƯỜNG | SƠN | 140E0102 | Nam | 23/11/96 | Ninh Thuận | 141 | 7.25 | Khá |
| 7 | 71400486 | NGUYỄN THỊ ANH | THƯ | 140E0104 | Nữ | 08/06/96 | Tiền Giang | 146 | 7.29 | Khá |
| 8 | 71401107 | HUỲNH NHẬT | TIẾN | 140E0102 | Nam | 08/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 7.40 | Khá |
| 9 | 71400389 | LÊ NGỌC | TÌNH | 140E0102 | Nam | 23/10/96 | Bình Thuận | 142 | 7.22 | Khá |
| 10 | 71400592 | VÕ MAI NHƯ | TRANG | 140E0104 | Nữ | 14/12/96 | Ninh Thuận | 140 | 7.07 | Khá |
| 11 | 71400731 | LÊ NGỌC TƯỜNG | VI | 140E0104 | Nữ | 17/04/95 | Bến Tre | 142 | 7.76 | Khá |
| 12 | 71401032 | LÊ NGUYỄN TƯỜNG | VI | 140E0104 | Nữ | 06/04/95 | Bến Tre | 141 | 7.47 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Luật

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 71400390 | TRẦN THỊ THU | AN | 140E0101 | Nữ | 19/01/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.58 | Khá |
| 2 | 71400665 | NGUYỄN THỊ THỤC | ANH | 140E0102 | Nữ | 12/07/95 | Quảng Ngãi | 142 | 7.28 | Khá |
| 3 | 71400976 | NGUYỄN HOÀNG MAI | CHI | 140E0104 | Nữ | 10/07/94 | Gia Lai | 140 | 6.70 | Trung bình khá |
| 4 | 71400999 | NGUYỄN LÊ THỊ ÁI | CHI | 140E0104 | Nữ | 27/07/96 | Lâm Đồng | 140 | 7.25 | Khá |
| 5 | 71401168 | NGUYỄN THỊ LAN | CHI | 140E0104 | Nữ | 17/07/96 | Đắk Nông | 142 | 7.37 | Khá |
| 6 | 71400796 | NGUYỄN MINH | CƠ | 140E0102 | Nam | 08/07/96 | Tiền Giang | 142 | 7.04 | Khá |
| 7 | 71401085 | LÊ THỊ | DUNG | 140E0102 | Nữ | 15/03/96 | Đắk Lắk | 140 | 7.52 | Khá |
| 8 | 71400682 | TRẦN THỊ | DUYÊN | 140E0101 | Nữ | 05/06/96 | Nam Định | 140 | 7.35 | Khá |
| 9 | 71400998 | NGÔ THỊ BÌNH | DƯƠNG | 140E0104 | Nữ | 19/05/96 | Lâm Đồng | 144 | 7.01 | Khá |
| 10 | 71400740 | PHẠM THỊ THÙY | DƯƠNG | 140E0101 | Nữ | 08/08/96 | Bình Thuận | 146 | 7.65 | Khá |
| 11 | 71400693 | LÊ NGỌC HẢI | ĐĂNG | 140E0103 | Nam | 29/07/96 | Kiên Giang | 140 | 6.93 | Trung bình khá |
| 12 | 71400689 | LÊ THỊ HỒNG | ĐỨC | 140E0101 | Nữ | 02/08/96 | Bình Định | 140 | 7.34 | Khá |
| 13 | 71400401 | TRẦN NGỌC | HÀ | 140E0102 | Nữ | 10/12/96 | Đồng Tháp | 140 | 7.39 | Khá |
| 14 | 71401025 | VŨ THỊ HOÀNG | HÀ | 140E0103 | Nữ | 18/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 7.70 | Khá |
| 15 | 71400412 | BÙI NGUYỄN LAM | HẠ | 140E0104 | Nữ | 25/05/96 | Quảng Ngãi | 140 | 7.25 | Khá |
| 16 | 71400562 | NGUYỄN THỊ MỸ | HẠNH | 140E0104 | Nữ | 08/01/95 | Quảng Ngãi | 150 | 7.79 | Khá |
| 17 | 71400348 | NGUYỄN LÂM GIA | HÂN | 140E0101 | Nữ | 15/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.99 | Trung bình khá |
| 18 | 71400602 | TRẦN THỊ MỸ | HÒA | 140E0101 | Nữ | 29/12/96 | Khánh Hòa | 144 | 6.97 | Trung bình khá |
| 19 | 71401104 | NGUYỄN THỊ | HUỆ | 140E0101 | Nữ | 17/04/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 140 | 6.56 | Trung bình khá |
| 20 | 71401134 | PHẠM LÝ | HÙNG | 140E0102 | Nam | 20/08/95 | Gia Lai | 142 | 7.13 | Khá |
| 21 | 71400757 | PHẠM THỊ HỒNG | HUY | 140E0104 | Nữ | 11/08/96 | Quảng Ngãi | 140 | 7.18 | Khá |
| 22 | 71401059 | LÊ MINH | KHOA | 140E0103 | Nam | 10/11/96 | Bến Tre | 146 | 7.59 | Khá |
| 23 | 71400439 | NGUYỄN PHAN HÙNG | KIỆT | 140E0102 | Nam | 02/01/96 | An Giang | 140 | 6.82 | Trung bình khá |
| 24 | 71401176 | NGUYỄN THỊ | LAN | 140E0104 | Nữ | 10/06/96 | Lâm Đồng | 140 | 7.19 | Khá |
| 25 | 71401151 | TRỊNH NGUYỄN PHƯƠNG | LINH | 140E0101 | Nữ | 12/12/96 | Long An | 140 | 7.16 | Khá |
| 26 | 71400695 | LÊ HOÀNG KHÁNH | LY | 140E0103 | Nữ | 22/11/96 | Kon Tum | 140 | 7.00 | Khá |
| 27 | 71400513 | ĐÀO HOA | MAI | 140E0101 | Nữ | 11/09/91 | Bình Định | 144 | 7.54 | Khá |
| 28 | 71400540 | NGUYỄN THỊ DIỄM | MY | 140E0103 | Nữ | 08/09/95 | Bạc Liêu | 140 | 7.58 | Khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

**Ngành: Luật**

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 29 | 71400391 | ĐẶNG PHƯƠNG | NAM | 140E0103 | Nam | 30/11/96 | Đắk Lắk | 142 | 6.48 | Trung bình khá |
| 30 | 71400322 | PHẠM THỊ | NGỌC | 140E0104 | Nữ | 08/04/96 | Tây Ninh | 142 | 7.17 | Khá |
| 31 | 71400765 | PHẠM THỊ HỒNG | NGỌC | 140E0104 | Nữ | 06/10/96 | Ninh Thuận | 142 | 7.22 | Khá |
| 32 | 71400577 | NGUYỄN QUỐC | NHÂN | 140E0103 | Nam | 25/04/96 | Bình Dương | 142 | 6.91 | Trung bình khá |
| 33 | 71400635 | VŨ HOÀNG MINH | NHẬT | 140E0101 | Nam | 21/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.73 | Trung bình khá |
| 34 | 71400446 | ĐỖ THANH | NHI | 140E0104 | Nữ | 09/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 7.03 | Khá |
| 35 | 71400421 | VÕ THỊ THÚY | NHI | 140E0101 | Nữ | 14/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 146 | 7.18 | Khá |
| 36 | 71400374 | LÊ HOA HỒNG | NHUNG | 140E0101 | Nữ | 02/06/95 | Đồng Tháp | 142 | 7.30 | Khá |
| 37 | 71400612 | NGUYỄN THỊ CẨM | NHUNG | 140E0104 | Nữ | 07/02/96 | Tiền Giang | 140 | 6.92 | Trung bình khá |
| 38 | 71401125 | VŨ THỊ KIM | OANH | 140E0102 | Nữ | 26/09/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 142 | 6.71 | Trung bình khá |
| 39 | 71400986 | TRẦN THỊ | PHƯƠNG | 140E0101 | Nữ | 01/01/95 | Quảng Bình | 140 | 7.05 | Khá |
| 40 | 71400850 | VÕ THỊ | PHƯỢNG | 140E0102 | Nữ | 20/07/96 | Phú Yên | 142 | 7.41 | Khá |
| 41 | 71400709 | VÕ THỊ KIM | QUI | 140E0103 | Nữ | 10/05/95 | Lâm Đồng | 142 | 7.57 | Khá |
| 42 | 71400548 | NGUYỄN NHƯ | QUỲNH | 140E0102 | Nữ | 19/02/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 144 | 7.07 | Khá |
| 43 | 71400594 | NGUYỄN LÊ THỊ | RIÊNG | 140E0104 | Nữ | 23/03/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 140 | 6.58 | Trung bình khá |
| 44 | 71401080 | TRẦN THỊ | SANG | 140E0102 | Nữ | 04/04/95 | Đắk Lắk | 140 | 7.13 | Khá |
| 45 | 71400855 | NGUYỄN TRƯỜNG | SƠN | 140E0103 | Nam | 30/03/95 | Lâm Đồng | 144 | 7.39 | Khá |
| 46 | 71400822 | NGUYỄN DƯƠNG | THANH | 140E0102 | Nam | 17/09/96 | Bình Dương | 146 | 7.22 | Khá |
| 47 | 71400821 | NGUYỄN THỊ | THANH | 140E0101 | Nữ | 18/06/96 | Quảng Ngãi | 142 | 6.94 | Trung bình khá |
| 48 | 71400910 | BÙI NHƯ PHƯƠNG | THẢO | 140E0103 | Nữ | 20/09/95 | Bình Thuận | 144 | 7.20 | Khá |
| 49 | 71400940 | NGUYỄN THỊ THANH | THẢO | 140E0101 | Nữ | 07/02/95 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 140 | 7.33 | Khá |
| 50 | 71400413 | PHẠM THỊ XUÂN | THẢO | 140E0104 | Nữ | 11/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 7.73 | Khá |
| 51 | 71400429 | NGUYỄN NHƯ QUANG | THẮNG | 140E0101 | Nam | 06/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 7.30 | Khá |
| 52 | 71400820 | MAI THỊ NGỌC | THI | 140E0103 | Nữ | 03/02/96 | Lâm Đồng | 140 | 6.63 | Trung bình khá |
| 53 | 71400408 | NGUYỄN LÊ ANH | THƯ | 140E0102 | Nữ | 23/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 142 | 6.89 | Trung bình khá |
| 54 | 71400667 | TRẦN NGUYỄN MINH | THƯ | 140E0101 | Nữ | 23/05/96 | Khánh Hòa | 140 | 7.08 | Khá |
| 55 | 71400961 | TRƯƠNG THỊ HOÀI | THƯƠNG | 140E0102 | Nữ | 20/08/96 | Đắk Lắk | 146 | 7.57 | Khá |
| 56 | 71400915 | BÙI TRẦN THỦY | TIÊN | 140E0101 | Nữ | 10/03/96 | Bến Tre | 142 | 7.59 | Khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Luật

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 57 | 71400738 | NGUYỄN THỊ CÁT | TIÊN | 140E0102 | Nữ | 25/08/95 | Quảng Ngãi | 142 | 7.81 | Khá |
| 58 | 71400434 | TRẦN MỸ | TIÊN | 140E0103 | Nữ | 05/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 7.03 | Khá |
| 59 | 71400943 | LÊ THỊ | TRANG | 140E0103 | Nữ | 24/02/96 | Thanh Hóa | 140 | 7.11 | Khá |
| 60 | 71400861 | NGUYỄN THỊ HUYỀN | TRANG | 140E0104 | Nữ | 01/01/95 | Vĩnh Long | 140 | 7.04 | Khá |
| 61 | 71400767 | NGUYỄN THỊ THÙY | TRANG | 140E0102 | Nữ | 30/06/90 | Quảng Bình | 142 | 7.12 | Khá |
| 62 | 71401150 | NGUYỄN THỊ THÙY | TRANG | 140E0101 | Nữ | 02/01/96 | Bình Định | 148 | 7.79 | Khá |
| 63 | 71401071 | TRẦN LÊ PHƯƠNG | TRANG | 140E0104 | Nữ | 05/07/96 | Quảng Ngãi | 140 | 6.82 | Trung bình khá |
| 64 | 71400551 | TRẦN THANH YẾN | TRANG | 140E0101 | Nữ | 03/12/96 | Tây Ninh | 142 | 7.32 | Khá |
| 65 | 71400326 | TRẦN THỊ HUYỀN | TRANG | 140E0103 | Nữ | 30/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 6.93 | Trung bình khá |
| 66 | 71400484 | VÕ THÙY | TRANG | 140E0101 | Nữ | 28/12/96 | Tây Ninh | 142 | 7.09 | Khá |
| 67 | 71400661 | NGUYỄN PHẠM NGỌC PHƯƠNG | TRÂM | 140E0102 | Nữ | 01/12/96 | Long An | 144 | 7.35 | Khá |
| 68 | 71400387 | TRẦN ĐẶNG BÍCH | TRÂM | 140E0104 | Nữ | 08/02/96 | Long An | 140 | 7.10 | Khá |
| 69 | 71400919 | HUỲNH THÁI BẢO | TRÂN | 140E0103 | Nữ | 19/12/96 | Phú Yên | 142 | 7.11 | Khá |
| 70 | 71400663 | ĐẶNG THỊ KIỀU | TRINH | 140E0103 | Nữ | 28/09/96 | Đắk Nông | 144 | 7.52 | Khá |
| 71 | 71400583 | LÊ THỊ DIỄM | TRINH | 140E0101 | Nữ | 24/05/96 | Đồng Nai | 140 | 6.99 | Trung bình khá |
| 72 | 71400555 | NGUYỄN TRẦN THỦY | TRÚC | 140E0102 | Nữ | 29/11/96 | Bến Tre | 140 | 6.67 | Trung bình khá |
| 73 | 71400384 | NGUYỄN HÀ CẨM | TÚ | 140E0102 | Nữ | 28/04/96 | TP. Hồ Chí Minh | 150 | 7.33 | Khá |
| 74 | 71400334 | HUỲNH QUANG | TUẤN | 140E0104 | Nam | 17/01/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 6.42 | Trung bình khá |
| 75 | 71400417 | NGỌ DUY | TUẤN | 140E0102 | Nam | 01/08/96 | Kon Tum | 140 | 6.69 | Trung bình khá |
| 76 | 71401072 | PHẠM NGUYỄN TRÂM | UYÊN | 140E0101 | Nữ | 25/07/96 | Đắk Lắk | 140 | 7.35 | Khá |
| 77 | 71401113 | NINH THỊ THU | VÂN | 140E0103 | Nữ | 06/05/95 | Thái Bình | 146 | 7.30 | Khá |
| 78 | 71400772 | VÕ THỊ TƯỜNG | VI | 140E0103 | Nữ | 09/09/96 | Quảng Ngãi | 142 | 7.51 | Khá |
| 79 | 71400427 | TRƯƠNG THANH | VIÊN | 140E0103 | Nam | 15/07/96 | Gia Lai | 142 | 7.45 | Khá |
| 80 | 71400400 | PHẠM HOÀNG | VIỄN | 140E0104 | Nam | 15/11/96 | Vĩnh Long | 140 | 7.24 | Khá |
| 81 | 71400805 | BÙI TUẤN | VŨ | 140E0103 | Nam | 26/02/95 | Bình Phước | 140 | 8.05 | Giỏi |
| 82 | 71400454 | NGUYỄN DƯƠNG THÚY | VY | 140E0104 | Nữ | 13/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 140 | 7.06 | Khá |
| 83 | 71400927 | NGUYỄN NGỌC THẢO | VY | 140E0104 | Nữ | 19/04/96 | Long An | 140 | 7.60 | Khá |
| 84 | 71400505 | PHẠM TRẦN KHÁNH | VY | 140E0102 | Nữ | 19/08/96 | Tiền Giang | 144 | 6.86 | Trung bình khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Luật

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 85 | 71400833 | TRẦN THỊ KIỀU YẾN | 140E0104 | Nữ | 18/07/96 | Gia Lai | 142 | 7.27 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Luật

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 71401026 | NGUYỄN THỊ MINH | KHUÊ | 140E0103 | Nữ | 16/07/96 | Ninh Thuận | 142 | 7.85 | Khá |
| 2 | 71400632 | NGÔ TỐ | LINH | 140E0103 | Nữ | 09/06/96 | An Giang | 140 | 7.53 | Khá |
| 3 | 71400691 | PHẠM THI HỒNG | LOAN | 140E0104 | Nữ | 18/12/96 | Lâm Đồng | 144 | 7.37 | Khá |
| 4 | 71400588 | TRƯƠNG THỊ LY | LY | 140E0101 | Nữ | 20/04/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 144 | 7.29 | Khá |
| 5 | 71400335 | LÊ THỊ THU | NGUYỆT | 140E0101 | Nữ | 03/11/95 | TP. Hồ Chí Minh | 144 | 7.05 | Khá |
| 6 | 71400596 | NGUYỄN THANH | VIÊN | 140E0103 | Nữ | 26/05/96 | Khánh Hòa | 142 | 7.51 | Khá |
| 7 | 71400742 | NGUYỄN THỊ ANH | VINH | 140E0102 | Nữ | 04/10/96 | Đắk Lắk | 146 | 7.29 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Ngôn ngữ Anh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy - LT từ cao đẳng**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01411016 | NGUYỄN NGỌC YẾN | 14100101 | Nữ | 06/03/89 | Lâm Đồng | 162 | 6.89 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy - LT từ cao đẳng**
**Khóa TS: 2014**
**Chuyên ngành đào tạo : Quản trị Marketing**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 71414014 | NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT | 14170401 | Nữ | 01/10/89 | Hậu Giang | 145 | 6.35 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kế toán

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy - LT từ trung cấp**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 21420042 | VÕ THỊ MỸ | TUYẾT | 14220101 | Nữ | 10/11/89 | Đồng Nai | 100 | 6.96 | Trung bình khá |
| 2 | 21420045 | BÙI THỊ | UYÊN | 14220101 | Nữ | 11/07/89 | Thái Bình | 99 | 6.29 | Trung bình khá |
| 3 | 21420044 | LÝ THANH PHƯƠNG | UYÊN | 14220101 | Nữ | 17/10/79 | Bến Tre | 100 | 6.29 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kế toán

**Hệ Đào Tạo: Đại học VLVH - LT từ trung cấp**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 21450054 | NGUYỄN THÙY DƯƠNG | 14520101 | Nữ | 28/10/93 | Long An | 100 | 6.07 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

**Ngành: Kế toán**

**Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 21480403 | NGUYỄN THỊ VÂN | NHÀN | 14820103 | Nữ | 10/09/96 | Long An | 105 | 6.95 | Trung bình khá |
| 2 | 21480316 | HUỲNH THỊ | NHƯ | 14820103 | Nữ | / /96 | Đồng Tháp | 105 | 6.61 | Trung bình khá |
| 3 | 21480304 | LÊ THỊ HUỲNH | NHƯ | 14820101 | Nữ | 15/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 105 | 6.40 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

**Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 41483132 | NGUYỄN NHƯ | HẢI | 14840302 | Nam | 29/09/95 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 116 | 6.46 | Trung bình khá |
| 2 | 41483205 | CHU VĂN | HOÀNG | 14840302 | Nam | 04/11/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 116 | 6.38 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 71480437 | ĐẶNG THÀNH HẢNG | 14870002 | Nam | 04/07/96 | Kiên Giang | 104 | 6.68 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Tiếng Anh

**Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01480228 | ĐOÀN THỊ NGỌC | DUYÊN | 14800104 | Nữ | 17/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 116 | 6.12 | Trung bình khá |
| 2 | 01480097 | NGUYỄN HIẾU | ĐỨC | 14800103 | Nam | 29/01/93 | TP. Hồ Chí Minh | 116 | 6.27 | Trung bình khá |
| 3 | 01480217 | PHẠM THỊ | XẮN | 14800104 | Nữ | 04/03/95 | TP. Hồ Chí Minh | 116 | 6.73 | Trung bình khá |
| 4 | 01480052 | HOÀNG THỊ TRÚC | XUÂN | 14800105 | Nữ | 14/09/96 | Đồng Nai | 116 | 5.85 | Trung bình |
| 5 | 01480284 | TRẦN NGUYỄN KIM | XUYẾN | 14800104 | Nữ | 20/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 116 | 6.38 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Ngôn ngữ Anh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01401187 | TRẦN THANH | AN | 14000104 | Nam | 07/08/96 | Bình Phước | 153 | 7.45 | Khá |
| 2 | 01401172 | TRẦN NGỌC | CHÂU | 14000103 | Nữ | 20/10/94 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.10 | Khá |
| 3 | 01401001 | LÊ THỊ NGỌC | DIỄM | 14000104 | Nữ | 03/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.38 | Khá |
| 4 | 01401188 | ĐỖ THỊ THÙY | DUNG | 14000102 | Nữ | 26/09/96 | Đồng Nai | 153 | 6.87 | Trung bình khá |
| 5 | 01401168 | TRẦN LINH | GIANG | 14000104 | Nữ | 15/01/95 | TP. Hải Phòng | 153 | 6.90 | Trung bình khá |
| 6 | 01401174 | NGUYỄN THỊ | HẰNG | 14000104 | Nữ | 31/01/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 6.90 | Trung bình khá |
| 7 | 01401199 | TRẦN THỊ BÉ | HIỀN | 14000104 | Nữ | 01/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.57 | Khá |
| 8 | 01401063 | NGUYỄN THỊ | LÀNH | 14000102 | Nữ | 03/04/96 | Nam Định | 153 | 6.71 | Trung bình khá |
| 9 | 01401007 | HUỲNH LƯU | LI | 14000102 | Nữ | 12/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.60 | Khá |
| 10 | 01401018 | LÊ THỊ THÙY | LIỄU | 14000104 | Nữ | 08/08/96 | Bình Thuận | 153 | 6.79 | Trung bình khá |
| 11 | 01401021 | CAO THÙY | LINH | 14000104 | Nữ | 02/06/96 | Tây Ninh | 153 | 7.18 | Khá |
| 12 | 01401134 | TRẦN MAI | LINH | 14000104 | Nữ | 15/10/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 153 | 7.62 | Khá |
| 13 | 01401065 | NGUYỄN THỊ | LOAN | 14000103 | Nữ | 14/07/96 | Ninh Bình | 153 | 6.98 | Trung bình khá |
| 14 | 01401165 | CHÂU TUYỀN | LUÂN | 14000103 | Nam | 18/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 8.34 | Giỏi |
| 15 | 01401051 | PHAN THỊ HỒNG | NGÂN | 14000103 | Nữ | 04/03/96 | Đồng Tháp | 153 | 6.90 | Trung bình khá |
| 16 | 01401102 | VÕ TRỌNG | NGHĨA | 14000101 | Nam | 21/04/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.79 | Khá |
| 17 | 01401078 | PHẠM THIÊN THẢO | NGUYÊN | 14000103 | Nữ | 26/09/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 153 | 7.57 | Khá |
| 18 | 01401190 | ĐẶNG NGỌC LAN | QUYÊN | 14000102 | Nữ | 26/10/96 | Tiền Giang | 153 | 6.63 | Trung bình khá |
| 19 | 01401197 | NGUYỄN THỊ NHƯ | SAO | 14000104 | Nữ | 10/11/96 | Quảng Ngãi | 153 | 7.24 | Khá |
| 20 | 01401044 | NGUYỄN THÀNH | TÂM | 14000101 | Nam | 25/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.77 | Khá |
| 21 | 01401030 | PHAN ĐĂNG THÁI | THẢO | 14000102 | Nữ | 06/05/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.54 | Khá |
| 22 | 01401054 | VÕ THỊ HỒNG | THÚY | 14000104 | Nữ | 21/05/96 | Bình Thuận | 153 | 7.16 | Khá |
| 23 | 01401164 | TRẦN THANH THỦY | TIÊN | 14000101 | Nữ | 01/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.50 | Khá |
| 24 | 01401121 | NGUYỄN THỊ THÙY | TRANG | 14000103 | Nữ | 25/10/96 | Quảng Ngãi | 153 | 7.37 | Khá |
| 25 | 01401158 | ĐẶNG NGỌC | TRÂM | 14000102 | Nữ | 21/05/96 | Cà Mau | 153 | 6.51 | Trung bình khá |
| 26 | 01401161 | THÁI BẢO | TRÂN | 14000101 | Nữ | 21/01/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.21 | Khá |
| 27 | 01401043 | ĐẶNG MỸ | TRINH | 14000103 | Nữ | 16/09/96 | An Giang | 153 | 6.71 | Trung bình khá |
| 28 | 01401011 | NGUYỄN THANH | TRÚC | 14000103 | Nữ | 22/11/96 | Đồng Nai | 153 | 7.32 | Khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Ngôn ngữ Anh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 29 | 01401076 | TRẦN ÁNH | TUYẾT | 14000102 | Nữ | 31/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.36 | Khá |
| 30 | 01401133 | VÕ THÚY | VI | 14000103 | Nữ | 01/08/95 | Long An | 153 | 7.17 | Khá |
| 31 | 01401060 | NGUYỄN TRẦN THẢO | VY | 14000103 | Nữ | 15/04/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.32 | Khá |
| 32 | 01401005 | PHAN NGUYỄN HOÀI NHƯ | Ý | 14000101 | Nữ | 28/06/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.26 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Tiếng Anh

**Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01480276 | NGUYỄN THỊ | BÌNH | 14800103 | Nữ | 20/12/95 | Thanh Hóa | 116 | 6.26 | Trung bình khá |
| 2 | 01480173 | LÊ THỊ HỒNG | DIỄM | 14800103 | Nữ | 23/03/96 | Long An | 116 | 6.22 | Trung bình khá |
| 3 | 01480360 | VƯƠNG THỊ DIỄM | HỒNG | 14800104 | Nữ | 29/11/95 | Lâm Đồng | 116 | 6.43 | Trung bình khá |
| 4 | 01480041 | PHÙNG HỌC | KIM | 14800105 | Nữ | 19/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 116 | 6.13 | Trung bình khá |
| 5 | 01480294 | NGUYỄN THỊ BÍCH | LÊ | 14800105 | Nữ | 20/10/96 | Bình Định | 116 | 6.29 | Trung bình khá |
| 6 | 01480348 | DƯƠNG THỊ | LIÊN | 14800104 | Nữ | 10/12/96 | Bình Định | 116 | 6.05 | Trung bình khá |
| 7 | 01480169 | VÕ THỊ | LIÊN | 14800102 | Nữ | 30/09/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 116 | 6.19 | Trung bình khá |
| 8 | 01303215 | LÊ THỊ PHƯƠNG | LINH | 14800101 | Nữ | 11/09/95 | Tiền Giang | 116 | 6.16 | Trung bình khá |
| 9 | 01480238 | NGUYỄN THỊ TỐ | LINH | 14800102 | Nữ | 20/06/96 | Đắk Lắk | 116 | 6.10 | Trung bình khá |
| 10 | 01480451 | HỒ THỊ PHƯƠNG | MAI | 14800105 | Nữ | 03/02/96 | Đắk Lắk | 116 | 6.05 | Trung bình khá |
| 11 | 01480440 | HỒ HOÀNG PHƯỢNG | NGUYÊN | 14800104 | Nữ | 03/10/96 | Ninh Thuận | 116 | 6.06 | Trung bình khá |
| 12 | 01480218 | TRẦN THANH HỒNG | NHUNG | 14800104 | Nữ | 06/06/93 | Bình Dương | 116 | 6.25 | Trung bình khá |
| 13 | 01480385 | TRƯƠNG BÍCH | PHỤNG | 14800102 | Nữ | 29/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 116 | 6.43 | Trung bình khá |
| 14 | 01480352 | HOÀNG THU | PHƯƠNG | 14800103 | Nữ | 04/05/96 | Long An | 116 | 6.12 | Trung bình khá |
| 15 | 01480482 | TRẦN DIỄM | QUYÊN | 14800104 | Nữ | 09/11/95 | Cà Mau | 116 | 6.50 | Trung bình khá |
| 16 | 01480200 | NGUYỄN THỊ MINH | TÂM | 14800104 | Nữ | 26/12/95 | TP. Hồ Chí Minh | 116 | 6.51 | Trung bình khá |
| 17 | 01480356 | TRẦN THỊ THANH | THANH | 14800103 | Nữ | 20/08/96 | Khánh Hòa | 116 | 6.06 | Trung bình khá |
| 18 | 01480171 | NGUYỄN THỊ | THẢO | 14800105 | Nữ | 30/06/96 | Thanh Hóa | 116 | 6.21 | Trung bình khá |
| 19 | 01480474 | VŨ THỊ KIM | THOA | 14800104 | Nữ | 29/11/96 | Ninh Thuận | 116 | 5.99 | Trung bình |
| 20 | 01480059 | PHAN THỊ | TÍM | 14800102 | Nữ | 29/05/95 | Đồng Tháp | 116 | 6.08 | Trung bình khá |
| 21 | 01480224 | NGUYỄN PHƯỚC THỤC | TRINH | 14800104 | Nữ | 07/10/96 | Đồng Nai | 116 | 6.11 | Trung bình khá |
| 22 | 01480061 | TRẦN NGỌC HIỀN | TRINH | 14800103 | Nữ | 30/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 116 | 6.19 | Trung bình khá |
| 23 | 01480244 | DƯƠNG NGUYỄN NGỌC | TRUNG | 14800105 | Nam | 20/09/94 | TP. Hồ Chí Minh | 116 | 6.28 | Trung bình khá |
| 24 | 01480126 | TRẦN LÊ | VY | 14800103 | Nữ | 17/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 116 | 5.99 | Trung bình |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Ngôn ngữ Anh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01401154 | PHÙNG THỊ NHƯ | ANH | 14000104 | Nữ | 30/01/96 | Đồng Nai | 153 | 7.14 | Khá |
| 2 | 01401089 | DIỆP TIỂU | ÂN | 14000103 | Nữ | 28/07/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.21 | Khá |
| 3 | 01401013 | PHẠM NHỰT | BÌNH | 14000102 | Nam | 06/04/96 | Tiền Giang | 153 | 6.95 | Trung bình khá |
| 4 | 01401070 | PHẠM THÀNH | CÔNG | 14000104 | Nam | 30/10/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.15 | Khá |
| 5 | 01401180 | TRƯƠNG ANH | DŨNG | 14000101 | Nam | 28/01/96 | TP. Hồ Chí Minh | 159 | 7.13 | Khá |
| 6 | 01401091 | HUỲNH HỮU | ĐANG | 14000101 | Nam | 19/09/96 | Vĩnh Long | 156 | 7.43 | Khá |
| 7 | 01401167 | LÊ TRƯỜNG | GIANG | 14000104 | Nam | 19/08/95 | Tiền Giang | 153 | 7.11 | Khá |
| 8 | 01401170 | TRẦN THỊ TUYẾT | GIAO | 14000104 | Nữ | 05/06/96 | Lâm Đồng | 153 | 6.96 | Trung bình khá |
| 9 | 01401037 | LƯU CHẤN | HUY | 14000103 | Nam | 18/09/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 6.83 | Trung bình khá |
| 10 | 01401062 | LÊ THỊ | LAN | 14000104 | Nữ | 21/12/96 | Lâm Đồng | 153 | 6.43 | Trung bình khá |
| 11 | 01401099 | ĐẶNG NGỌC PHƯƠNG | LINH | 14000101 | Nữ | 30/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 156 | 6.76 | Trung bình khá |
| 12 | 01401064 | NGUYỄN THỊ MỸ | LINH | 14000101 | Nữ | 23/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 6.55 | Trung bình khá |
| 13 | 01401098 | NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG | LINH | 14000103 | Nữ | 14/02/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 6.57 | Trung bình khá |
| 14 | 01401023 | LƯƠNG HỒNG | MUỘI | 14000101 | Nữ | 28/03/96 | Quảng Ngãi | 153 | 6.81 | Trung bình khá |
| 15 | 01401087 | HOÀNG HÀ | MY | 14000104 | Nữ | 13/11/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.74 | Khá |
| 16 | 01401024 | TÔ NGUYỄN NHƯ | MỸ | 14000102 | Nữ | 27/08/96 | Phú Yên | 153 | 6.65 | Trung bình khá |
| 17 | 01401183 | NGUYỄN THỊ | NGA | 14000102 | Nữ | 13/08/96 | Hà Tĩnh | 153 | 6.91 | Trung bình khá |
| 18 | 01401042 | NGUYỄN HOÀNG KIM | NGÂN | 14000104 | Nữ | 28/07/96 | TP. Cần Thơ | 153 | 7.25 | Khá |
| 19 | 01401107 | HOÀNG TRẦN BÍCH | NGỌC | 14000103 | Nữ | 31/01/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 153 | 7.25 | Khá |
| 20 | 01401106 | LƯƠNG KHÁNH | NGỌC | 14000103 | Nữ | 02/11/96 | An Giang | 153 | 7.66 | Khá |
| 21 | 01401105 | LƯU THỊ BÍCH | NGỌC | 14000102 | Nữ | 19/10/96 | Đồng Nai | 153 | 7.84 | Khá |
| 22 | 01401104 | PHAN TẤN BÍCH | NGỌC | 14000104 | Nữ | 15/05/96 | Lâm Đồng | 153 | 7.15 | Khá |
| 23 | 01401108 | TRẦN LÊ GIA | NGỌC | 14000102 | Nữ | 09/10/95 | Bạc Liêu | 153 | 7.14 | Khá |
| 24 | 01401077 | MẠCH KHẢI | NGUYÊN | 14000103 | Nam | 06/07/95 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 8.26 | Giỏi |
| 25 | 01401084 | HOÀNG MINH | NHẬT | 14000104 | Nam | 27/10/96 | Đồng Nai | 153 | 7.48 | Khá |
| 26 | 01401171 | ĐỖ THỊ YẾN | NHI | 14000104 | Nữ | 28/05/96 | Đồng Nai | 153 | 7.33 | Khá |
| 27 | 01401085 | PHẠM Ý | NHI | 14000102 | Nữ | 02/10/96 | Quảng Ngãi | 153 | 6.76 | Trung bình khá |
| 28 | 01401118 | TRẦN THỊ YẾN | NHI | 14000102 | Nữ | 01/06/95 | An Giang | 153 | 6.71 | Trung bình khá |

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Ngôn ngữ Anh

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy**
**Khóa TS: 2014**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 29 | 01401185 | VÕ THỊ THẢO | NHI | 14000103 | Nữ | 16/06/96 | Vĩnh Long | 153 | 7.40 | Khá |
| 30 | 01401152 | MAI LÂM QUỲNH | NHƯ | 14000102 | Nữ | 22/02/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 153 | 6.77 | Trung bình khá |
| 31 | 01401151 | PHẠM HUỲNH | NHƯ | 14000104 | Nữ | 21/07/96 | Bến Tre | 153 | 6.92 | Trung bình khá |
| 32 | 01401176 | CAO THÀNH | PHÁT | 14000104 | Nam | 18/06/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.08 | Khá |
| 33 | 01401033 | CHẾ NHƯ | QUỲNH | 14000102 | Nữ | 14/07/96 | Lâm Đồng | 153 | 8.06 | Giỏi |
| 34 | 01401035 | TRẦN THỊ PHƯƠNG | QUỲNH | 14000104 | Nữ | 02/07/96 | Đồng Nai | 153 | 7.02 | Khá |
| 35 | 01401138 | NGHIÊM PHƯƠNG | THẢO | 14000101 | Nữ | 06/05/96 | Sông Bé | 153 | 7.72 | Khá |
| 36 | 01401031 | NGUYỄN VŨ PHƯƠNG | THẢO | 14000104 | Nữ | 15/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.60 | Khá |
| 37 | 01401055 | LÊ HỒNG | THÚY | 14000104 | Nữ | 15/02/96 | Khánh Hòa | 153 | 6.88 | Trung bình khá |
| 38 | 01401074 | PHAN THỊ | THƯƠNG | 14000102 | Nữ | 27/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.34 | Khá |
| 39 | 01401014 | TỐNG ĐINH NGỌC THƯƠNG | THƯƠNG | 14000101 | Nữ | 29/07/96 | Đồng Nai | 153 | 7.51 | Khá |
| 40 | 01401015 | HUỲNH HỒ Á | TIÊN | 14000101 | Nữ | 31/07/96 | Tiền Giang | 153 | 6.97 | Trung bình khá |
| 41 | 01401080 | HỒ THỊ THÙY | TRANG | 14000103 | Nữ | 02/10/95 | Đắk Lắk | 153 | 8.11 | Giỏi |
| 42 | 01401079 | VŨ THỊ MINH | TRANG | 14000102 | Nữ | 26/12/96 | Đồng Nai | 153 | 7.08 | Khá |
| 43 | 01401016 | NGUYỄN PHẠM NGỌC | TRÂM | 14000104 | Nữ | 26/11/96 | Lâm Đồng | 153 | 6.73 | Trung bình khá |
| 44 | 01401157 | NGUYỄN THỊ NGỌC | TRÂM | 14000102 | Nữ | 23/04/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 6.62 | Trung bình khá |
| 45 | 01401160 | NGUYỄN QUỲNH BẢO | TRÂN | 14000104 | Nữ | 27/11/95 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.38 | Khá |
| 46 | 01401124 | NGUYỄN THANH | TRÚC | 14000102 | Nữ | 29/05/96 | Đồng Tháp | 153 | 7.20 | Khá |
| 47 | 01401202 | LÊ VIẾT | TRUNG | 14000103 | Nữ | 03/08/96 | An Giang | 153 | 7.56 | Khá |
| 48 | 01401112 | TRẦN THỊ BÍCH | TUYỀN | 14000102 | Nữ | 02/08/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.69 | Khá |
| 49 | 01401143 | NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG | UYÊN | 14000104 | Nữ | 04/03/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.26 | Khá |
| 50 | 01401146 | HỨA NHƠN THÙY | VÂN | 14000101 | Nữ | 13/11/96 | Bình Thuận | 153 | 7.22 | Khá |
| 51 | 01401147 | LÊ TRƯƠNG TUYẾT | VÂN | 14000104 | Nữ | 12/04/96 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 153 | 6.74 | Trung bình khá |
| 52 | 01401059 | NGUYỄN LÂM THÚY | VY | 14000101 | Nữ | 12/12/96 | TP. Hồ Chí Minh | 153 | 7.70 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kế toán

**Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy - LT từ cao đẳng**
**Khóa TS: 2015**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 21510005 | NGUYỄN HOÀNG | HUYÊN | 15120101 | Nữ | 03/04/93 | Quảng Ngãi | 146 | 7.42 | Khá |
| 2 | 21510041 | ĐINH THẢO | NGUYÊN | 15120101 | Nữ | 30/07/91 | Khánh Hòa | 143 | 7.05 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Kế toán

**Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính quy**
**Khóa TS: 2015**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 21580066 | LÊ THỊ BẠCH | CÁT | 15820102 | Nữ | 10/06/97 | | 103 | 7.25 | Khá |
| 2 | 21580029 | NGÔ THỊ LINH | CHI | 15820102 | Nữ | 10/07/97 | | 103 | 6.63 | Trung bình khá |
| 3 | 21580061 | CHÂU THANH | HẰNG | 15820102 | Nữ | 01/03/97 | | 103 | 7.51 | Khá |
| 4 | 21580031 | VŨ THỊ THU | HOÀI | 15820102 | Nữ | 14/04/97 | | 103 | 6.66 | Trung bình khá |
| 5 | 21580065 | DƯƠNG THỊ TUYẾT | NHI | 15820102 | Nữ | 28/08/97 | | 103 | 7.61 | Khá |
| 6 | 21580019 | LÂM THỊ HUYỀN | TRANG | 15820101 | Nữ | 10/06/97 | | 103 | 6.41 | Trung bình khá |
| 7 | 21580016 | TRẦN ĐÌNH ANH | TÚ | 15820101 | Nam | 11/11/97 | | 103 | 7.05 | Khá |
| 8 | 21580044 | TRẦN THỊ YẾN | VY | 15820102 | Nữ | 09/09/97 | | 103 | 6.59 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Quản trị kinh doanh

**Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính quy**
**Khóa TS: 2015**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 71580074 | PHẠM THỊ HỒNG | NGÂN | 15870001 | Nữ | 04/09/96 | | 100 | 6.64 | Trung bình khá |
| 2 | 71580020 | PHẠM THỊ BÌNH | NHI | 15870001 | Nữ | 04/08/97 | | 100 | 6.58 | Trung bình khá |
| 3 | 71580072 | NGÔ THỊ KIM | TRANG | 15870001 | Nữ | 05/01/97 | | 100 | 7.46 | Khá |
| 4 | 71580062 | NGUYỄN THỊ THU | TRANG | 15870001 | Nữ | 28/09/97 | | 100 | 8.00 | Giỏi |
| 5 | 71580093 | NGUYỄN LÊ THẢO | UYÊN | 15870001 | Nữ | 23/05/97 | | 100 | 7.95 | Khá |
| 6 | 71580037 | HUỲNH THỊ TIỂU | VÂN | 15870001 | Nữ | 21/11/97 | | 100 | 7.08 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Tiếng Anh

**Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính quy**
**Khóa TS: 2015**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01580035 | ĐOÀN THỊ THU | NGA | 15800101 | Nữ | 13/03/96 | | 108 | 6.55 | Trung bình khá |
| 2 | 01580057 | NGUYỄN LÊ KIM | THOA | 15800102 | Nữ | 20/09/97 | | 108 | 6.59 | Trung bình khá |
| 3 | 01580067 | MAI THỊ THÙY | TRANG | 15800102 | Nữ | 08/04/97 | | 108 | 6.83 | Trung bình khá |
| 4 | 01580018 | ĐOÀN THÙY BẢO | VY | 15800101 | Nữ | 12/10/97 | | 108 | 6.51 | Trung bình khá |
| 5 | 01580058 | LÂM KHÁNH | VY | 15800102 | Nữ | 13/06/97 | | 108 | 6.90 | Trung bình khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÔN ĐỨC THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP TỰ DO HẠNH PHÚC

# DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 09 NĂM 2018

## Ngành: Tiếng Anh

**Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính quy**
**Khóa TS: 2015**



| STT | Mã SV | Họ Và Tên | | Tên lớp | Giới tính | Ngày sinh | Nơi sinh | TC | ĐTB | Xếp loại |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 01580088 | LÂM BỬU | DIỆP | 15800102 | Nữ | 03/04/97 | | 108 | 6.85 | Trung bình khá |
| 2 | 01580095 | ĐẶNG THỊ NGỌC | GIÀU | 15800102 | Nữ | 14/02/97 | | 108 | 7.26 | Khá |
| 3 | 01580077 | HỒ THỊ BÍCH | HẠNH | 15800102 | Nữ | 18/10/96 | | 108 | 6.87 | Trung bình khá |
| 4 | 01580022 | NGUYỄN THỊ NHƯ | HUỲNH | 15800101 | Nữ | 03/10/97 | | 108 | 6.88 | Trung bình khá |
| 5 | 01580008 | HỒ PHI | LONG | 15800101 | Nam | 17/11/97 | | 108 | 7.20 | Khá |
| 6 | 01580100 | LÊ THỊ CẨM | LY | 15800102 | Nữ | 12/01/97 | | 108 | 6.64 | Trung bình khá |
| 7 | 01580062 | HUỲNH LÊ HỒNG | NGỌC | 15800102 | Nữ | 29/08/97 | | 108 | 7.19 | Khá |
| 8 | 01580065 | THỊ SA | RA | 15800102 | Nữ | 06/03/97 | | 108 | 6.27 | Trung bình khá |
| 9 | 01580076 | VÕ TRẦN YẾN | THANH | 15800102 | Nữ | 16/04/97 | | 108 | 7.35 | Khá |
| 10 | 01580059 | NGUYỄN THỊ THANH | THẮM | 15800102 | Nữ | 20/11/97 | | 108 | 7.12 | Khá |
| 11 | 01580092 | NGUYỄN THỊ THANH | THẾ | 15800102 | Nữ | 28/07/97 | | 108 | 6.94 | Trung bình khá |
| 12 | 01580016 | HUỲNH THỊ | TRANG | 15800101 | Nữ | 26/09/97 | | 108 | 6.61 | Trung bình khá |
| 13 | 01580054 | LƯƠNG THỊ THÙY | VÂN | 15800102 | Nữ | 16/02/97 | | 108 | 6.32 | Trung bình khá |
| 14 | 01580086 | ĐỖ NHẬT THÚY | VI | 15800102 | Nữ | 23/09/97 | | 108 | 7.27 | Khá |

Ngày in 17/08/2018

CHÚ THÍCH:

- Cột "TC" = Tổng số tín chỉ các môn học trong suốt quá trình học, bao gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không bao gồm môn GDTC và GDQP)
- Cột "ĐTB" = Điểm TB của tất cả các môn trong suốt quá trình học, bao gồm gồm cả môn thi tốt nghiệp và luận văn( không tính môn GDTC,GDQP)

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐẠI HỌC**